DI SẢN HỒ CHÍ MINH

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO
TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH



BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP

NGUYỄN ÁI QUỐC

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

BẢN ÁN
CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP

NGUYỄN ÁI QUỐC

BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



NGUYỄN ÁI QUỐC *ở* Liên Xô (1923)



LỜI NÓI ĐẦU

"Bản án chế độ thực dân Pháp" (Le Procès de la Colonisation Française) *là tác phẩm của Hồ Chủ tịch viết bằng tiếng Pháp trong khoảng những năm 1921-1925, đăng tải lần đầu tiên năm 1925 tại Paris (thủ đô nước Pháp) trên báo Imprékor của Quốc tế Cộng sản.*

Tác phẩm gồm 12 chương và phần phụ lục, với cách hành văn ngắn gọn, súc tích, cùng với những sự kiện đầy sức thuyết phục, tác phẩm tố cáo thực dân Pháp dùng mọi thủ đoạn khốc liệt bắt "dân bản xứ" phải đóng "thuế máu" cho chính quốc... để "phơi thây trên chiến trường châu Âu"; đày đọa phụ nữ, trẻ em "thuộc địa"; các thống sứ, quan lại thực dân độc ác như một bầy thú dữ, v.v... Tác phẩm đã gây được tiếng vang lớn ngay từ khi ra đời, thức tỉnh lương tri của những con người yêu tự do, bình đẳng, bác ái, hướng các dân tộc bị áp bức đi theo con đường Cách mạng tháng Mười Nga và chủ nghĩa Mác – Lênin, thắp lên ngọn lửa đấu tranh cho độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội của dân tộc Việt Nam.

Năm 1946, ở Việt Nam, tác phẩm này đã được xuất bản bằng tiếng Pháp tại Hà Nội. Năm 1960, Nhà xuất bản Sự Thật lần đầu tiên đã xuất bản bằng tiếng Việt.

Nhân hưởng ứng cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Trẻ in tác phẩm **"Bản án chế độ thực dân Pháp"** *– một trong những đỉnh cao của văn chương chính luận cách mạng.*

Để giúp bạn đọc thuận tiện trong việc nghiên cứu nội dung tác phẩm, chúng tôi có in lại lời giới thiệu của Giáo sư – Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn, nguyên Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam.

Xin trân trọng giới thiệu quyển sách trên với độc giả.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



LỜI GIỚI THIỆU

Vào cuối thế kỉ 19, khi bọn thực dân Pháp đặt xong bộ máy cai trị ở Việt Nam, chúng bắt tay vào công cuộc khai thác đất nước ta với quy mô lớn. Sự bóc lột hết sức tàn ác, dã man của bọn tư bản độc quyền Pháp cộng với sự áp bức, bóc lột của bọn địa chủ phong kiến trong nước được chúng tiếp tay làm cho đời sống của nhân dân ta vô cùng điêu đứng, khổ cực.

Nước mất, nhà tan, đời sống bần cùng, không có con đường nào khác, nhân dân ta đã đứng dậy đấu tranh.

Trong mấy chục năm cuối thế kỷ thứ 19 và đầu thế kỷ thứ 20, các phong trào yêu nước cuồn cuộn dấy lên khắp từ Bắc chí Nam. Tầng tầng, lớp lớp thợ thuyền, dân cày, dân nghèo thành thị, nhà buôn, trí thức, học sinh... kết thành những đợt sóng đấu tranh liên tiếp, mạnh mẽ. Dưới những hình thức khác nhau, quần chúng khởi nghĩa trên những vùng rộng lớn chống bắt lính, bắt phu, chống sưu cao, thuế nặng, chống khủng bố, cầm tù, v.v...; nói chung lại, là chống ách áp bức bóc lột của chủ nghĩa thực dân Pháp. Tất cả đều thể hiện một tinh thần chung là chống đế quốc, chống sự hà khắc, tham nhũng của bọn quan lại, chống bọn phong kiến hợp tác với giặc, phản dân hại nước; tất cả đều thể hiện một ý chí chung là giành độc lập, tự do. Dù chưa đạt tới mục tiêu,

song các phong trào yêu nước lúc này, về khách quan, đã hình thành – dĩ nhiên là tự phát – những yếu tố, những đường viền của một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, bao gồm nhiều tầng lớp xã hội.

Nhưng do hạn chế của những điều kiện lịch sử, các phong trào yêu nước của tất cả các tầng lớp xã hội lúc này – kể cả các phong trào đấu tranh của công nhân đã xuất hiện ngay từ giữa những năm chín mươi của thế kỷ thứ 19 – đều chưa có đường lối đúng đắn. Những người cầm đầu các phong trào chưa phân biết được địch, ta, bạn, thù; chưa nhận thức được rằng đế quốc Pháp xâm lược Việt Nam không phải là hiện tượng riêng lẻ, mà làm một vấn đề thời đại gắn liền với cả giai đoạn lịch sử chủ nghĩa tư bản thống trị thế giới; họ chưa nhận rõ nhiệm vụ cách mạng Việt Nam lúc này là phải đánh đuổi đế quốc Pháp giành độc lập, tự do, đánh đổ phong kiến địa chủ giành quyền dân chủ cho nhân dân, giành ruộng đất cho nông dân; họ càng không thể thấy được lực lượng cách mạng chủ yếu là công, nông trong đó giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo.

Do những hạn chế đó, lại bị những đòn tấn công rất ác liệt, man rợ của quân thù, cho nên các phong trào đều lần lượt bị thất bại. Ách áp bức của kẻ thù càng thêm nặng, nỗi thống khổ của quần chúng càng thêm chồng chất, tiền đồ của dân tộc vẫn mờ mịt.

Nhưng tất yếu là, càng bị đàn áp, càng bị thất bại, càng thống khổ thì quần chúng càng thêm nung nấu lòng căm thù và ý chí chiến đấu, càng khát khao tìm cách thoát khỏi kiếp sống trâu ngựa.

Như vậy, một vấn đề mà lịch sử lúc này đặt ra là phải có

những người ưu tú, tiên tiến nhất trong đội ngũ những người yêu nước Việt Nam có khả năng vượt lên khỏi những hạn chế kể trên, tìm ra một con đường đúng đắn nhất cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người thanh niên giàu lòng yêu nước, tiên tiến nhất trong đội ngũ những người yêu nước đã nhận lấy trách nhiệm ấy trước lịch sử, xuất dương, tìm một con đường mới để cứu nước, cứu dân.

Ra đi, dĩ nhiên cũng với tư cách một người yêu nước như những người đi trước, nhưng đồng chí không đi con đường của những người đã đi – không cầu cạnh một lực lượng bên ngoài giúp dân mình (mà lực lượng bên ngoài đây lại không phải ai khác bè lũ đế quốc). Đồng chí đi về phương Tây, nơi có tư tưởng tự do, dân chủ, dân quyền, có khoa học, kỹ thuật hiện đại thu hút đồng chí. Đồng chí đi về phương Tây vì mục đích cách mạng và do một sự nhạy cảm cách mạng làm cho đồng chí nhận thấy chỉ ở đó mới có thể phát hiện ra cái nguồn gốc của mọi thảm họa đã trút lên đầu lên cổ dân tộc mình và cái đầu mối của sự nghiệp giải phóng đồng bào mình.

Đi khắp năm châu bốn biển, lăn lộn trong cuộc sống lao động và đấu tranh của quần chúng lao khổ ở các nước tư bản và thuộc địa, đâu đâu đồng chí cũng chứng kiến cảnh sống trái ngược giữa một bên là thiên đường của những kẻ giàu sang sống cảnh đế vương, một bên là địa ngục trần gian của hàng triệu người thuộc đủ mọi màu da sống kiếp ngựa trâu, tủi nhục, lầm than, đói rách.

Hàng chục năm phấn đấu, rèn luyện gian khổ trong đấu tranh và học tập đã làm sáng tỏ dần những chân lý cách mạng mà đồng chí đang cần tìm hiểu.

Chiến tranh thế giới thứ nhất một mặt đã bộc lộ đầy đủ bản chất bóc lột, tàn ác, dã man của chủ nghĩa đế quốc và sự suy yếu của nó; mặt khác nó lại là cơ hội để chủ nghĩa đế quốc tăng cường bóc lột giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức, đẩy sâu thêm con người lao động vào cảnh bần cùng. Sự kiện này làm bừng sáng lên trong nhận thức của đồng chí một chân lý: chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa tư bản là cội nguồn của mọi sự khổ đau của quần chúng, và quần chúng lao khổ ở đâu cũng là người chung số phận, và do đó chung một chiến tuyến với dân tộc mình.

Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi là một sự kiện đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với đời sống tinh thần của đồng chí. Nó đưa đồng chí đến chỗ khẳng định được con đường cách mạng đúng đắn nhất: con đường của Cách mạng tháng Mười. Đó là một chân lý mới. Nó thỏa mãn hoài bão lớn lao mà bao lâu đồng chí từng ôm ấp.

Dưới ánh sáng soi đường của Quốc tế cộng sản, của "Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa" do Lênin vạch ra, và dưới ảnh hưởng trực tiếp của cuộc đấu tranh thành lập Đảng Cộng sản Pháp – mà đồng chí là một trong những đảng viên đầu tiên, một trong những người tham gia thành lập – chủ nghĩa Mác – Lênin, chân lý cách mạng của thời đại, đã sáng tỏ, đã được khẳng định vững chắc trong nhận thức của đồng chí. Đó là bước chuyển biến quyết định về chất trong tư tưởng và lập trường chính trị của đồng chí.

Từ đó, đồng chí càng hoạt động nỗ lực và sôi nổi trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Hoạt động trong các tổ chức cách mạng và trong Hội Liên hiệp thuộc địa do đồng chí sáng lập, đồng chí đã viết nhiều

sách báo tấn công vào chủ nghĩa đế quốc, kêu gọi, thức tỉnh quần chúng, vạch phương hướng cho quần chúng ở các nước thuộc địa đấu tranh.

Đây cũng là lúc mà đồng chí viết cuốn sách nổi tiếng: "Bản án chế độ thực dân Pháp". *Cuốn sách này là sản phẩm tổng hòa của tất cả các tri thức – chính trị, triết học, xã hội, lịch sử, văn học và kinh nghiệm thực tiễn – được tiếp thu, bồi bổ, phát triển trong quá trình đấu tranh đầy sóng gió của Người.*

"Bản án chế độ thực dân Pháp" *viết bằng tiếng Pháp vào những năm 1921-1925 và được xuất bản đầu tiên vào năm 1925 tại Paris – thủ đô nước Pháp.*

Ngay từ khi mới ra đời, "Bản án chế độ thực dân Pháp" *lan truyền đi nhanh và rộng khác thường. Rất nhiều người trong và ngoài nước biết đến nó.*

Hun đúc trong đấu tranh cách mạng, "Bản án chế độ thực dân Pháp" *ra đời như một luồng ánh sáng mới xé tan đám mây mù đang bao phủ trên khắp đất Việt Nam và nhiều nước thuộc địa. Nó thỏa mãn cả lý trí và tình cảm của hàng triệu quần chúng cách mạng đang ngưỡng vọng và khát khao một chân trời mới; nó thu hút mạnh mẽ sự chú ý của nhiều lớp người tiến bộ đang mơ hồ, băn khoăn về một con đường giải phóng sáng sủa.*

"Bản án chế độ thực dân Pháp" *có tác động lớn về nhiều mặt như vậy là bởi lẽ: Thứ nhất, tác phẩm này ra đời giữa lúc mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa đế quốc, giữa dân tộc ta và bọn đế quốc Pháp đã đạt tới điểm bùng nổ; tinh thần và ý chí chống đế quốc của nhân dân ta và nhân dân bị áp*

bức ở các nước khác lên cao, đòi hỏi một ngọn cờ hướng đạo đúng đắn để đi vào một cuộc chiến đấu quyết định vận mệnh lịch sử của dân tộc. Thứ hai, tác phẩm này đề cập đến những người thật, việc thật, những chuyện xảy ra hằng ngày, "mắt thấy tai nghe" ở những hoàn cảnh cụ thể nhưng có quan hệ thiết thân đến vận mệnh của hàng chục triệu con người trong cái địa ngục trần gian gọi là "xứ thuộc địa" và lý giải nó một cách khoa học theo quan điểm Mác – Lênin, quan điểm tiên tiến nhất của thời đại.

"Bản án chế độ thực dân Pháp" *trước hết là một bản cáo trạng. Nó tố cáo tội ác của bọn thực dân Pháp không phải chỉ ở Đông Dương, ở Việt Nam mà ở khắp các thuộc địa: Angiêri, Tuynidi, Tây Phi v.v... Trên thế tấn công,* "Bản án chế độ thực dân" *lột mặt nạ chủ nghĩa đế quốc bằng những chứng cớ, tang vật không thể chối cãi được. Và như các quan tòa thường xử những phạm nhân trọng tội, tác phẩm đã lôi bọn hung thủ – lũ kẻ cướp toàn cầu, ra trước vành móng ngựa, bắt chúng trả lời và diễn lại tại chỗ những tội ác mà chúng đã phạm với loài người hằng mấy thế kỷ. Bằng lý lẽ đanh thép, tác phẩm đã bóc trần bản chất bóc lột, tàn ác, dã man, phản động của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa thực dân:*

Đó là việc vũ trang xâm lược "bình định" đất nước ta, đàn áp đẫm máu các phong trào yêu nước của ta, để đặt và củng cố ách thống trị, bóc lột của chúng đối với nhân dân ta;

là bóc lột bằng "thuế máu" – đầy đọa những con người gọi là "dân bản xứ" trên các chiến trường châu Âu trong chiến tranh thế giới thứ nhất (Chương I);

là "việc đầu độc người bản xứ" bằng thuốc phiện và rượu cồn. (Chương II);

là việc giáng vào người bản xứ nào sưu thuế “nặng oẳn lưng”, nào công trái, nào phu phen tạp dịch;

là “chính sách ngu dân” (làm cho dân ngu để dễ trị), một “chính sách mà các nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất”. (Chương IX);

là những luật lệ đặt ra vô tội vạ, hết sức khắc nghiệt, cho phép các nhà cầm quyền hễ ngứa tay thì phạt vạ, tống tù và kèm theo thảm sát đẫm máu;

vân vân và vân vân.

“Bản án chế độ thực dân Pháp” *còn chỉ mặt gọi tên những kẻ đại diện cho “nước mẹ” cho “tự do”, “công lý”, cho “sự nghiệp khai hóa” và “truyền bá văn minh”, đang ra tay hoành hành ở khắp các thuộc địa. Tất cả bọn chúng, toàn quyền, thống đốc, khâm sứ, công sứ... cho đến bọn đội lốt tôn giáo trong các giáo hội và bọn tay sai mạt hạng của chúng, đều là lũ phản động, vô liêm sĩ, bóc lột tàn ác.*

Sức tố cáo của tác phẩm càng mạnh mẽ thêm khi mô tả những nổi khổ nhục của người dân bản xứ, nhất là “nỗi khổ nhục của người phụ nữ bản xứ” (Chương XI). *Dưới nanh vuốt của bọn thực dân, mọi tầng lớp thuộc người bản xứ, vua quan, hào lý, tư sản, trí thức, viên chức hay người dân lao động, từ cụ già đến trẻ em, đều bị coi là đám nô lệ thấp hèn, đều bị đối xử như súc vật và tính mạng đều “không đáng giá một trinh”. Bị cướp đoạt, đốt phá, giết chóc, đánh đập, hãm hiếp là chuyện hằng ngày xảy ra đối với người bản xứ ở khắp các thuộc địa.*

Từ việc mô tả sinh động, cụ thể những cảnh bần cùng, cơ cực của quần chúng, tác phẩm tỏa ra một mối tình đồng cam

cộng khổ, thương yêu dạt dào đối với quần chúng bị áp bức, những người cùng chung số phận với dân tộc mình.

Thông cảm sâu sắc với quần chúng, đứng trên lập trường những người vô sản tiên tiến bênh vực quần chúng lao khổ bị áp bức, đó là một nội dung của chủ nghĩa nhân đạo cộng sản cao cả; đó cũng là một biểu hiện của sự kết hợp nhuần nhuyễn tinh thần yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong một con người mà cuộc đời ngay từ buổi ra đi đã gắn chặt với vận mệnh của những người vô sản và những người lao khổ ở khắp hoàn cầu.

Giữa những năm màn đêm còn bao phủ khắp các thuộc địa, bọn thực dân Pháp cùng bè lũ cơ hội – mà đại biểu của nó là Quốc tế thứ hai – đang ra sức tuyên truyền những luận điệu thực dân phản động, bênh vực chủ nghĩa đế quốc, thì "Bản án chế độ thực dân Pháp" *đã giáng vào đầu bọn chúng một đòn tấn công ác liệt, luận tội bọn chúng, và đứng hẳn vào hàng ngũ những người vô sản tiên tiến bênh vực cho quần chúng lao khổ và các dân tộc bị áp bức. Đó là một phương thức cơ bản trong sách lược tấn công của cách mạng lúc ấy và tác phẩm trở thành tiếng nói tiêu biểu cho cái thế tấn công của thời đại.*

Nhưng đi xa hơn nữa, ở tầm nhìn cao hơn nữa, "Bản án chế độ thực dân Pháp" *còn vạch rõ kẻ thù của quần chúng lao động và các dân tộc bị áp bức. Đó là chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc. Hình thù của nó là con đỉa hai vòi, một vòi hút máu của giai cấp vô sản và nhân dân lao động ở chính quốc, một vòi hút máu của giai cấp vô sản và nhân dân lao động ở các thuộc địa. Sự có mặt và sự tác oai tác quái của nó trên trái đất này là cội nguồn của mọi thảm họa, mọi nỗi khổ đau đã trút lên đầu lên cổ nhân dân các thuộc địa từ mấy thế kỷ*

nay. Đồng thời, tác phẩm đã vạch ra cái mâu thuẫn không thể điều hòa được giữa chúng – kẻ đã gây ra mọi thảm họa, với giai cấp vô sản và nhân dân bị áp bức – người đã từng chịu mọi thảm họa. Và với tầm nhìn xa thấy rộng ấy (nó vốn là kết quả của một tư duy cách mạng, một thế giới quan mới, hoàn toàn thoát khỏi ảnh hưởng của các hệ tư tưởng cũ, tác phẩm đã chỉ rõ ràng, chính quần chúng nhân dân là lực lượng cách mạng tiêu diệt chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, và những người vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng.

Từ trong đêm tối của cuộc đời lầm than đau khổ, tác phẩm đã mở ra cho quần chúng thấy cảnh tương lai tươi sáng. Tương lai đó là hiện thực trên đất nước Nga Xôviết sau Cách mạng tháng Mười. Tác phẩm khẳng định cho quần chúng một lòng tin sắt son vào cái tương lai ấy, và chỉ rõ ràng, tương lai ấy đang được chuẩn bị ở Trường đại học phương Đông, ngay trên đất nước Nga Xôviết. Trường này "đang ấp ủ dưới mái của mình tất cả tương lai của các dân tộc thuộc địa"!

Hướng tới tương lai đó, với khí thế tấn công cách mạng sôi nổi, tác phẩm đã vạch ra đường lối chiến lược và sách lược cho quần chúng đấu tranh quật ngã kẻ thù. Tác phẩm khẳng định đã là người mất nước thì ai ai cũng bị sống kiếp nô lệ, dù là người Việt Nam, Angiêri, Đahômây, Xiri, Tây Phi... Hay Xênêgan. Tất cả những người vô sản và nhân dân lao động kể cả ở nước Pháp, đều có chung một mối thù không đội trời chung với chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Vì vậy, tất cả hãy thực hiện lời hiệu triệu của Các Mác: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!". Hãy đi theo con đường của Cách mạng tháng Mười, đoàn kết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực

dân, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, cơm áo, danh dự cho con người!

Tác phẩm vạch rõ, bản chất của chủ nghĩa tư bản là con đỉa có hai vòi. Muốn diệt trừ nó, phải đồng thời chặt đứt cả hai vòi. Như vậy, nghĩa là tác phẩm đã đề ra nhiệm vụ cách mạng vô sản ở chính quốc và nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ đó cũng như mối quan hệ giữa cách mạng vô sản ở phương Tây và cách mạng giải phóng dân tộc ở phương Đông.

Cũng trên tinh thần ấy, tác phẩm đã khẳng định rõ nhiệm vụ của giai cấp vô sản ở chính quốc là vừa phải giác ngộ, tổ chức quần chúng ở chính quốc làm cách mạng, đồng thời "không được quên rằng bổn phận của mình" là phải đoàn kết chặt chẽ, ủng hộ giai cấp vô sản và nhân dân các thuộc địa, không phải chỉ bằng lời nói mà bằng hành động thực tiễn cách mạng, cùng nhau tiêu diệt kẻ thù chung.

Tác phẩm còn khẳng định rằng, sự nghiệp giải phóng dân tộc ở Việt Nam, cũng như ở mỗi nước, phải là một bộ phận gắn liền với sự nghiệp cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc trên phạm vi toàn thế giới. Trên tình đoàn kết quốc tế vô sản, giữa những người, những dân tộc cùng chung một chiến tuyến, tác phẩm đã biểu dương sức mạnh của những đợt sóng đấu tranh mang ý nghĩa thời đại đang dâng lên mạnh mẽ trên các thuộc địa như Xiri, Đahômây, v.v..., ca ngợi các cuộc đấu tranh của công nhân Việt Nam và coi đó là "dấu hiệu của thời đại".

*

* *

“Bản án chế độ thực dân Pháp” *ra đời là một cái mốc quan trọng đánh dấu sự trưởng thành trong ý thức cách mạng của nhân dân Việt Nam. Nó đáp ứng những đòi hỏi bức thiết của cách mạng Việt Nam về một đường lối sáng suốt và đúng đắn, để thoát ra khỏi tình trạng mơ hồ về phương hướng và mục tiêu cách mạng.*

“Bản án chế độ thực dân Pháp” *là một đóng góp sáng tạo có ý nghĩa lịch sử lớn lao vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam. Với tác phẩm này, ánh sáng của chân lý cách mạng của thời đại đã soi rọi vào tâm trí nhân dân ta và các dân tộc bị áp bức. Tác phẩm làm bùng sáng lên trong nhận thức của nhân dân về con đường cách mạng duy nhất đúng đắn, con đường của chủ nghĩa Mác – Lênin, làm cho mọi người thấy rằng chủ nghĩa Mác – Lênin là cái mình đang mong đợi, khát khao.*

Nhằm vào việc giải quyết vấn đề cơ bản của thời đại, “Bản án chế độ thực dân Pháp” *đã vạch rõ bạn thù, vạch rõ mục tiêu cách mạng và bước đầu vạch ra chiến lược, sách lược của cách mạng cho nhân dân ta và các dân tộc bị áp bức. Đồng thời, tác phẩm cũng đã gợi ra phương hướng vận dụng những chân lý phổ biến vào điều kiện cụ thể của mỗi nước.*

Như vậy, trên bình diện chính trị, “Bản án chế độ thực dân Pháp” *là sự chuẩn bị về tư tưởng, nhận thức cho các dân tộc bị áp bức đi vào cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do, giành quyền thống trị xã hội về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đó là một vấn đề có ý nghĩa chiến lược quan trọng của cách mạng.*

Ra đời trong bối cảnh lịch sử cụ thể của thế giới và của đất nước vào những năm hai mươi của thế kỷ XX, “Bản án chế

độ thực dân Pháp" *có một giá trị lịch sử to lớn. Nó lý giải một cách khoa học theo quan điểm Mác – Lênin những vấn đề cơ bản mà lịch sử loài người đang đặt ra và đòi hỏi phải giải quyết. Nó đề cập những vấn đề có quan hệ đến vận mệnh lịch sử của thế giới, đến con đường phát triển tất yếu của lịch sử loài người trong thời đại ngày nay.*

Riêng ở Việt Nam, cùng với việc chuẩn bị một đội ngũ tiên phong lãnh đạo cách mạng để giải đáp những đòi hỏi của lịch sử, "Bản án chế độ thực dân Pháp" *đã góp phần quan trọng thúc đẩy lịch sử Việt Nam tiến tới, thức tỉnh và thôi thúc dân tộc ta cùng hòa nhịp với các dân tộc bị áp bức trên thế giới bước nhanh vào kỷ nguyên mới của loài người: kỷ nguyên của độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.*

Qua nội dung phong phú, sâu sắc của tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp", *chúng ta có thể nói một cách khái quát rằng: Tác phẩm là sản phẩm của sự kết hợp biện chứng, sinh động, tài tình những nguyên lý phổ biến của học thuyết Mác – Lênin về chủ nghĩa đế quốc, về vấn đề dân tộc và thuộc địa với thực tiễn của phong trào công nhân, phong trào giải phóng dân tộc dưới ánh sáng của Cách mạng tháng Mười vĩ đại. Về mặt lý luận, phương pháp luận, và về giá trị thực tiễn, tác phẩm đã vượt ra ngoài khuôn khổ của cái đầu đề* "Bản án chế độ thực dân Pháp".

Tác phẩm này viết cách đây nửa thế kỷ[1]*, nhưng khoảng thời gian đó không hề làm phai mờ những ý nghĩa, tác dụng, những giá trị lớn về lý luận và thực tiễn của nó. Trái lại, nửa thế kỷ qua, cách mạng thế giới và trong nước càng phát triển, ý thức cách mạng của nhân dân ta càng trưởng thành, thì*

1 Thời điểm viết lời giới thiệu là năm 1975.

những giá trị lớn của nó càng được nhận thức đầy đủ, càng trở nên cao quý.

*

* *

"Bản án chế độ thực dân Pháp" *là một tác phẩm vốn có giá trị lớn về nội dung. Nhưng giá trị ấy lại càng nổi bật lên với một nghệ thuật biểu hiện sắc sảo.*

Tác phẩm đề cập những vấn đề lớn của thời đại, nhưng lại không phân tích dài dòng, khô khan, mà đi từ việc diễn tả những hiện tượng hằng ngày xảy ra trong những hoàn cảnh cụ thể, dẫn đến những kết luận sắc, gọn, súc tích.

Trên cơ sở diễn tả những sự việc cụ thể đó, rọi vào nó ánh sáng của tư tưởng mới, tác phẩm làm cho tư duy của người đọc mở mang, dẫn đến những suy nghĩ rộng và xa hơn, rồi lại trở về vấn đề trọng tâm với một nhận thức sâu sắc, sáng rõ hơn.

Từ những việc riêng lẻ dưới những đầu đề khác nhau được đặt trong một kết cấu lôgích, tác phẩm hình thành một chỉnh thể, một bức tranh toàn diện: về cái địa ngục trần gian của kiếp người nô lệ; về cái thiên đường của bọn giàu sang; hay về những bộ mặt tàn ác, bỉ ổi của quân thù, v.v...

Hình thức biểu hiện của tác phẩm, về mọi mặt, từ cách diễn tả, cách sử dụng ngôn ngữ, cách chọn lọc những chi tiết, những hiện tượng, những hình ảnh, cách sử dụng các yếu tố của nghệ thuật châm biếm, đến cách bố cục từng chương, mục và toàn tác phẩm, đều có những nét rất độc đáo. Trong các biện pháp nghệ thuật đó, nghệ thuật châm biếm là một biện pháp được sử dụng rất tài tình, tinh tế, sắc sảo.

Ngoài tư cách chủ yếu là một tác phẩm chính trị, "Bản án chế độ thực dân Pháp" *còn là tác phẩm có giá trị về nhiều mặt như văn học, ngôn ngữ, lịch sử, v.v... cần được nghiên cứu, khai thác và giới thiệu một cách đầy đủ và nghiêm túc.*

*

* *

Hiện nay, xã hội Việt Nam đang ở vào một giai đoạn lịch sử căn bản khác với nửa thế kỷ trước đây. Những nhiệm vụ lịch sử đặt ra trước mắt dân tộc ta do đó cũng khác trước. Cả về thế và lực, cả trong nước và trên trường quốc tế, chúng ta đang ở trên một vị trí khác trước về căn bản.

Trong lúc này, học tập, nghiên cứu để nhận thức đầy đủ, sâu sắc những giá trị lý luận và thực tiễn của tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" *và thực hiện những điều chỉ giáo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc – tức Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến của chúng ta – là hết sức có ý nghĩa đối với việc thực hiện Di chúc thiêng liêng của Người là "đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".*

Hà Nội, ngày 1 tháng 5 năm 1975

NGUYỄN KHÁNH TOÀN



CHƯƠNG I[1]

THUẾ MÁU

I – CHIẾN TRANH VÀ "NGƯỜI BẢN XỨ"

Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen hèn hạ, những tên "Annamít" hèn hạ, giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi[2] vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa "con yêu", những người "bạn hiền" của các quan cai trị phụ mẫu nhân hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữa[3]. Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là "chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do". Nhưng họ đã phải trả bằng một cái giá khá đắt cái vinh dự đột ngột ấy, vì để bảo vệ cho cái công lý và tự do mà chính họ không được hưởng

1 Bản in năm 1925 có lời giới thiệu của Nguyễn Thế Truyền.

2 Cuộc chiến tranh vui tươi: Ý tác giả nói về cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918)

3 Nguyên văn: nos gouverneurs plus ou moins généraux.

một tí nào, họ đã phải đột ngột xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ, để vượt đại dương, đi phơi thây trên cái bãi chiến trường châu Âu. Trong lúc vượt biển, nhiều người bản xứ, sau khi được mời chứng kiến cảnh kỳ diệu của trò biểu diễn khoa học về phóng ngư lôi, đã được xuống tận đáy biển để bảo vệ tổ quốc của các loài thủy quái. Một số khác đã bỏ xác tại những miền hoang vu thơ mộng vùng Bancăng, lúc chết còn tự hỏi phải chăng nước mẹ muốn chiếm ngôi nguyên phi trong cung cấm vua Thổ, – chả thế sao lại đem nướng họ ở những miền xa xôi ấy? Một số khác nữa thì đã anh dũng đưa thân cho người ta tàn sát trên bờ sông Mácnơ[1], hoặc trong bãi lầy miền Sămpanhơ[2], để lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy và lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế.

Cuối cùng, ở hậu phương, những người làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm, tuy không phải hít hơi ngạt của bọn "Bôsơ"[3], nhưng lại nhiễm phải những luồng khí độc đỏ ối của người Pháp; đằng nào cũng thế thôi, vì những kẻ khốn khổ ấy cũng đã khạc ra từng miếng phổi, chẳng khác gì đã hít phải hơi ngạt vậy.

Tổng cộng có bảy mươi vạn người bản xứ đã đặt chân

1, 2 Mácnơ (Marne), Sămpanhơ (Champagne): Hai chiến trường ở miền Bắc nước Pháp. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, trên hai chiến trường này đã diễn ra những trận đánh ác liệt giữa quân Pháp và quân Đức.

3 Boches: Tiếng tục và có ý khinh bỉ, lúc đó người Pháp thường dùng để chỉ những cái gì thuộc về quân Đức, người Đức, đồ dùng của Đức, v.v...

lên đất Pháp; và trong số ấy, tám vạn người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa!

II – CHẾ ĐỘ LÍNH TÌNH NGUYỆN

Một bạn đồng nghiệp nói với chúng tôi: dân lao khổ bản xứ ở Đông Dương từ bao đời nay bị bóp nặn bằng đủ mọi thứ thuế khóa, sưu sai, tạp dịch, bằng cưỡng bức phải mua rượu, và thuốc phiện theo lệnh quan trên, từ 1915-1916 tới nay, lại còn phải chịu thêm cái vạ mộ lính nữa.

Những biến cố trong mấy năm gần đây là cái cớ để người ta tiến hành những cuộc lùng ráp lớn về nhân lực trên toàn cõi Đông Dương. Những người bị bắt đều bị nhốt vào trại lính với đủ thứ tên: lính khố đỏ, lính thợ chuyên nghiệp, lính thợ không chuyên nghiệp, v.v...

Theo ý kiến của tất cả các cơ quan có thẩm quyền không thiên vị được giao cho sử dụng ở châu Âu "vật liệu biết nói" châu Á, thì vật liệu này đã không đưa lại kết quả tương xứng với chi phí rất lớn về chuyên chở và bảo quản.

Sau nữa, việc săn bắt thứ "vật liệu biết nói" đó, mà lúc bấy giờ người ta gọi là "chế độ lính tình nguyện" (danh từ mỉa mai một cách ghê tởm) đã gây ra những vụ nhũng lạm hết sức trắng trợn.

Đây! Chế độ lính tình nguyện ấy được tiến hành như thế này: vị "chúa tỉnh" – mỗi viên công sứ ở Đông Dương quả là một vị "chúa tỉnh" – ra lệnh cho bọn quan

lại dưới quyền, trong một thời hạn nhất định phải nộp cho đủ một số người nhất định. Bằng cách nào, điều đó không quan trọng. Các quan cứ liệu mà xoay xở. Mà cái ngón xoay xở kiểu D[1] thì các ông tướng ấy thạo hết chỗ nói, nhất là xoay xở làm tiền.

Thoạt tiên, chúng tóm những người khỏe mạnh, nghèo khổ, những người này chỉ chịu chết thôi không còn kêu cứu vào đâu được. Sau đó, chúng mới đòi đến coi cái nhà giàu. Những ai cứng cổ thì chúng tìm ngay ra dịp để sinh chuyện với họ hoặc với gia đình họ, và nếu cần, thì giam cổ họ lại cho đến kho họ phải dứt khoát chọn lấy một trong hai con đường: "đi lính tình nguyện, hoặc xì tiền ra".

Những người bị tóm đi như thế còn hào hứng gì nữa với cái nghề cột vào cổ họ. Cho nên, bước chân vào trại lính là họ liền tìm mọi cơ hội để trốn thoát.

Còn những người nào thấy không thể thoát khỏi số phận hẩm hiu, thì tìm cách tự làm cho mình nhiễm phải những bệnh nặng nhất, mà thông thường hơn cả là bệnh đau mắt toét chảy mủ, gây ra bằng cách xát vào mắt nhiều thứ chất độc, từ vôi sống đến mủ bệnh lậu.

*

* *

Ấy thế mà trong một bản bố cáo với những người bị bắt lính, phủ toàn quyền Đông Dương, sau khi hứa

1 Nguyên văn: *Le Système D.* D, chữ đầu của từ *débrouillard,* có nghĩa là xoay xở, tháo vát.

hẹn ban phẩm hàm cho những lính sẽ còn sống sót và truy tặng những người sẽ hy sinh “cho Tổ quốc”, đã trịnh trọng tuyên bố rằng:

“Các bạn đã *tấp nập* đầu quân, các bạn đã *không ngần ngại* rời bỏ quê hương xiết bao trìu mến để người thì hiến dâng xương máu của mình như lính khố đỏ[1], kẻ thì hiến dâng cánh tay lao động của mình như lính thợ”.

Nếu quả thật người An Nam phấn kởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lî, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hòa và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sốt sắng đầu quân “tấp nập” và “không ngần ngại”?

Những vụ trốn đi lính và đào ngũ (tính ra có đến 50 phần trăm trong hàng ngũ quân dự bị) đều bị đàn áp không gớm tay và những cuộc đàn áp lại gây ra những cuộc binh biến bị dìm trong biển máu[2].

Bản bố cáo của phủ toàn quyền còn cẩn thận nhắc thêm rằng, tất nhiên muốn xứng đáng với “lòng tốt rõ rệt” và “độ lượng lớn lao” của chính phủ thì “các anh (binh lính Đông Dương) cần phải cư xử đúng đắn và không được làm một điều gì cho người ta phải phàn nàn cả”.

1 Bản tiếng Pháp: “les tirailleurs”.

2 Bản tiếng Pháp: “... qui ont été étouffées dans le sang” chỉ có nghĩa “bị dìm trong máu”.

Viên chỉ huy tối cao quân đội Đông Dương còn có một lối đề phòng khác: ông ta bắt thích vào lưng hoặc cổ tay của từng người lính mới mộ một con số không thể nào tẩy xóa được bằng một dung dịch nitơrát bạc.

Ở đây cũng giống như ở châu Âu, sự khốn khổ của những người này là nguồn lợi nhuận của những kẻ khác: nào là bọn đeo lon chuyên nghiệp may mắn vớ được công việc tuyển mộ và quản lý lính mới bản xứ mà lánh xa được càng lâu càng tốt những cuộc giao chiến nguy hiểm ở châu Âu; nào là bọn chủ thầu lương thực làm giàu vùn vụt bằng cách bỏ đói những lính mộ khốn khổ; nào là bọn độc quyền tiếp liệu thông đồng với bọn quan chức để gian lậu, đầu cơ.

Về chuyện này, cần nói thêm là còn một loại chế độ tình nguyện khác nữa: tình nguyện mua công trái. Biện pháp tiến hành thì cũng như thế. Ai có máu mặt là phải bỏ tiền ra. Kẻ nào khó bảo thì người ta dùng cách dụ dỗ và cưỡng bách đến phải mua mới thôi.

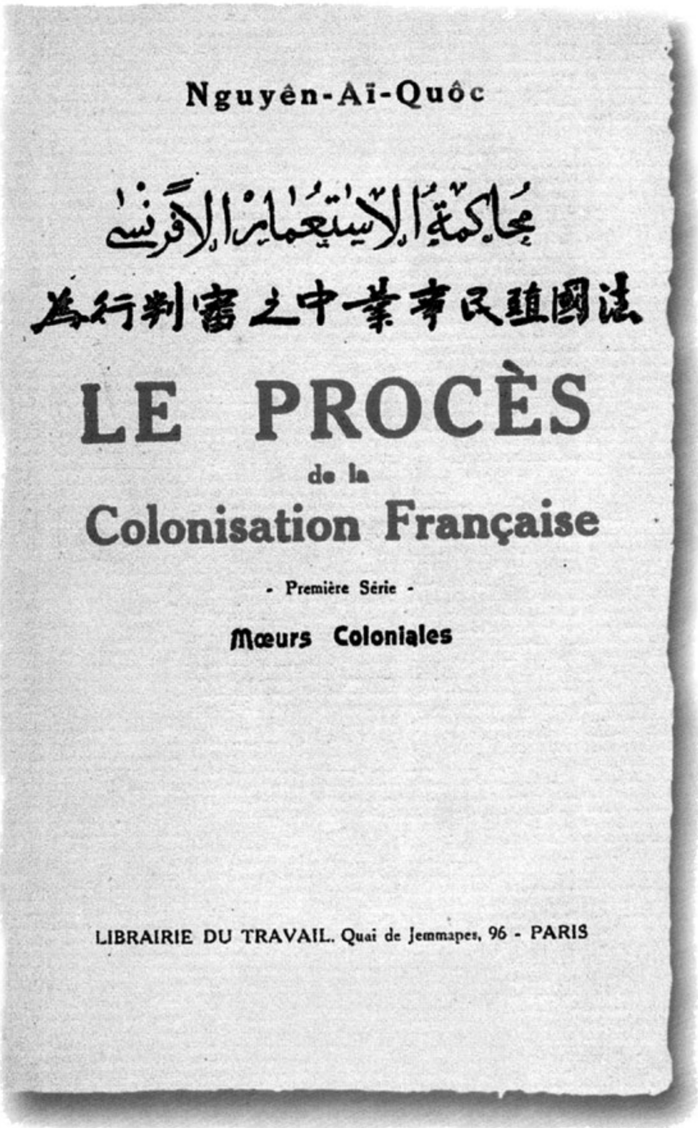
Phần đông những người mua công trái ở Đông Dương không hiểu gì về thể thức tài chính cả; họ coi việc mua công trái cũng như đóng một thứ thuế mới và coi các phiếu công trái không khác gì những biên lai nộp thuế.

*

* *

Bây giờ thử xem chế độ mộ lính tình nguyện đã được tổ chức ở các thuộc địa khác như thế nào.

Lấy Tây Phi làm thí dụ:



Nguyên-Aï-Quôc

محاكمة الاستعمار الافرنسي

法國殖民帝業中之審判行為

LE PROCÈS
de la
Colonisation Française

- Première Série -

Mœurs Coloniales

LIBRAIRIE DU TRAVAIL. Quai de Jemmapes, 96 - PARIS

Sách *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* của Nguyễn Ái Quốc,
xuất bản lần đầu tiên ở Pháp năm 1925.

Ở đây, bọn chỉ huy quân đội kéo quân đến từng làng bắt bọn hào mục phải nộp *ngay lập tức* đầy đủ số người chúng muốn tuyển mộ. Để buộc những thanh niên Xênêgan bỏ trốn phải ra nhận đội mũ lính, chẳng phải một viên chỉ huy đã tra tấn, hành hạ các thân nhân của họ, và cho rằng làm như thế là tài giỏi đó sao? Chính hắn đã bắt các ông bà già, đàn bà có thai, con gái, đem lột trần truồng, rồi đốt hết quần áo trước mặt họ. Những nạn nhân khốn khổ đó mình trần như nhộng, tay trói cánh khuỷu buộc phải chạy khắp các thôn xã dưới làn roi vọt, để "nêu gương"! Một người đàn bà cõng con phải van xin mãi mới được cởi trói một tay để đỡ đứa bé. Trong khi chạy, hai cụ già đã ngã chết ngất đi; nhiều em gái khiếp sợ trước những hành vi bạo ngược đó, đã hành kinh trước tuổi; một người đàn bà trụy thai, một chị khác đẻ một đứa con mù.

*

* *

Có rất nhiều thủ đoạn bắt lính.

Thủ đoạn sau đây đã tỏ ra nhanh và tiện nhất:

Lấy dây chăng ngang hai đầu con đường chính trong làng lại. Thế là tất cả những người da đen ở vào giữa đều coi như chính thức phải tòng quân.

Một nhân chứng đã viết cho chúng tôi như sau: "Giữa trưa ngày 3 tháng 3 năm 1923, bọn hiến binh vây ráp các bến cảng Ruyphixcơ và Đaca[1], rồi tóm tất cả

1 Rufisque et Dakar: Tên những hải cảng của nước Xênêgan.

những người bản xứ làm việc ở đó. Những anh chàng này vì không tỏ vẻ sốt sắng đi bảo vệ văn minh ngay, nên người ta rước họ lên ô tô cam nhông mời về nhà lao. Ở đấy, sau khi họ có đủ thì giờ để thay đổi ý kiến rồi, người ta mới đưa họ sang trại lính.

Ở trại lính, sau những nghi lễ biểu dương tinh thần yêu nước, 29 lính tình nguyện được tuyên dương có thể trở nên anh hùng của cuộc chiến tranh cuối cùng nay mai... Bây giờ thì tất cả đều nóng lòng muốn lấy lại miền Ruya[1] cho nước mẹ.

Nhưng theo lời tướng Mănggianh[2], người hiểu rõ nhất, thì đó chỉ là những đội quân "để đem nướng trước mùa đông"".

Chúng tôi hiện có trong tay bức thư của một người Đahômây, vốn là cựu binh, đã từng làm "nghĩa vụ" trong cuộc chiến tranh "vì công lý". Một vài đoạn trích trong bức thư sẽ vạch rõ cho các bạn thấy người "Batuala"[3] đã được bảo vệ như thế nào và các quan cai trị thuộc địa nhà ta đã nặn ra lòng trung thành của người bản xứ như thế nào để tô điểm cho tất cả những bài diễn văn của các nhà cầm quyền và làm đề tài cho tất cả những bài báo của bọn Rêgixmăngxê và Hôde[4] thuộc đủ cỡ.

Bức thư viết: "Năm 1915, khi ông M.Nuphơla, thống

---

1 Ruhr: Vùng công nghiệp của Đức, sau chiến tranh thế giới thứ nhất, bị cắt giao cho Pháp từ năm 1921 đến năm 1925.

2 Mangin: Tướng Pháp (1866-1925) đã tham gia chiến thắng Vécđoong, từng chỉ huy đội quân xâm lược Xuđăng, Bắc Kỳ, Marốc.

3 Batouala: Tên một bộ lạc ở vùng xích đạo châu Phi.

4 Régismanset et Hauser: Tên những người viết báo tay sai, có nghĩa như những tên bồi bút.

đốc Đahômây, ra lệnh bắt lính, thì làng tôi bị bọn cảnh sát cùng lính cơ cướp phá và đốt sạch. Tất cả tài sản của tôi đều bị mất hết trong các cuộc đốt phá đó. Tuy thế, tôi vẫn bị cưỡng bách nhập ngũ, và mặc dầu là nạn nhân của việc xúc phạm bỉ ổi đó, tôi đã làm nghĩa vụ của tôi ở mặt trận bên Pháp. Tôi bị thương ở trận Exnơ(1).

Ngày nay, chiến tranh đã chấm dứt, tôi sắp trở về nước, nhưng không còn nhà cửa, của cải gì cả.

Người ta đã cướp của tôi:

1000 phrăng tiền mặt;

12 con lợn;

15 cừu;

10 dê;

60 gà;

8 tấm vải quấn mình;

5 áo mặc ngoài;

10 quần;

7 mũ;

1 dây chuyền bằng bạc;

2 hòm đồ vặt.

“Đây là tên những bạn cùng ở một xóm đã bị cưỡng bách nhập ngũ cùng ngày với tôi, và nhà cửa cũng đã bị cướp phá và đốt sạch. (Ghi tiếp theo tên bảy người).

---

1 Exnơ (Aisne): Tên một vùng trên bờ sông Exnơ (một nhánh của sông Oado) ở Pháp. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, ở đây đã diễn ra những trận đánh ác liệt giữa quân Pháp và quân Đức.

Còn nhiều nạn nhân nữa của những chiến công kiểu ấy của ngài thống đốc Nuphơla, nhưng tôi không biết rõ tên những người đó để gửi cho các anh hôm nay…"

Chắc bọn "Bôsơ" của vua Ghiôm[1] cũng không làm được hơn thế.

III – KẾT QUẢ CỦA SỰ HY SINH

Khi đại bác đã ngấy thịt đen, thịt vàng rồi, thì những lời tuyên bố tình tứ của các ngài cầm quyền nhà ta bỗng dưng im bặt như có phép lạ, và cả người "Nêgơrô"[2] lẫn người "Annamít" mặc nhiên trở lại "giống người hèn hạ".

Để ghi nhớ công lao người lính An Nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, bộ quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kỷ niệm đủ thứ, v.v…, trước khi đưa họ đến Mácxây xuống tàu về nước, đó sao? Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt, không giường nằm, không ánh sáng, thiếu không khí đó sao? Về đến xứ sở, chẳng phải họ đã được một quan cai trị biết ơn đón chào nồng nhiệt bằng một bài diễn văn yêu nước đó sao!: "Các anh đã bảo vệ Tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!".

Thế là những "cựu binh" – đúng hơn là cái xác còn

1 Ghiôm (Guillaume, 1859-1941): Ghiôm II, vua nước Đức trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất.

2 Négro: Danh từ chỉ người da đen.

lại – sau khi đã dũng cảm bảo vệ chính nghĩa và công lý nay tay không trở về với chế độ bản xứ của họ, một chế độ không biết gì đến chính nghĩa và công lý cả.

Theo báo chí Đông Dương thì thương binh người Pháp bị mất một phần thân thể và vợ của tử sĩ người Pháp đều được cấp môn bài bán lẻ thuốc phiện.

Như thế là trong một việc mà chính quyền thuộc địa đã phạm tới hai tội ác đối với nhân loại. Một mặt, họ vẫn chưa thỏa khi tự tay làm cái việc bỉ ổi của người đầu độc, mà còn muốn lôi kéo vào đây cả những nạn nhân đáng thương hại của cuộc huynh đệ tương tàn nữa. Mặt khác, họ coi rẻ tính mạng và xương máu của những kẻ đã bị họ lừa bịp, đến nỗi tưởng rằng chỉ cần quẳng cho những người này khúc xương thối ấy là đủ để đền bù được một cánh tay bị mất hoặc mạng của một người chồng.

Chúng tôi chắc rằng thương binh và quả phụ chiến tranh sẽ đá văng món quà nhơ nhớp ấy và nhổ vào mặt kẻ tặng quà. Chúng tôi cũng tin chắc rằng thế giới văn minh và người Pháp lương thiện sẽ đứng về phía chúng tôi để lên án bọn cá mập thực dân đang không ngần ngại đầu độc cả một dân tộc để vơ vét cho đầy túi.

*

* *

Theo tục lệ An Nam, khi trong làng có người chết thì những người xay lúa, giã gạo phải tỏ lòng kính trọng vong linh người chết và thông cảm nỗi đau buồn của tang gia bằng cách im lặng không hát hò trong khi xay

giả như họ vẫn thường làm. Nhưng nền văn minh hiện đại được đưa vào nước chúng tôi bằng bạo lực có cần gì phải tế nhị đến như thế. Xin đọc câu chuyện sau đây đăng trên một tờ báo ở Nam Kỳ:

Những ngày hội ở Biên Hòa

"Để lấy tiền bỏ vào quỹ xây dựng đài *kỷ niệm người An Nam trận vong* của tỉnh Biên Hòa, ban tổ chức ngày hội đang tích cực chuẩn bị một chương trình tuyệt diệu.

Người ta bàn tán sẽ có nào là *yến tiệc giữa vườn theo kiểu Anh*[1], nào là *chợ phiên*, nào là *khiêu vũ ngoài trời*, v.v..., tóm lại, sẽ có *nhiều và đủ thứ trò chơi* để ai ai cũng có thể góp phần làm việc nghĩa *một cách thú vị nhất đời.*

Quý ông phi công ở sân bay Biên Hòa có nhã ý sẽ góp phần vào cuộc vui, và ngay từ bây giờ ban tổ chức đã có thể khẳng định rằng sự có mặt của các quan chức cao cấp nhất ở Sài Gòn sẽ làm cho ngày hội thêm phần rực rỡ.

Xin tin thêm cho các bạn nam nữ ở Sài Gòn lên dự hội biết rằng, các bạn sẽ không cần phải *bỏ dở cuộc vui* để về nhà dùng cơm, vì ngay tại chỗ, *sẽ có phòng ăn tổ chức cực kỳ chu đáo và đặc biệt đầy đủ, các bạn sành ăn uống nhất cũng sẽ được hài lòng.*

Ngày 21 tháng 1 tới, tất cả chúng ta hãy đi Biên Hòa, chúng ta sẽ vừa được dự *những hội hè linh đình, vui*

1 Nguyên văn: *Garden-Party.*

tươi, vừa được dịp tỏ cho những gia đình tử sĩ An Nam ở Biên Hòa thấy rằng chúng ta biết tưởng nhớ đến sự hy sinh của con em họ”.

Thật là thời đại khác, phong tục khác.

Nhưng phong tục kỳ quái làm sao!

Người ta còn cho chúng tôi xem bức thư sau đây nữa:

“... Nếu trên đời này mà có một việc quái gở vừa thương tâm lại vừa lố bịch, thì đó hẳn là việc bắt một dân tộc vẫn đang chịu đựng đủ mọi thứ bất công và phi nghĩa phải làm lễ mừng cuộc chiến thắng của “công lý” và “chính nghĩa”. Ấy thế mà ở bên này chúng tôi đã làm như thế đấy. Tôi tưởng không cần thuật lại cho anh nghe về những hội hè và “trò vui công cộng” trong thành phố này ngày 11 tháng 11[1] làm gì. Ở đâu và bao giờ cũng thế thôi, rước đèn, đốt pháo bông, duyệt binh, khiêu vũ ở dinh thống đốc, đua xe hoa, mở lạc quyên vì nước, quảng cáo, diễn văn, tiệc tùng, v.v... Trong tất cả những trò hề đó, tôi chỉ còn nhớ lại một việc đáng chú ý về phương diện tâm lý như sau: cũng như công chúng ở tất cả các nước, công chúng Sài Gòn rất thích xinê. Vì thế, một đám người dày đặc đã tụ tập trước khách sạn Palaxơ để xem phim, nào hề Sác Lô, nào bọn cao bồi, nào những người “lính quang vinh” lần lượt diễn trên màn ảnh. Công chúng tràn ngập cả đại lộ, đứng chật cả mặt đường và hè phố. Lúc bấy giờ ông chủ khách sạn Sài Gòn – Palaxơ không muốn cho người ta đứng đông trên vỉa hè trước cửa tiệm của ông

1 Ngày 11-11 (1918): Ngày kỷ niệm chiến thắng của Pháp sau chiến tranh thế giới thứ nhất.

ta, ông ta liền vung roi mây quất túi bụi. Bà chủ cũng ra giúp một tay và đánh bừa vào đám đông. Mấy chú trẻ ranh mãnh không biết làm thế nào mà lại "cướp" được ngọn roi của bà, làm cho mọi người vỗ tay cười ầm lên. Ông chủ điên tiết chạy lại tiếp viện cho bà chủ. Lần này, ông cầm một cái ba toong và hùng dũng phang tới tấp xuống đầu người ta, cứ mỏi tay này thì đổi tay khác. Những người "nhà quê" phải chạy dồn xuống đường; nhưng vì say sưa với "chiến thắng" của mình, ông người Pháp quý hóa ấy liền hùng hổ vượt qua đường và cứ tiếp tục vụt túi bụi cái gậy to tướng xuống đầu, xuống vai, xuống lưng những người dân bản xứ đáng thương ấy. Một em bé bị ông túm lấy và "đả" cho một trận nên thân"...

IV – HÀNH VI QUÂN PHIỆT TIẾP DIỄN

Bước chân đến Cadabơlăngca[1], thống chế Lyôtây[2] gửi cho binh sĩ của đạo quân chiếm đóng Marốc một bản nhật lệnh như sau:

"Bản chức có vinh dự được chính phủ nước Pháp cộng hòa phong quân hàm cao nhất là nhờ, trong chín năm nay, các người đã hiến dâng lòng trung thành và *máu xương của các người* mà không hề tính toán.

Chúng ta sắp mở một chiến dịch để hoàn thành công cuộc bình định xứ Marốc, vì *lợi ích chung của dân chúng trung thực trên đất nước này,* cũng như vì lợi ích

1 Casablanca: Hải cảng lớn của nước Marốc.

2 Lyautey: Tướng Pháp chỉ huy xâm lược Bắc Phi, đã đàn áp nhân dân Marốc, nên được phong thống chế.

của dân tộc bảo hộ,[1] v.v...".

Nhưng, cũng trong ngày ấy (ngày 14 tháng 4), lại có bản thông cáo sau đây:

"Trong một cuộc giao chiến với bọn Bơni Bude[2] ở Bápen Hácbe, bên ta đã có 29 binh sĩ hy sinh và 11 bị thương".

Khi người ta nhớ rằng đã phải tốn xương máy của một triệu rưởi người lao động mới tạo nên được sáu chiếc gậy thống chế, thì cái chết của 29 kẻ khốn khổ chưa đủ để hoan hô bài diễn văn hùng hồn của ngài thống chế – khâm sứ! Nhưng như vậy thì cái quyền dân tộc tự quyết, mà vì nó trong suốt bốn năm trời, người ta đã chém giết lẫn nhau, cái quyền ấy, các ngài để đâu mất rồi? Thật là một cách khai hóa kỳ khôi: để dạy mọi người sống cho ra sống, người ta bắt đầu bằng việc giết họ đi đã!

*

* *

Ở đây (Hải Phòng), cũng có những cuộc bãi công của thủy thủ. Chẳng hạn như hôm thứ năm (ngày 15 tháng 8) là ngày mà hai chiếc tàu phải nhổ neo để chở một số lớn lính khố đỏ *An Nam đi Xiri*.

Nhưng thủy thủ không chịu đi, vì người ta không chịu phát lương cho họ bằng tiền Đông Dương. Theo

---

1 Bản tiếng Pháp: "nation protectrice".

2 Beni-Bouzert: Quân khởi nghĩa do Ápđen Cơrim, lãnh tụ phong trào chống Pháp của Marốc, lãnh đạo.

giá thị trường, thì một đồng Đông Dương ăn 10 phrăng chứ không phải 2 phrăng 50, thế mà các công ty hàng hải lại làm một việc hà lạm trắng trợn là định trả lương cho thủy thủ bằng phrăng chứ không trả bằng tiền Đông Dương như đã trả cho công chức.

Thế là người ta liền xua tất cả mọi người ở dưới tàu lên, rồi lập tức bắt hết các thủy thủ.

Rõ ràng là thủy thủ Hoàng Hải chẳng có gì phải so bì với thủy thủ Hắc Hải.

Chúng tôi cực lực phản đối việc đưa lính An Nam sang Xiri. Phải chăng các nhà cầm quyền cấp cao cho rằng bao nhiêu anh em da vàng xấu số của chúng tôi bị giết hại trên các chiến trường từ năm 1914 đến năm 1918, trong cuộc "chiến tranh vì văn minh và công lý", vẫn còn chưa đủ hay sao?

*

* *

Các ngài chiến thắng quang vinh của chúng ta thường quen thói "giáo dục" người bản xứ bằng đá dít hoặc roi vọt.

Anh Nahông đáng thương hại đã bị ám sát đến hai lần. Lần thứ nhất bởi tay tên đại úy Vida, lần thứ hai bởi tay tên lang băm đóng lon quân nhân coi việc phẫu nghiệm xác chết. Tên này đã đánh cắp và giấu biệt bộ óc người chết để phi tang, đặng cứu hung thủ là bạn của hắn. Nhưng than ôi! Anh Nahông không phải là nạn nhân duy nhất của bọn quân phiệt thuộc địa! Một

bạn đồng nghiệp của chúng tôi ở thuộc địa đã thuật chuyện một nạn nhân khác như sau:

"Lần này, sự việc xảy ra trong trung đoàn lính khố đỏ thứ 5 ở Medông – Carê[1]. Nạn nhân là một người lính trẻ tuổi tên là Teriê quê ở Tênét[2] thuộc lớp quân dịch năm 1921.

Anh chết trong trường hợp rất thương tâm. Ngày 5 tháng 8, anh lính trẻ Teriê đến bệnh xá của trung đoàn để xin thuốc tẩy. Người ta đưa thuốc tẩy cho anh, nói đúng hơn là đưa cho anh một thứ thuốc mà anh tưởng là thuốc tẩy. Anh uống và vài giờ sau anh đau bụng quằn quại, rồi lăn đùng ra chết.

Cụ thân sinh ra Teriê nhận được một bức điện báo tin rằng người con độc nhất của cụ đã chết và sáng hôm sau, chủ nhật, sẽ đưa đám. Bức điện không có đến nửa lời an ủi hay giải thích.

Đau xót đến cực độ, cụ Teriê đến ngay Angiê, tìm trung đoàn lính khố đỏ thứ 5 ở Medông – Carê. Ở đấy cụ được biết xác con đang để ở bệnh viện Maydô. (Mà làm sao xác Teriê lại chở đến đây được nhỉ? Phải chăng để tránh việc khám nghiệm mà luật lệ đã qui định là bắt buộc đối với mọi trường hợp chết ở trạm y tế, người ta đã chở *xác* anh ta đến bệnh viện làm ra vẻ như bệnh nhân đã chết ở dọc đường?).

Đến bệnh viện, người cha đau khổ xin thăm xác con;

1. Maison – Carée: Một thị xã thuộc tỉnh Angiê ở Angiêri.
2. Ténès: Hải cảng của Angiêri.

người ta bảo hãy chờ đã.

Mãi sau, một quan tư thầy thuốc mới đến báo cho ông biết là việc phẫu nghiệm *không phát hiện dấu vết gì khả nghi cả.* Nói xong hắn bỏ mặc cụ đứng đó, *không cho phép cụ vào thăm xác con.*

Theo tin cuối cùng thì hình như cụ thân sinh ra Teriê đã đến hỏi viên đại tá chỉ huy trung đoàn lính khố đỏ thứ 5 về nguyên do cái chết của Teriê và đã được trả lời là: *con ông chết vì ngộ độc!*".

CHƯƠNG II

VIỆC ĐẦU ĐỘC NGƯỜI BẢN XỨ

Cứ theo lời ngài Xarô quý mến, đảng viên đảng Cấp tiến, nguyên Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, thì ngài là người cha hiền của dân bản xứ, ngài rất quý mến người An Nam và được người An Nam quý mến lại.

Để nhồi nhét văn minh "Đại Pháp" cho người An Nam, ngài Xarô, người trùm của sự nghiệp đó đã không từ một thủ đoạn nào, kể cả những thủ đoạn bỉ ổi nhất và những tội ác. Đây, một chứng cớ: đó là bức thư mà ngài đã gửi cho những người thuộc quyền ngài, với tư cách là toàn quyền Đông Dương và nhằm vơ vét cho đầy túi tham của bọn kẻ cướp thực dân và cả của ngài nữa:

"Kính gửi ông công sứ,

Tôi trân trọng yêu cầu ông vui lòng giúp đỡ những cố gắng của nha thương chính trong việc đặt thêm đại lý

bán lẻ thuốc phiện và rượu, theo chỉ thị của ông tổng giám đốc nha thương chính Đông Dương.

Để tiến hành việc đó, tôi xin gửi ông một bản *danh sách những đại lý cần đặt* trong các xã đã kê tên; phần lớn các xã này, tới nay, vẫn hoàn toàn chưa có rượu và thuốc phiện.

Qua các tỉnh trưởng và các xã trưởng Cao Miên, ông có thể dùng ảnh hưởng to tát của ông để làm cho một số tiểu thương người bản xứ thấy rằng buôn thêm rượu và thuốc phiện là rất có lợi.

Về phần chúng tôi, thì những viên chức lưu động trong khi đi công tác sẽ tìm cách đặt đại lý, trừ phi ông muốn họ đợi ông tranh thủ được sự giúp đỡ của các quan chức địa phương trước đã. Trong trường hợp này, tôi đề nghị ông vui lòng báo cáo cho tôi biết.

Chúng ta chỉ có thể đạt kết quả mỹ mãn, nếu chúng ta hợp đồng với nhau chặt chẽ và liên tục, vì lợi ích tối cao của ngân khố.

Ký tên: Anbe Xarô"

Lúc ấy, cứ 1000 làng thì có đến 1500 đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện. Nhưng cũng trong số 1000 làng đó lại chỉ có vẻn vẹn 10 trường học. trước khi có bức thư quí hóa trên, hàng năm người ta cũng đã tọng từ 23 đến 24 triệu lít rượu cho 12 triệu người bản xứ, kể cả đàn bà và trẻ con.

*

* *

"Nói đến các món độc quyền, người ta có thể hình dung Đông Dương như một con nai béo mập bị trói chặt và đương hấp hối dưới những cái mỏ quặp của một bầy diều hâu rỉa rói mãi không thấy no".

Trong số người có cổ phần trong công ty độc quyền rượu, có các nhân vật cao quý nhất ở Đông Dương và tất cả các ngành cai trị đều có đại diện tai to mặt lớn trong ấy. Phần đông các quan lớn này đều rất có ích cho công ty, không ai chối cãi được:

Ngành tư pháp, có ích để giải quyết những vụ lôi thôi với những kẻ mà người ta muốn cưỡng bức, có:

2 chưởng lý;

1 biện lý;

1 lục sự – chưởng khế.

Ngành quân đội, có ích để đàn áp một cuộc nổi loạn mà người ta tính là có thể xảy ra do chỉ riêng cái việc thi hành chế độc độc quyền béo bở, có:

1 thiếu tướng;

1 trung tá;

2 quân y sĩ cao cấp;

1 thiếu tá;

2 đại úy.

Ngành hành chính mà sự ân cần vô tư là điều đảm bảo nhất cho việc kinh doanh thành công, thì có:

1 công sứ;

1 giám đốc tài chính;

1 tổng giám đốc ngân khố;

1 thanh tra bưu chính;

1 giám đốc trước bạ;

1 quan cai trị;

2 giáo sư, v.v...

Và cuối cùng là: ngài Cơlêmăngten đáng kính, nghị viên hạt Puyđơ – Đôm.

*

* *

Trong hội chợ triển lãm thuộc địa ở Mácxây[1], ông Xarô lớn tiếng ba hoa: "Nước Pháp hãy nhìn vào đây và lấy đó làm tự hào!". Mà quả thế thật. Những anh lạc đà Tuynidi thản nhiên đứng ngáp bên cạnh mấy chú cá sấu oai vệ của Tây Phi và những anh chàng cá sấu[2] đáng yêu của Mađagaxca chuyện trò thân mật với các ả bò cái mỹ miều của Đông Dương. Chưa bao giờ lại có một sự hòa hợp tuyệt diệu đến thế, và trước sự xâm nhập hòa bình của các loài thú thuộc địa, chị cá trích trong huyền thoại của Hải cảng cũ[3] nở nụ cười duyên dáng của một bà chủ nhà mến khách.

Người đi xem nhìn một cách rất thích thú chiếc

1 Hội chợ triển lãm thuộc địa ở Mácxây: Năm 1922, tại thành phố Mácxây (miền Nam nước Pháp), chính phủ Pháp mở hội chợ này, trưng bày những sản vật mang từ các thuộc địa Pháp sang, để ói lên sự giàu có của thuộc địa và công lao "khai hóa" của người Pháp, đồng thời kêu gọi bọn tư bản Pháp bỏ vốn kinh doanh và khai thác ở các thuộc địa.

2 Tác giả dùng chữ *crocodile, caiman,* chúng tôi tạm dịch là cá sấu cả.

3 Chị cá trích trong huyền thoại của Hải cảng cũ (Le légendaire sardine du Vieux – Port): Câu chuyện hài hước mà người Mácxây thường kể để chế giễu những kẻ nói khoác. Đại ý: Có một con cá trích bé nhỏ mà đã lấp nghẽn cả hải cảng Mácxây cũ.

trường kỷ lịch sử của một vị toàn quyền nọ, thanh gươm của viên công sứ Đáclơ từng dùng để đâm vào đùi tù nhân Bắc Kỳ và cây đuốc mà viên quan cai trị Bơruye đã dùng để thui sống hơn 200 thổ dân Huátxa[1].

Gian hàng Camơrun được đặc biệt chú ý. Ở đấy có tấm bảng để mấy dòng chữ yêu nước sau đây:

"Trước kia người Đức nhập vào xứ Camơrun rất nhiều rượu.

Ngày nay người Pháp lại cấm rượu".

Nhưng, một bàn tay ranh mãnh nào đó đã dán ngay vào dưới tấm bảng bức thư của ngài Xarô, chỉ thị cho người thuộc quyền ngài tăng số đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện ở các làng An Nam, kèm theo lời phê:

"Thế mà người An Nam lại đã có: những 10 trường học, những 1500 đại lý rượu và thuốc phiện cho 1000 làng kia đấy!".

*

* *

Đây là một sự kiện đầy ý nghĩa của một viên chức đứng đầu tỉnh Sơn Tây, một tỉnh ở Bắc Kỳ.

Số dân tỉnh này ước tính chỉ độ 200.000 người. Nhưng để nâng số lượng rượu phải tiêu thụ lên, số dân ấy bỗng nhiên tăng vọt nhanh như chớp tới 230.000 người. Nhưng vì 230.000 dân này uống quá ít, viên công sứ Sơn Tây đã ra công một năm đẩy số lượng rượu tiêu thụ lên 560.000 lít.

1 Houassas: Tên một bộ tộc ở châu Phi.

Ngay lập tức, viên công sứ được thăng cấp và được khen.

Ông đờ C... khẳng định rằng một viên công sứ khác đã đưa ông xem một bức thư của cấp trên, trong đó có đoạn viết: "Số rượu tiêu thụ trong phủ X, đã tụt xuống dưới con số Z, cho mỗi dân đinh. Vậy ông có nghĩ rằng cần phải có biện pháp làm gương không?". Viên công sứ bị cảnh cáo gián tiếp như thế bèn đòi tổng lý trong phủ ấy đến hiểu thị rằng sở dĩ họ tiêu thụ ít rượu đến như thế là vì họ nấu rượu lậu. Để được yên chuyện, các làng liền mua ngay số rượu quy định chiếu theo dân số mà sự tính toán của các phòng giấy bắt họ phải chịu.

Rõ ràng là người ta đã ấn định trên thực tế – nếu không phải bằng cách hợp pháp – mức rượu mà mỗi người bản xứ buộc phải uống hàng năm. Và khi nói *mỗi người bản xứ* thì cũng đừng tưởng đó chỉ là người đứng tuổi mà là *toàn bộ* dân số, kể cả người già, phụ nữ, trẻ em cả đến đứa còn bú mẹ. Như thế là buộc thân nhân của họ phải đóng thay, không phải chỉ một lít mà hai, ba lít.

Dân một làng Bắc Kỳ, buộc phải uống rượu, thấy trước nguy cơ đe dọa ấy, đã kêu với viên quan người Pháp "của họ" rằng:

"Ngay đến cái ăn, chúng tôi cũng không có gì cả". Quan đáp: "Chúng mày quen ngày ba bữa, bây giờ bớt đi một bữa, hay nếu cần thì bớt đi một bữa rưỡi để có thể mua rượu của nhà nước".

Trước đây, người bản xứ quen mua rượu từng ít một;

họ mang chai lọ thế nào cho vừa thì thôi. Nay thì người ta đóng rượu vào chai sẵn. Rượu chỉ bán trong chai nửa lít hay một lít. Người An Nam quen dùng rượu từ 20 đến 22 độ; ngày nay người ta bắt họ dùng rượu từ 40 đến 45 độ. Họ quen dùng loại rượu có mùi vị thơm dịu do chất lượng của những nguyên liệu mà họ vẫn dùng; trong số nguyên liệu này có thứ gạo thuộc vào loại ngon nhất. Còn thứ rượu mà nay người ta buộc họ phải uống lại cất bằng thứ gạo rẻ tiền, pha thêm chất hóa học, có mùi vị nồng nặc khó chịu.

Bọn chủ độc quyền còn ra thông tư bắt nhân viên của chúng pha thêm nước lã vào rượu đem bán; cứ mỗi héctôlít rượu pha thêm 8 lít nước lã.

Như thế, tính trên toàn cõi Đông Dương mỗi ngày cứ bán 500 héctôlít rượu thì có 4.000 lít nước lã pha thêm vào; 4.000 lít mỗi lít giá ba hào, thành 1.200 đồng một ngày, 36.000 đồng một tháng. Như thế chỉ cần mở vòi nước lã không thôi, mỗi năm công ty cũng thu được một món lãi nhỏ nhỏ 432.000 đồng, hay 4 triệu phrăng.

Xem thế đủ biết thứ rượu mà bọn độc quyền cất và đem bán ở Đông Dương là không hợp với khẩu vị của người bản xứ về độ cũng như mùi vị, cho nên người ta phải cưỡng bức họ mua.

Vì bắt buộc phải trả những khoản chi tiêu thường xuyên, phải trang trải những món kinh phí ngày càng tăng của phủ toàn quyền, của những trái khoản lớn, của những công trình kiến thiết quân sự và phải đặt ra – nếu không phải là những chức vụ thực sự – thì ít

ra cũng là những khoản lương cho một đám đông công chức từ Pari gán sang, cho nên chính phủ đã tìm mọi cách thúc đẩy các viên chức, từ công sứ đến nhân viên hạng bét, phải làm tăng mức tiêu thụ rượu lên.



CHƯƠNG III

CÁC QUAN THỐNG ĐỐC

I – ÔNG PHUỐC

Ông Phuốc, thống đốc xứ Đahômây, cai trị giỏi đến nỗi người bản xứ nào ở thuộc địa ấy cũng kêu ca về ông ta. Để xoa dịu lòng công phẫn, người ta vờ phái sang đó một viên thanh tra. Viên thanh tra này kiểm tra giỏi đến nỗi chưa thèm xét gì đến đơn khiếu nại của nhân dân đã cuốn gói chuồn thẳng.[1]

Về việc này, chúng tôi có nhận được một bức thư của ủy ban hành động Pháp – Hồi ở Poóctô – Nôvô[2], trong đó có những đoạn chính như sau:

"Trước lúc người Pháp đến Đahômây rất lâu, ở Poóctô – Nôvô đã có một thủ lĩnh Hồi giáo gọi là Imăng có nhiệm vụ đại diện cho tập thể người Hồi ở bất cứ

1 Bản tiếng Pháp: "Celuici inspecte si biên qu'ilf... le camp", viết tắt của từ foutre le camp, có nghĩa là "chuồn thẳng". Từ này bắt đầu chữ f như tên ông thống đốc Fourn.

2 Porto-Novo: Thủ phủ Đahômây.

chỗ nào cần thiết, quản lý tài sản của tập thể Hồi giáo ấy và trông nom việc lễ bái.

Theo tục lệ, Imăng phải do một đoàn cử tri bầu lên, chọn trong những người Hồi giáo ngoan đạo, có tiếng là đức độ và đã từng làm phó Imăng một thời gian lâu. Hơn nữa, trước khi chết, Imăng đương quyền có ý kiến về vị phó nào có đủ tư cách để thay thế mình.

Ý kiến của Imăng lúc đó là ý kiến quyết định.

Trước khi qua đời, Imăng Cátxumu đã chỉ định viên phó Xarucu làm người kế vị mình. Đoàn cử tri và đa số người Hồi giáo cũng đã tán thành.

Khi Cátxumu mất, đáng lẽ Xarucu phải được bầu lên, nhưng tên Inhaxiô Paredô *dựa vào thế của thống đốc* đã độc đoán cản trở, bắt ép người Hồi giáo phải nhận tên Lavani Cốtxôcô là bạn thân của y, làm Imăng. Tên Cốtxôcô, cũng như y, chỉ theo đạo Hồi trên danh nghĩa.

Thấy đoàn cử tri và đa số người Hồi giáo chống lại việc cử tên Cốtxôcô một cách bất hợp pháp, Paredô liền nhờ viên thủ lĩnh cao cấp là Hútgi can thiệp. Hútgi là tín đồ đạo bái vật, *được chính phủ che chở,* nên hắn cứ cử tên Lavani Cốtxôcô làm Imăng, bất chấp nguyện vọng người Hồi giáo.

"Kể ra, nếu Lavani Cốtxôcô là một người Hồi giáo tốt và lương thiện thì chúng tôi cũng làm ngơ việc hắn được cử làm Imăng, nhưng hắn lại là một tên bất lương chưa từng thấy trên đời này. Chúng tôi nói như thế là có bằng cứ:

Lavani Cốtxôcô sinh ở Lagốt (xứ Nigiêria thuộc Anh).

Hắn là dân thuộc địa Anh. Vì can nhiều tội giết người và nhiều tội ác khác ở Nigiêria thuộc Anh, nên bị nhà chức trách Anh truy nã.

Ông thống đốc của chúng tôi hồi đó đã thu dụng tên dân thuộc địa Anh bất lương này và như để thưởng công cho hắn, đã cử hắn làm tù trưởng các xã ven hồ như Ápphôtônu Aghêghê, Áplăngcăngtăng, v.v... Toàn dân vùng ấy ngày nay đều ghê tởm những hành vi nhũng lạm những tội ác của hắn, và kêu ca về hắn.

Nguyên chúng tôi có một điện thờ ở khu phố Átpátxa tại Poóctô – Nôvô. Nhà đương cục Pháp đã phá hủy điện thờ ấy với lý do vì lợi ích công cộng rồi bồi thường cho chúng tôi 5.000 phrăng.

Tiền bồi thường không đủ để xây dựng một điện thờ mới. Chúng tôi đã mở một cuộc lạc quyên riêng, thu được 22.000 phrăng.

Paredô là người có chân trong tiểu ban mua sắm vật liệu và phát lương cho thợ.

Khi viên phó Imăng Bítxiriu – người nắm giữ chìa khóa két – chết, thì Paredô trở thành người giữ chìa khóa két. Hắn lợi dụng địa vị ấy để biển thủ số tiền 2.775 phrăng. Tiểu bang bắt buộc phải khai trừ hắn ra khỏi tiểu bang.

Inhaxiô Paredô căm tức, bèn bàn mưu tính kế với *ông thống đốc. Thế là ông này cho thi hành những biện pháp độc đoán đối với chúng tôi, và làm trở ngại việc xây dựng điện thờ của chúng tôi.*

Giờ đây, do mưu mô của Inhaxiô Paredô được ông

thống đốc tiếp tay cho trong việc cử một cách trái đạo tên Cốtxôcô làm Imăng, dân Hồi giáo ở Poóctô – Nôvô đã chia thành hai phe. Tình trạng ấy làm tổn thương tình đoàn kết, hòa hợp của người Hồi giáo, làm hại cho việc tự do hành đạo của chúng tôi và gây ra những vụ lộn xộn lớn".

II – ÔNG LÔNG

Dưới đây là mấy đoạn trích ở một lá thư của đại tá Bécna gửi cho báo *Cộng hòa Pháp*[1] ngày 6 tháng 12 năm 1922. Thưa ngài bộ trưởng, xin ngài vững tâm, đại tá Bécna không phải là cộng sản đâu.

"Con số hàng xuất khẩu ở Đông Dương, bức thư viết, hiện đang dẫm chân tại chỗ, thậm chí còn đang sụt xuống. Năm 1914, Đông Dương đã xuất khẩu 45.000 kilô tơ lụa, 99.000 tấn ngô, 480 tấn chè; năm ngoái chỉ xuất khẩu có 15.000 kilô tơ lụa, 32.000 tấn ngô, 156 tấn chè.

Người ta cũng tưởng rằng hiện nay chính phủ Đông Dương đang tích cực tiến hành những công trình lớn cần thiết cho việc khai thác thuộc địa. Ấy thế mà, từ năm 1914 đến nay, người ta *không hề đặt thêm được một cây số đường sắt nào, cũng không khai thác được lấy một hécta ruộng nào.* Cách đây 10 năm, ông Xarô có đưa thông qua một chương trình kiến thiết, bao gồm

1 La République Française.

việc xây dựng con đường sắt từ Vinh đến Đông Hà và bốn hệ thống đại thủy nông; tất cả những công trình đó đều đã ngừng lại từ hơn 5 năm nay, lấy cớ là không có kinh phí. Nhưng, cũng trong thời gian ấy, xứ Đông Dương lại bỏ ra 65 triệu đồng tức là 450 triệu phrăng để làm đường và dinh thự. Mời ông Phaghê hãy suy nghĩ về những con số đó xem: Tiêu gần nửa tỷ để làm những đường ô tô mà trên đó không hề lưu thông một tấn hàng hóa nào; để xây dựng những dinh thự và phòng giấy cho đám công chức đang mọc đầy dẫy lên ở Đông Dương như cỏ cây vùng nhiệt đới; trong khi ấy thì những công trình đã được thừa nhận là cần thiết và đã được nghị viện thông qua, lại bị bỏ rơi!

Nhưng đừng tưởng là người ta có ý muốn thay đổi phương pháp ở Đông Dương. Để hoàn thành chương trình năm 1912, ông Lông đã xin nghị viện cho phép phát hành một đợt công trái. Nay, ông ta lại xin phát hành một đợt thứ hai nữa. Những kẻ hiện đang điều khiển việc khai thác Đông Dương hình như đã định tâm không làm cái gì thật sự có ích lợi cả nếu trước hết người ta không cho phép họ vay nợ. Còn đối với tài nguyên ngân sách, đối với những dự trữ tích lũy được trong và sau thời kỳ chiến tranh, thì họ quyết vung tay ném qua cửa sổ nếu nghị viện không đưa vào nề nếp".

III – ÔNG GÁCBI

Ông Gácbi, toàn quyền đảo Mađagaxca, vừa về Pháp.

Cũng như tất cả các viên thống đốc, bạn đồng nghiệp của ông, ông Gácbi rất lấy làm hài lòng về cái thuộc địa "của mình": tiến bộ, giàu có, trung thành, an cư lạc nghiệp, có tổ chức, có dự án này, chương trình nọ, v.v... Đó là cái bọc hành lý muôn thuở, bất di bất dịch của các ngài thống đốc về nghỉ, mà nay đến lượt ông Gácbi lại ân cần mở ra cho tất cả những ai muốn xem... Và vượt lên trên tất cả những ngón bịp bợm cũ rích ấy, ông Gácbi còn khéo léo giở ra ngón bịp khác (hay đúng hơn ngón bịp của người khác) rất mực tinh vi: việc khai thác thuộc địa. Chúng tôi xin chào mừng quan toàn quyền mới về, và xin hỏi ngài:

"Phải chăng phái đoàn thanh tra của bộ đã không có đủ xà phòng để xát[1] lên đầu quan toàn quyền, đồng thời thoa trơn cái dốc, trên đó cụ lớn phải trượt thẳng về chính quốc để ở lại đó mãi mãi đến mãn đời trọn kiếp?

Phải chăng để cứu vớt thể diện cho ngài, một vài tên tay sai đắc lực đã tổ chức một tiệc rượu tiễn hành, và để làm việc đó, chúng ta phải chạy bở hơi tai, vì ngoài ban tổ chức ra, không ma nào buồn đến dự tiệc cả?

Phải chăng bọn tay chân của quan toàn quyền đã định làm một lá đơn ái mộ xin ngài trở lại thuộc địa, nhưng lại không dám đưa ra vì sợ có đơn chống lại?

Sau cùng, phải chăng nhân dân bản xứ đã tặng ngài lời chúc thân ái này: "Thôi nhé, chú Gácbi! Xin chúc không bao giờ gặp lại chú nữa!"".

1 Nguyên văn: *Savonner,* nghĩa đen là xát xà phòng, nghĩa bóng là khiển trách kịch liệt.

IV – ÔNG MÉCLANH

Vận mệnh hai mươi triệu người An Nam tốt số đang nằm trong tay ông Máctian Méclanh.

Các bạn sẽ hỏi tôi: “Cái ông Méclanh ấy là ai vậy?”. Đó là một ông đã từng làm quan cai trị ở quần đảo Gambiê, sau giữ chức phó thống đốc Tây Phi, rồi lên làm thống đốc xứ ấy. Đó là một ông đã bỏ ra ba mươi sáu năm của đời mình để nhồi nhét cái văn minh đầy ân huệ của nước Pháp vào đầu óc người bản xứ.

Có lẽ các bạn cho rằng đưa một người không hiểu gì về Đông Dương đến nắm vận mệnh Đông Dương thì thật là một trò hề lớn kiểu Đông Dương chứ gì.

Đúng đấy! Nhưng đó là cái “mốt”. Một bạn đồng nghiệp cho biết rằng: tại bộ thuộc địa, một viên quan cai trị cũ ở Đông Dương ngồi chễm chệ tại vụ Tây Phi thuộc Pháp; một viên quan cai trị cũ ở Tây Phi phụ trách vụ châu Phi xích đạo thuộc Pháp; một viên chức cũ ở Xuđăng phụ trách những vấn đề về Mađagaxca; còn đại diện cho xứ Camơrun ở hội chợ triển lãm thuộc địa lại là một viên chức chưa hề bao giờ đặt chân lên đất Camơrun.

Thế nên, trước khi sang Đông Dương khai hóa cho người Đông Dương, quan toàn quyền Méclanh định bắt đầu khai hóa những người Đông Dương chết ở Pháp, tức là, những người đã hy sinh vì tổ quốc, vì công lý, và vì *vân vân* ấy mà!

Cười trong nghĩa địa là một cái thú đối với những vĩ nhân, nhưng cười một mình ở đó thì có lẽ là không

khoái lắm. Bởi vậy Cụ lớn Méclanh đã ra lệnh cho những thanh niên An Nam được trợ cấp phải theo Cụ lớn đến nghĩa trang Nôgiăng trên bờ sông Mácnơ để đọc một bài diễn văn trước sự chứng kiến long trọng của ngài. Nhưng bài diễn văn ấy phải đệ trình cho Cụ lớn kiểm duyệt trước. Họ đã làm đúng như thế. Nhưng Cụ lớn thấy bài diễn văn quá ư quá khích, nên Cụ bỏ phắt đi và thay bằng một bài khác do Cụ tự tay vạch ra dàn bài.

Dĩ nhiên, bài diễn văn được xào xáo theo kiểu nhà quan như vậy thì phải sặc mùi trung thành và quyến luyến.

Nếu người chết mà nói được, như bọn phù thủy thường bảo, thì hồn ma của những người An Nam chôn ở Nôgiăng, hẳn đã nói rằng: "Ngài toàn quyên ôi! Xin c... ảm ơn ngài! Nhưng xin Ngài làm ơn... xéo đi cho[1]!".

V – ÔNG GIÊRÊMI LƠME

Chúng tôi đọc tờ *Biên niên thuộc địa*[2] thấy mẩu tin ngắn như sau;

"Chúng tôi được tin Giêrêmi Lơme, cựu thống đốc thuộc địa, cựu nghị viên của Ấn Độ thuộc Pháp, đương bị truy tố trước tòa. Ông ta nguyên là chủ tịch một nhà băng do ông Phơrơdun làm quản trị – ủy nhiệm. Nhà băng ấy đã tuyên bố vỡ nợ cách đây hai năm.

1 Nguyên văn: *M... erci à toi, ...F ... nous la paix!* Trong Pháp văn, chữ M viết tắt, người ta thường hiểu là *Merde*, là một tiếng chửi rủa rất tục, cũng có nghĩa là phân; Chữ F. là *Foutre,* có nghĩa là cút, xéo đi, để yên... *(Foutre le camp, Foutre la paix...)*. Đây là lối chơi chữ của tác giả.

2 Annales coloniales.

Đó là sự kết liễu đích đáng con đường công danh của tên vô lại ấy".

Ô! Ô! Thế ra cũng có những tên vô lại trong cái giới thống đốc và nghị viên thuộc địa cao quý ấy ư? Ai ngờ nhỉ!

VI – ÔNG UTORÂY

Ông Utorây là một nghị viên Nam Kỳ (ông ta là người Nam Kỳ cũng giống như ông P.Lôti[1] là người nước Thổ vậy). Ông ta đọc diễn văn ở nghị viện, và kinh doanh ở Sài Gòn. Là nghị viên, ông ta nhận cấp phí đều đặn; là thực dân, ông ta không nộp thuế. Ông nghị liêm chính này có một đồn điền 2000 hécta, và mười lăm năm nay, ông chủ đồn điền đáng kính đó không nộp một xu nhỏ thuế nào. Khi sở thuế yêu cầu ông làm đúng luật lệ thì ông trả lời: c... ảm ơn. Vì ông ta là nghị viên nên người ta không động đến ông.

Đã có một thời, cái ông Utorây ấy đã giữ chức quyền thống đốc Nam Kỳ.

Xứ Nam Kỳ do một thống đốc cai trị, viên thống đốc này do sắc lệnh tổng thống Pháp bổ nhiệm. Để làm tròn nhiệm vụ *cao cả* của mình, vị quan *cao cấp* này dựa vào một hội đồng hỗn hợp gồm cả người Pháp lẫn người An Nam, gọi là hội đồng quản hạt. Một trong những quyền hạn chắc là quan trọng nhất của hội đồng

---

1 Lôti (Pièree Loti, 1850-1923): Một sĩ quan hải quân và là một nhà văn Pháp viết nhiều chuyện về nước ngoài, nhất là Nhật và Thổ Nhĩ Kỳ. Trong các chuyện đó, trí tưởng tượng nhiều khi thay thế cho sự hiểu biết về tâm lý và phong tục địa phương. Khi thi vị hóa con người và phong tục xứ xa lạ, Lôti vẫn đứng trên quan điểm của "chủng tộc siêu đẳng", và đề cao chủ nghĩa đế quốc. Lôti có sống ở Thổ Nhĩ Kỳ, lấy vợ người Thổ và ăn mặc như người nước này.

này là hàng năm biểu quyết dự toán ngân sách của thuộc địa. Chúng tôi xin nói ngay rằng nguồn thu của ngân sách ấy là các khoản thuế trực thu và gián thu *do người An Nam nộp*, còn các khoản dự chi, thì trên nguyên tắc (*nhưng không bao giờ trên thực tế!*) là phải được chi tiêu cho những công cuộc *có lợi cho người An Nam;* tóm lại là *quyền lợi của người An Nam* được giao phó cho cái hội đồng quản hạt ấy. Thế nhưng cái hội đồng quản hạt quý hóa này lại gồm *nhiều người Pháp hơn là người An Nam: có 18 người Pháp,* thì 12 là đại biểu do tuyển cử bầu ra, 6 là đại biểu của các công ty, phòng thương mại, phòng canh nông, v.v..., và *6 người An Nam*. Cứ cho rằng luôn luôn đủ mặt đi nữa thì 6 phiếu của người An Nam kia tài nào mà chống lại được 18 phiếu của người Pháp? Vì thế chính phủ cứ việc tùy ý mà dự toán và chắc chắn là tất cả các khoản dự toán đều đã được biểu quyết trước rồi.

Hầu như sự việc luôn luôn xảy ra như thế. Cho nên năm 1905, cũng bằng cách ấy, quan quyền thống đốc Utơrây, nay là nghị viên của người Pháp ở Nam Kỳ đã tăng thuế điền thổ vốn đã quá nặng, lên *một trăm phần trăm*. Việc tăng thuế này đã làm cho tên tuổi Utơrây trở thành bất tử trong trí nhớ của người An Nam, nó đã làm cho các đại biểu người An Nam trong hội đồng nhất loạt từ chức! Cần quái gì! Utơrây liền thay họ bằng những người khác do ông ta đích thân bắt cử tri An Nam phải bầu. Trước ngày đầu phiếu, một tay chân của ông ta là viên quan cai trị Maxperô (tỉnh Biên Hòa) chẳng đã bắt giam tất cả cử tri ở tỉnh ấy lại, không cho

họ tiếp xúc với nững người ứng cử đó hay sao? Người ta dọa trừng phạt để buộc họ phải bỏ phiếu cho Bùi Thế Khâm, người do Utơrây đưa ra nhằm ngăn cản việc bầu lại ông Hoài, một đại biểu vừa từ chức đã có lỗi là không làm theo ý muốn của Utơrây.



CHƯƠNG IV

CÁC QUAN CAI TRỊ

I – ÔNG XANH(*)

Như các bạn đều biết, các thuộc địa vẫn được gọi là những nước Pháp hải ngoại, và người Pháp của những nước Pháp ấy là người An Nam, người Mađagaxca hoặc người... v.v... Bởi thế, cái gì ở bên này là phải thì ở bên kia là trái, và cái gì ở bên kia được phép thì ở bên này bị cấm. Thí dụ: Ở bên ấy tất cả người Pháp đều được phép làm cho dân bản xứ ngu muội đi bằng thuốc phiện, họ càng bán được nhiều thuốc phiện, thì càng được quý trọng; nhưng ở bên này nếu anh đem bán thứ thuốc độc ấy thì, anh sẽ bị tóm cổ ngay lập tức. Nếu ở

*. Ông Xanh (*Saint)*: Vừa là tên viên khâm sứ, vừa có nghĩa là thánh. Đây là lối dùng chữ của tác giả để chế giễu viên khâm sứ Saint, dựa theo điển tích Chúa ba ngôi – thánh cha, thánh con, thánh thần(*Sainte trinité: Saint père, Saint fils, Saint esprit.*

bên Pháp, một viên chức cao cấp được phép vận quần áo lót để đi ra đường, thì ngược lại một ông hoàng bản xứ không có quyền mặc áo bản xứ, ngay cả khi ở nhà và đang ốm.

Vì đang ốm, nên cố quốc vương Tuynidi đã cứ mặc nguyên áo ngủ mà tiếp quan khâm sứ. Như thế đã là bậy rồi; nhưng còn bậy hơn nữa, là cháu nội và cháu họ nhà vua lại quên chào quan khâm sứ nói trên. Thế là sau hai ngày, đúng vừa đủ thời gian để suy nghĩ, quan lớn khâm sứ bèn mặc nhung phục, kéo binh mã đến bắt nhà vua phải xin lỗi. Thế mới đúng chứ. Một khi anh là quốc vương và chịu sự bảo hộ của một ông thánh (ông Xanh) thì dù là thánh cha, thánh con hoặc thánh thần, anh cũng không có quyền được đau ốm. Còn các chú "nhóc con" bản xứ, các chú phải biết rằng, một khi đã sinh ra dưới đôi cánh mẹ hiền của nền dân chủ thì các chú không được nô đùa, reo cười, hò hét, mà phải học chào lạy.

Ở Đông Dương cũng như ở các thuộc địa khác, đối với những người bản xứ không kịp lạy chào các "quan bảo hộ" thì nhiều quan cũng chỉ khiêm tốn "giã cho một trận" thôi, chứ chưa bao giờ lại huy động quân đội để bắt trẻ con phải lạy chào. Dĩ nhiên trong bọn họ không phải ai cũng đều là khâm sứ cả!

Mặc dầu "sự việc nghiêm trọng" ấy đã bị vạch ra trên diễn đàn nghị viện và theo lời ông Poăngcarê, nó có thể làm tổn thương đến ảnh hưởng của nước Pháp, chúng ta sẽ là những người vong ân đối với quan khâm sứ Xanh, nếu chúng ta buộc cho ông cái tội "thất bại chủ

nghĩa"; bởi vì, nhờ có cuộc biểu diễn lực lượng thân thiện, trẻ con và hòa bình ấy mà từ đó người bản xứ biết cách nên lạy chào một "người anh em da trắng" như thế nào. Ai cũng còn nhớ khi ông Milơrăng sang thăm châu Phi, người bản xứ đã đón chào ông, và để tỏ lòng trung thành vô hạn và lòng tôn kính sâu sắc đối với vị quốc trưởng nước bảo hộ, họ đã kéo áo sơmi ra ngoài quần đấy.

II – ÔNG ĐÁCLƠ

Tập *Kỷ yếu Nhân quyền*[1] vừa mới đăng một bức thư của ông Pécđinăng Buýtxông, chủ tịch Hội Nhân quyền[2], gửi ông Xarô, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, nói về cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên[3] (Đông Dương) năm 1917 và việc đàn áp cuộc khởi nghĩa đó.

Bức thư vạch rõ trách nhiệm của viên công sứ tỉnh Thái Nguyên là ông Đáclơ: chính vì sự lạm quyền của ông Đáclơ mà cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Tòa án Sài Gòn cũng đã xác định tội của ông ta ngay từ năm 1917.

Thế nhưng, có ai ngờ rằng ông Đáclơ không hề bị một sự trừng phạt nào về mặt hành chính cả. Trái lại, ông ta lại được cử làm ủy viên hội đồng thành phố Sài

---

1 Cahier des droits l'Homme.

2 Hội Nhân quyền (Ligue des Droits de l'Homme): Một tổ chức dân chủ tư sản nhằm đấu tranh đòi bảo vệ những quyền tự do tư sản. Tổ chức này được thành lập năm 1898 ở Pháp do sáng kiến của nhà văn Pháp Tơrarinước (Ludovic Trarieu) nhân vụ nhà cầm quyền Pháp xử phạt nhà văn Êmin Dôla (Émile Zola).

3 Cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên: tháng 8 năm 1917, dưới sự lãnh đạo của Đội Cấn (tức Trịnh Văn Cấn) và Lương Ngọc Quyến, binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp ở Thái Nguyên nổi dậy, chiếm thị xã. Sau 6 ngày cầm cự với quân Pháp kéo từ Hà Nội lên đàn áp, Lương Ngọc Quyến hy sinh, nghĩa quân rút về hoạt động ở vùng rừng núi các tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Hòa Bình, Sơn Tây.

Gòn. Còn sự trừng phạt về mặt tư pháp thì thật là đáng buồn cười: nộp vẻn vẹn có 200 phrăng tiền phạt!

Cái ông Đáclơ ấy quả là một nhà cai trị có tài. Khoa cai trị của ông ta, ông ta đã học được ở khu phố latinh khi ông còn là một anh hàng cháo.

Lúc ấy, ông Đáclơ không có một xu dính túi và mắc nợ như chúa chổm. Nhưng nhờ một chính khách có thế lực, ông ta được bổ nhiệm làm quan cai trị ở Đông Dương.

Chễm chệ đứng đầu một tỉnh có hàng vạn dân, và được giao cho quyền hành tuyệt đối, ông ta vừa là tỉnh trưởng, vừa là thị trưởng, vừa là quan tòa, vừa là mõ tòa, vừa là người đốc thuế; tóm lại, ông ta nắm trong tay tất cả mọi quyền hành. Tòa án, thuế khóa, điền thổ, tính mạng và tài sản của người bản xứ, quyền lợi của viên chức, việc bầu cử lý trưởng và chánh tổng, tức là vận mạng của cả một tỉnh được đặt vào tay cái anh hàng cháo ngày xưa ấy.

Ở Pari, không làm giàu nổi bằng cách bóc lột khách hàng, sang Bắc Kỳ ông ta gỡ gạc lại bằng cách bắt bớ, giam cầm, xử tội người An Nam một cách độc đoán, để bòn rút họ.

Đây là một vài việc làm rạng rỡ thời thống trị độc tài của vị quan cai trị dễ thương ấy mà nước mẹ cộng hòa đã có nhã ý gửi sang để khai hóa cho chúng tôi.

Một số lính tình nguyện (!) bản xứ, bị điệu về để sung

vào lính khố đỏ và vì thế họ phải đi khám sức khỏe. Đó là những người mù chữ, nhút nhát, khi hỏi thì trả lời chậm chạp, nên quan công sứ đã chửi bới, đấm đá và lấy gậy phang họ túi bụi.

Ba người lính khố xanh để xổng một người tù, đã bị ông Đáclơ đánh đập một cách rất tàn nhẫn, nắm tóc họ kéo lê dưới đất và đập đầu họ vào tường tòa sứ.

Khi hỏi cung tù nhân, quan công sứ thường lấy thanh gươm đâm vào đùi họ. Có người khi về đến nhà lao thì lăn ra bất tỉnh.

Một đoàn tù khốn khổ, gầy đói, quần áo tả tơi, bị lôi dậy từ tờ mờ sáng, cổ mang gông, chân buộc xiềng, người nọ bị xích vào người kia, cùng kéo một xe lu to tướng trên những lớp sỏi dày. Hoàn toàn kiệt sức, họ ỳ ạch kéo chiếc xe lu nặng nề dưới ánh nắng như thiêu như đốt. Bỗng quan công sứ đến. Như lệ thường, quan cầm theo một cái gậy to tướng, rồi bỗng dưng vô cớ, quan xông vào đám người khốn khổ ấy, như con thú dữ, đánh túi bụi, tàn nhẫn không tưởng tượng được, vừa đánh vừa chửi họ là đồ lười.

Một hôm nhà khai hóa của chúng ta vừa quở trách một nhân viên người Âu xong, không biết trút cơn giận lên đầu ai được, bèn vớ cái thước sắt trên bàn giấy đập nát hai ngón tay của một viên thư ký người An Nam chẳng liên can gì đến việc kia cả.

Một hôm khác, ông ta vụt roi gân bò vào mặt một viên đội người bản xứ trước những người lính dưới quyền anh ta.

Lại một lần khác, có mấy người lính khố xanh làm trái ý ông ta, ông ta bèn cho đem chôn họ đến tận cổ, mãi đến khi họ ngắc ngoải mới cho moi lên.

Cứ mỗi khi ông ta đi xem xét các con đường có dân phu làm việc thì số chân người bị đánh què bằng lưỡi xẻng, cán cuốc, phải tính bằng đơn vị nửa tá. Những người dân phu làm đường ấy đều là những người bị ông ta bắt ép đi làm với tiền công mỗi ngày một, hai xu, sau khi họ đã phải nộp tiền chuộc phần tạp dịch của họ với giá mười lăm xu mỗi ngày.

Một lần, ở một công trường, ông ta đã giật súng của một người lính coi tù để đánh một người tù. Người tù tránh được, quan công sứ quay lại đánh người lính, cũng bằng cây súng ấy. Bà công sứ, người vợ xứng đáng của quan lớn, cũng tham gia, bà đánh tù một cách tự nhiên và phạt lính lúc nào cũng được.

Người ta đã trông thấy quan công sứ dùng gậy đánh một viên đội lòi mắt. Quan còn làm nhiều việc cao cả khác nữa mà ở đây chúng tôi không thể nào kể xiết được.

Tất cả những việc kể trên, mọi người đều tai nghe, mắt thấy, kể cả cấp trên của ông ta là các quan toàn quyền, quan khâm sứ. Để khen thưởng tinh thần "cương quyết" và "đức độ rất cộng hòa" của ông ta, những vị này đã thẳng tay thăng quan tiến chức cho ông ta.

III – QUÝ NGÀI BUĐINÔ, BÔĐOĂNG VÀ NHỮNG NGÀI KHÁC

Mặc các cuộc triển lãm ồn ào, những bài diễn văn rùm beng, những cuộc kinh lý đế vương và những bài báo hoa mỹ, tình hình ở Đông Dương vẫn chẳng ổn chút nào.

Chiếc ghế bị cáo mà quan cai trị liêm chính Lanông vừa rời khỏi chưa kịp nguội thì người ta lại báo cho chúng tôi biết về những vụ xấu xa khác nữa.

Trước hết là vụ Buđinô. Ông Buđinô là một nhà khai hóa điển hình, một vị quan cai trị chuyên ăn hối lộ. Trong số vụ ông ta bị tố cáo, chúng tôi xin kể vụ sau đây:

"Làng Tân An, nơi lî sở của tổng, đã lấy quỹ làng và vay tiền để xây dựng một nhà máy điện. Việc kinh doanh rất có lợi, vì thu vượt chi rất nhiều. Ngoài ra, các công sở và đường sá của làng còn được thắp đèn điện không mất tiền.

Nhưng bỗng một quan cai trị khá xảo quyệt (ông Buđinô), đã khéo xoay xở thế nào mà làng Tân An phải chịu nhượng không nhà máy điện cho một anh chàng thầu khoán, để được hưởng cái thú phải trả tiền đèn đường và đèn công sở. Ngày nay làng nhận thấy chuộc lại nhà máy nhượng không ấy là có lợi, và chuộc lại thì phải xuất ra hàng chục nghìn đồng. Câu chuyện này là cả một thiên tiểu thuyết trong đó tài năng hư cấu của một tên cựu tỉnh trưởng đã được tự do phát huy với một sự đểu cáng không thể tưởng tượng nổi".

Vụ xấu xa thứ hai trước mắt là vụ Têa. Một bạn đồng nghiệp ở Đông Dương đã viết về vụ đó như sau:

“Chúng ta đang sống trong một bầu không khí thật là… không bình thường chút nào: chưa xong vụ Buđinô, vụ Luynô, lại đến vụ Têa.

Ông Têa là một kỹ sư xuất sắc, giám đốc một hãng lớn của người Pháp ở Hải Phòng. Ông đã đến tìm ông Xcala, giám đốc thương chính, và tặng trước cho ông này số tiền chè lá một vạn đôla để ký kết một chuyến buôn thuốc phiện với cơ quan nhà nước. Chắc là ông Têa có những lý do rất đặc biệt để nghĩ rằng việc vận động như thế không có gì là bất thường cả. Như vậy có nghĩa là việc hối lộ là việc thông thường trong chính giới ở Đông Dương. Tất cả những kẻ nào có quyền thế như vậy cũng đều lợi dụng để vơ vét cho đầy túi tham của mình và làm hại lớn cho xã hội”.

Nếu như ông Đáclơ, công sứ khát máu ở Thái Nguyên mà được cử làm ủy viên hội đồng thành phố Sài Gòn, và ông Bôđoăng, người đang được quan tòa Oaren nóng lòng chờ đợi, mà được cử giữ chức quyền toàn quyền Đông Dương, thì các ông Têa và Buđinô ít ra cũng nên được gắn bội tinh mới phải.

CHƯƠNG V

NHỮNG NHÀ KHAI HÓA

Xin hỏi: có phải là ở sở mật thám của phủ toàn quyền Đông Dương có một nhân viên người Pháp tên là C… không? Có phải chính tên C… ấy trong khi được phái đi "công cán" ở Phú Xuyên, đã bắt người An Nam ở đây gọi hắn bằng "quan lớn", và đã đánh đập tàn nhẫn những ai không nhanh miệng chào hắn như thế không? Có phải cũng chính tên C… này đã hiếp dâm một người lính lệ không? À té ra cái gì người ta cũng được phép và có thể làm được ở cái thiên đường Đông Dương ấy.

*

* *

Giữa tháng 12 năm 1922, một viên đội phó cảnh binh Pháp[1] ở Sài Gòn, "say mềm", đã vào nhà một người bản xứ và làm bị thương nặng hai người trong nhà, trong đó có một người đàn bà.

1 Bản tiếng Pháp: sous brigadier européen (phó cảnh binh người Âu).

Khi ông dự thẩm hỏi cung thì tên cảnh binh ấy khai là *hắn không còn nhớ gì cả*, và chối phăng là hắn không say.

Trái lại, các nhân chứng, trong đó có một người Âu, đều xác nhận rằng lúc xảy ra vụ thương tâm ấy, *người bảo vệ trật tự* kia quả là không ở trong trạng thái bình thường.

Người khai hóa ấy say hay là điên, điều đó không quan trọng, chúng tôi chỉ thiết tha mong rằng anh ta sẽ được tặng thưởng huân chương về hành động dũng cảm của anh ta.

Ở thuộc địa, hễ có màu da trắng là quý phái, là thuộc chủng tộc thượng đẳng. Để giữ thể thống, anh tây đoan hạng bét cũng có ít nhất một người ở, một người "bồi" và người này thường lại bị dùng làm "người hầu gái vạn năng".

Đày tớ người bản xứ đã dễ bảo lại rẻ tiền, nên nhiều viên chức thuộc địa về nghỉ hoặc về hưu mang theo cả người ở về nước.

Chẳng hạn như ông Giăng Lơ M... rinhuy ở phố Cácnô, thành phố Sécbua. Ông ấy ở Đông Dương về, mang theo một người bồi lương tháng 35 quan. Chẳng cần phải nói bạn cũng biết rằng, người bồi ấy phải làm quần quật từ mờ sáng đến đêm khuya. Trong nhà ấy, không có chủ nhật cũng chẳng có ngày lễ. Hơn nữa, người ta cho anh ăn uống hết sức kham khổ, và chỗ ở rất tồi tệ.

Một hôm ông Giăng Lơ M... rinhuy muốn sai người

"được bảo hộ" của mình về làm lụng ở thôn quê. Vì đã từng được nếm cuộc sống sung sướng ở thôn quê mà ông chủ quý hóa dành cho, nên anh không chịu đi.

Thế là nhà cựu khai hóa kia nổi cơn thịnh nộ nên cho anh ta một trận nên thân, rồi đuổi ra khỏi nhà[1], nhưng lại giữ tất cả tài sản của anh ta: tiền bạc, hòm xiểng, quần áo, v.v..., mà nhất định không chịu trả lại, mặc dù anh đã nhiều lần van nài. Bị đuổi đột ngột, trơ hai bàn tay trắng, không biết tiếng Pháp, không bạn bè thân thích, bơ vơ lạc lõng, con người bất hạnh đó đang lâm vào cảnh cùng khổ ghê gớm.

*

* *

Viên chức thuộc địa là nguyên nhân chính gây ra nạn đời sống đắt đỏ ở thuộc địa. Muốn biết nhân tố ăn bám ấy đè nặng lên ngân sách đến mức nào, nghĩa là đè lên lưng nhân dân lao động như thế nào, hãy so sánh những con số sau đây:

Ở Ấn Độ thuộc Anh, dân số 325 triệu người, có 4898 viên chức người Âu.

Ở Đông Dương thuộc Pháp, dân số 15 triệu người, có 4300 viên chức người Âu.

Như thế nghĩa là ở thuộc địa Anh, cứ 66.150 người dân thì có một viên chức người Âu, còn ở thuộc địa Pháp, thì cứ 3.490 người dân đã có một viên chức người Âu.

---

1 Bản tiếng Pháp: f... l'Annamite à la porte... (đuổi người An Nam ra khỏi nhà).

Ở Ấn Độ, ngành thương chính có 240 viên chức người Âu. Ở Đông Dương, ngành thương chính có 1.100 viên chức người Âu.

Ở Ấn Độ, có 26.000 nhà dây thép với 268 viên chức người Âu.

Ở Đông Dương có 330 nhà dây thép với 340 viên chức người Âu.

Tại sao ở Đông Dương, cái loài ăn hại ngân sách ấy lại nhiều đến thế? Bởi vì thuộc địa là một thiên đường ở trần gian; ở đó, trừ một vài trường hợp rất hiếm hoi, còn thì tất cả những cặn bã trong các ngành chính trị, tài chính, báo chí, v.v..., mà chính quốc thải ra, đều tìm được môi trường rất thích hợp để phát triển... Hãy bắt đầu từ nhân vật quan trọng nhất là viên toàn quyền. Về vấn đề này, một người thực dân không thiên vị đã viết: "Sang Bắc Kỳ, các ông toàn quyền chỉ nhằm một mục đích là: tìm chỗ bổ dụng bạn bè, con cháu thân thuộc và bọn vận động bầu cử của những bậc quyền thế có thể làm chỗ dựa cho mình; thường thường bọn này là những người mắc nợ như chúa chổm, bị chủ nợ săn lùng, phải có tiền cho chúng mới được...".

Đối với nhà văn thanh cao nào muốn viết lịch sử huy hoàng của công cuộc khai hóa thuộc địa, thì cuộc chiến tranh gọi là vì công lý và chính nghĩa sẽ là nguồn tài liệu vô tận. Với một cử chỉ say sưa và hùng biện, ông Anbe Xarô nói: "Chính công cuộc chinh phục thuộc địa đã đào tạo nên phần lớn những vị tướng lĩnh vĩ đại

đã đưa chúng ta đến chiến thắng và đã từng được dư luận nước Pháp ca tụng chiến công và thanh danh khi họ đưa ngọn cờ của chúng ta đi khắp đất Á, trời Phi".

Cũng với ý nghĩ thẳng thắn như thế, nhưng bằng lời lẽ kém bay bướm hơn, tờ *Nhật báo Gionevo*[1] (à, lại có quỷ sứ ở Gionevơ chăng?) đã nói toạc ra rằng: "Chính phủ cộng hòa đã đi tìm thuộc địa để *gỡ gạc lại trận thất bại năm 1870*[2]. Dân tộc Pháp coi việc chinh phục thuộc địa như là một sự *đền bù lại những thất vọng cay đắng của mình ở châu Âu, và bọn quân nhân thì vớ được dịp để trổ tài trong những trận thắng dễ dàng".*

Nghe những lời chứng có thẩm quyền như thế, mà bạn vẫn cứ khăng khăng không tin rằng việc khai thác thuộc địa là một sứ mệnh khai hóa và nhân đạo không hơn không kém, thì thật là hết chỗ nói!

*

* *

1. Ông Ghinôđô bị mất trộm số tiền 5.000 phrăng. Muốn bắt những người bản xứ làm việc ở nhà ông phải thú nhận, ông chủ tốt bụng và nhà khai hóa vĩ đại đó đã đem họ ra tra điện. Nhưng sau, người ta tìm ra kẻ cắp thì lại không phải là một người bản xứ, mà chính là một nhà khai hóa khác: ấy là cậu ấm con ngài Ghinôđô! Thế mà ông Ghinôđô vẫn được vô tội, còn tám người bản xứ giúp việc ông thì hiện vẫn còn nằm nhà thương.

1 Le Journal de Genève.

2 Thất bại năm 1870: Thất bại của Pháp trong cuộc chiến tranh Pháp – Phổ năm 1870-1871.

2. Ông Vônla, nhà khai hóa kiêm nhà buôn, không trả lương đều đặn cho những nhân viên bản xứ làm cho ông. Một trong những nhân viên đó nhờ viên đốc công hỏi hộ cho anh số lương chủ còn thiếu. Ông Vônla bèn đưa cho viên đốc công một mảnh giấy ghi mấy chữ sau đây: "Bảo cái con lợn ấy lấy C… mà ăn, chỉ có món ấy là hợp với nó thôi".

Việc này xảy ra ở Tuyniđi, năm 1923, ngay giữa lúc ông tổng thống Milorăng đi kinh lý ở đó.

*

* *

Khi người ta có màu da trắng thì nghiễm nhiên người ta là một nhà khai hóa. Mà khi người ta đã là một nhà khai hóa thì người ta có thể làm những việc dã man mà vẫn cứ là người văn minh nhất.

Cho nên, một viên đốc công lục lộ ở Nam Kỳ đã bắt những người An Nam gặp hắn trên đường phải lạy chào hắn theo đúng nghi thức của chủng tộc chiến bại đối với chủng tộc chiến thắng.

Một hôm, một viên thư ký người bản xứ ở sở ra, vừa đi vừa đọc một quyển tiểu thuyết. Đến một đoạn hài hước, anh bật lên cười. Vừa lúc ấy viên đốc công lục lộ đi tới. Ông ta nổi cơn giận lên, thứ nhất là vì người bản xứ ấy mải đọc truyện đến nỗi không nhìn thấy ông mà chào; thứ hai là vì một người bản xứ mà lại dám cười khi đi qua trước mặt một người da trắng. Thế là nhà khai hóa nắm viên thư ký lại, buộc anh phải khai tên

và hỏi anh có muốn ăn một cái tát không. Tất nhiên là người thư ký từ chối món quà hào hiệp đó, và tỏ vẻ ngạc nhiên tại sao lại có chuyện thóa mạ như thế được. Thế là chẳng nói chẳng rằng, người viên chức Pháp túm áo người bản xứ ấy lôi đến trước quan chủ tỉnh.

Cũng vẫn cái lão đốc công lục lộ ấy, lấy cớ là phải sắp xếp nhà cửa, vườn tược lại cho ngay ngắn, đã ra lệnh cho nhân dân ở hai bên đường hàng tỉnh phải dọn nhà đi, chặt cây và phá vườn trong một thời hạn do hắn quy định, nếu không thì sẽ bị phạt tiền.

Như thế đấy mà người ta vẫn cứ ngạc nhiên vì sao người bản xứ ở các thuộc địa lại cứ bất bình!

Chẳng những bọn thống đốc, công sứ muốn làm gì thì làm, mà cả các nhân viên nhà đoan, cảnh binh và tất cả những ai có tí chút quyền hành trong tay cũng đều sử dụng và lạm dụng quyền hành để thả cửa làm bậy vì họ biết chắc rằng sẽ không bị tội vạ gì hết.

Một viên cẩm ở Tuyên Quang (Bắc Kỳ) đã đánh một người bản xứ gãy cả hai cánh tay. Một viên cẩm khác ở Đà Lạt (Trung Kỳ) vừa mới sáng tạo ra một lối mua bán cực kỳ lý thú, chúng tôi xin thuật ra đây để hiến quý ngài Điô và Xarô. Một hôm ông cẩm cần gỗ ván, ông sai lính ra phố mua. Mua là một cách nói thôi, chứ ông ta có đưa tiền cho lính của ông ta đâu. Tuy vậy, lính của ông ta cũng cứ ra phố, vào hàng chọn gỗ và định mang đi, cố nhiên là không trả tiền. Người bán gỗ không cho. Lính trở về báo cáo với quan Tây yêu sách quái gở của nhà buôn ấy.

Điên tiết lên, ông cẩm phái ba người lính mang súng đến bắt người bán gỗ to gan đó. Người này đang bị cảm không chịu đi. Lính về báo lại với ông cẩm. Tức giận đến cực độ, ông cẩm liền phái thêm ba người lính nữa nhập với tốp trước, và hạ lệnh cho họ phải bắt bằng được tên cứng đầu cứng cổ kia đem về dù sống hay chết.

Toán lính vũ trang đến bao vây cửa hiệu bán gỗ và sắp sửa thi hành mệnh lệnh.

Lúc ấy, một nhà buôn người Âu can thiệp bênh người bán gỗ bản xứ và viết thư cho ông cẩm. Nhưng người cộng sự đầy nghị lực của ông Mirixơ Lông, vẫn không chịu thu hồi "trát đòi" người bán gỗ và cho biết rằng nếu anh ta không chịu đến thì sẽ gặp nhiều chuyện rắc rối.

Nhà buôn người bản xứ ấy đành phải bỏ công việc làm ăn, bỏ cả quê hương để lẩn tránh cơn tức giận "khai hóa" của vị quan da trắng.

*

* *

Bảy người An Nam đáng thương đang bơi một chiếc xuồng dài mỏng mảnh; đã xuôi dòng nước, lại có đến bảy tay chèo nên chiếc xuồng đi vùn vụt như một chiếc xuồng máy. Bỗng thuyền của một nhân viên nhà đoan khuất sau đám cây đước trong lạch hiện ra, với quốc kỳ Pháp cắm sau lái. Một thủy thủ trên thuyền nhà đoan gọi, bảo xuồng kia dừng lại; người trên xuồng vẫn chèo. Thuyền của viên Tây đoan đi chậm không đuổi kịp. Viên đoan liền cầm súng oanhsitơ bắn theo.

Đoàng! Đoàng! Một người đang chèo thét lên rồi ngã gục. Đoàng! Lại một người nữa ngã gục. Lúc ấy, một người Âu khác, làm nghề gạch ngói, vừa đi xuồng tới, cũng tham gia đột kích "bọn cướp" kia ở một khúc ngoẹo. Đoàng! Đoàng! Đoàng! Quả là tay súng cừ! Ba viên đạn, ba nạn nhân. Chiếc xuồng cùng hai người sống sót mất hút trong lạch...

Một hôm khác, cũng viên đoan ấy đi với sáu thủy thủ vũ trang, phát hiện được một người khốn khổ đang trốn dưới ao, ngâm mình dưới bùn, thở bằng một cái ống, một đầu ngậm ở miệng, một đầu để ló ra khỏi mặt nước; trên mặt nước lá sen che phủ một cách rất khéo. Viên Tây đoan liền bắt và chặt đầu "tên cướp" ấy đem về tòa sứ. Thật ra, đó chỉ là một nông dân bình thường khiếp sợ vì thấy có nhiều người lạ đến làng, mặt mày hung tợn, mang đầy súng lục, túi đạn, lăm lăm súng oanhsitơ trên tay. Số là bọn nhà đoan vào các túp lều trong làng đã tìm thấy ba chiếc vỏ đạn, mấy cái bánh tàu và một cái búa đi rừng. Vậy đích thị là một làng làm giặc và tiếp tế cho giặc rồi còn nghi ngờ gì nữa!

Một sĩ quan trẻ tuổi vừa ở Pháp sang, đến một làng nọ thấy nhà cửa vắng vẻ, còn dân chúng thì tụ tập lại một chỗ. Tưởng đâu đã lọt vào ổ phục kích, hắn bắn xả vào đám đông vô tội. Thật ra thì dân chúng đương họp để cúng tế. Bị bắn, họ kinh hoảng bỏ chạy tán loạn. Tên sĩ quan đuổi theo và tàn sát họ.

Một người Pháp đã từng ở Bắc Kỳ lâu năm kể: Khi từ

chiếc tàu của một nhà kinh doanh lớn, tôi đặt chân lên Bắc Kỳ, anh có biết mạng của một người An Nam đáng giá bao nhiêu không? Không đáng một trinh! Thật đấy.

– Này nhé, tôi còn nhớ, khi chúng tôi ngược sông Hồng, người ta đã đem rượu ra đánh cuộc xem ai ngồi dưới tàu, bắn mười phát mà "hạ sát" được nhiều người An Nam nhất ở trên bờ.

Một đôi kẻ súng cầm tay đi lùng bắt dân làng, thuyền bè để đòi tiền chuộc.

Một đại đội thủy quân lục chiến hành quân đến Vĩnh Thượng. Theo phép lịch sự, viên quan địa phương dàn lính (bọn lính lệ) nghênh tiếp. Tên chỉ huy toán lính đi dò đường của đại đội thấy thế đã ra lệnh bắn vào họ, làm nhiều người chết.

Khi người ta không trừ nổi một nghĩa quân thì người ta đốt cả làng người ấy. Người ta đã triệt hạ cả một vùng chung quanh Hưng Hóa như vậy.

Một người An Nam đang đi lảo đảo trên một con đường nhỏ hẻo lánh, vai gánh hai thúng to đầy lạc. Chúng tôi tới gần, hắn ta không kịp tránh. Tức thời người ta bắt hắn và bắn chết.

Suốt ngày, người ta vác gậy hoặc sống gươm nện vào người An Nam để bắt họ làm việc.

Người An Nam rất hiền lành, rất ngoan ngoãn, nhưng người ta lại nói chuyện với họ chỉ bằng những cái đá đít thôi.

Chúng ta coi những người An Nam yêu nước là những tên cướp. Chẳng hạn như Đội Văn[1], một người yêu nước đã từng chiến đấu mấy năm trời chống lại sự thống trị của người nước ngoài, bị chém tại Hà Nội, bêu đầu ở Bắc Ninh, ném xác xuống sông Hồng.

Tống Duy Tân[2] sau mười năm ròng rã chiến đấu tuyệt vọng đã bị bắt và bị chém.

Phan Đình Phùng[3], một vị quan to, kháng chiến trong mười năm trời rồi chết trong rừng sâu. Ông ta chết rồi mà người ta vẫn không tha; người ta vào rừng quật mộ ông lên, ném thi hành ông mỗi nơi một mảnh. Người ta báo thù ông ngay sau khi ông đã nằm sâu dưới mộ.

Ở tỉnh Quảng Trị, một viên cai lục lộ người Pháp say rượu đã "hạ" một người bản xứ ngồi trên lưng voi, chỉ vì tội không nghe rõ hay là không hiểu lệnh của hắn.

Một viên Tây đoan ở Bà Rịa (Nam Kỳ) cũng say rượu, phang một gậy trúng lá lách một thủy thủ An Nam thuộc quyền hắn, làm cho anh ta chết tươi.

Một viên thầu khoán người Pháp giết một lính khố

---

1 Đội Văn (còn gọi là Tuần Văn): Một trong những người chỉ huy cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1885-1889) thuộc tỉnh Hưng Yên cũ, do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo. Năm 1889, bị khủng bố dữ, Đội Văn trá hàng, được Pháp cấp cho 500 quân để đánh lại nghĩa quân. Ông mang toàn bộ quân lính và vũ khí gia nhập nghĩa quân Hoàng Hoa Thám, đánh lại quân Pháp.

2 Tống Duy Tân (1838-1892): Một sĩ phu yêu nước, hưởng ứng phong trào Cần Vương (do vua Hàm Nghi phát động, 1885), lãnh đạo nhân dân chống Pháp ở vùng núi Hùng Lĩnh (Thanh Hóa).

3 Phan Đình Phùng (1847-1895): Một sĩ phu yêu nước nổi tiếng. Năm 1885, hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi, ông phát động khởi nghĩa ở quê ông, dựa vào vùng rừng núi Hương Sơn (Hà Tĩnh) làm căn cứ chống Pháp. Địch dụ dỗ và dùng vũ lực uy hiếp, ông không chịu khuất phục. Năm 1895, ông lâm bệnh mất tại căn cứ.

xanh ở Đà Lạt. Cũng ở đấy, một nhà khai hóa khác đã đánh một người thợ mộc bản xứ đến chết.

Một viên thầu khoán bắt thợ làm việc ngày đêm dưới nước để đào một đường hầm. Một số đông thợ chết, những người còn sống sót bãi công. Viên thầu khoán đã tự tay đốt nhà những người bãi công để buộc họ phải đi làm trở lại. Cả một làng cháy rực giữa đêm tối.

Một viên chánh quản pháo binh nửa đêm vào nhà một bà vắng chồng. Bà ta không chịu tiếp hắn. Thế là hắn nổi lửa đốt nhà bà. Dĩ nhiên, người đàn bà đau khổ kia hết sức sợ hãi.

Một viên quan hai nhiều vợ, đã quật ngã một thiếu phụ, dùng gậy song đánh chị đến chết chỉ vì chị không chịu ăn ở với hắn.

Một viên chức ở xưởng đóng tàu của hải quân giết một nhân viên hỏa xa người An Nam bằng cách xô anh vào một đống than hồng sau khi đánh đập anh hết sức tàn nhẫn.

*

* *

Ông Vinhê Đốctông viết: "Trên thế giới không có dân tộc chiến bại nào bị đàn áp và hành hạ như người dân thuộc địa".

Một nhà du lịch khác viết: "Đời sống ở thuộc địa chỉ làm cho tật xấu của cá nhân phát triển: những kẻ đã nếm mùi chiến tranh thì càng mất hết ý thức đạo đức, càng trụy lạc, bất lương và độc ác; những bọn con buôn và bọn phiêu lưu khác thì càng quen mùi trộm

cắp, cướp giật. Ở bên Pháp ít có dịp để làm những việc đó, và người ta sợ cảnh sát hơn! Ở đây, bọn nói trên, đôi khi chỉ có một mình với vài người bản xứ, trên một con thuyền hoặc trong một thôn xóm; vì vậy chúng cướp bóc trắng trợn hơn là người Âu trên thị trường, và đối xử tàn nhẫn hơn với những nông dân nào phản đối chúng".

Một nhà du lịch thứ ba viết: khi đặt chân đến đây, tất cả những người Pháp đều nghĩ rằng người An Nam là hạng người thấp kém và phải làm nô lệ cho họ. Họ coi người An Nam như những súc vật phải điều khiển bằng roi vọt. Tất cả đều quen tự coi mình thuộc một đẳng cấp quý tộc mới, có đặc quyền đặc lợi. Binh sĩ hay là thực dân, họ đều cho rằng giữa họ và người bản xứ không có cách đối xử nào khác hơn là sự đối xử giữa chủ và tớ. Hình như đối với họ, người bồi là tiêu biểu của cả chủng tộc da vàng. Phải nghe một người Pháp ở Đông Dương nói về người da vàng mới thấy hết cái ngu xuẩn trong lối nói ngạo mạn của hắn. Phải nhìn một người Âu đối xử với người bản xứ mới thấy hết cái cục cằn thô lỗ của hắn.

Kẻ đi chinh phục rất quan tâm đến thái độ phục tùng và cung kính của người bị chinh phục. Người An Nam ở thành thị cũng như ở nông thôn đều bắt buộc phải ngả nón trước mặt người Âu.

Một tên mật thám Pháp đánh đập tàn nhẫn những người An Nam nào quên không gọi hắn ta bằng quan lớn. Một tên tham tá nhà đoan buộc những người bản xứ khi đi qua nhà hắn phải ngả mũ hoặc xuống xe,

xuống ngựa. Một hôm, nhà khai hóa này đánh đập tàn nhẫn một chị người An Nam đang có mang, chỉ vì tuy chị có chào hắn, nhưng lại quên gọi hắn là quan lớn. Hắn đá một cái rất mạnh vào bụng chị làm chị trụy thai, ít lâu sau thì người đàn bà khốn khổ ấy chết.

Các quan bảo hộ của chúng ta buộc người An Nam phải khúm núm, ngoan ngoãn, dễ bảo và lễ phép, nhưng ngược lại, về phía các quan, thì như một nhà văn sang thăm Đông Dương đã viết: "Hình như họ chỉ làm những điều khiến cho sự có mặt của chúng ta trở thành một điều xấu xa bỉ ổi không ai chịu được". Nhà văn ấy còn viết tiếp: "Ở châu Âu người ta coi giống người da vàng chứa đựng tất cả những thói điêu ngoa xảo trá. Ấy thế mà, chính chúng ta thì lại rất ít chú ý tỏ ra là mình ngay thẳng, thành thật".

Có những sĩ quan đã giật râu nhà sư ngay trong lúc họ làm lễ. Một cậu ấm người Pháp đã đánh nhừ đòn một viên chức người An Nam, vì ông này đã ngồi trước trên một chiếc xe hàng mà không chịu nhường chỗ cho cậu.

Một viên toàn quyền vừa về tới Mácxây, người ta thết tiệc ông ta và đề nghị cho mấy viên quan Nam triều đang có mặt ở cảng đến cùng dự. Viên toàn quyền Đông Dương đáp: "Nếu các ông mời các tên quan lại ấy, thì tôi cũng sẽ đưa tên bồi của tôi đến".

*

* *

Chúng tôi xin trích trong nhật ký đi đường của một anh lính thuộc địa, sự việc sau đây:

– Trong khi "những người từng ở Bắc Kỳ" đang vui chơi nhởn nhơ trên tàu, thì dưới mạn tàu phía bên phải có mấy chiếc xuồng bán hoa quả, ốc hến. Để đưa hàng đến tận tay chúng tôi, những người An Nam buộc giỏ đựng hàng vào đầu ngọn sào, rồi giơ lên. Chúng tôi chỉ có mất công chọn. Nhưng đáng lẽ trả tiền, thì người ta lại có nhã ý bỏ vào giỏ đủ thứ như sau: ống điếu, khuy quần, mẩu tàn thuốc (có lẽ họ làm như thế để giáo dục tính ngay thật trong việc mua bán cho người bản xứ chăng!). Đôi khi để đùa vui, một anh thợ đốt máy hắt một thùng nước sôi xuống lưng những người bán hàng khốn khổ. Thế là, những tiếng kêu rú lên, mái chèo vung lên loạn xạ để bơi tránh, làm cho xuồng va chạm vào nhau lộc cộc.

"Ngay bên dưới tôi, một người An Nam bị giội nước sôi, *bỏng từ đầu đến chân,* phát điên lên muốn nhảy xuống biển. Người anh của anh ta, quên cả nguy hiểm, bỏ chèo, ôm lấy anh, bắt anh nằm xuống lòng thuyền. Cuộc vật lộn chớp nhoáng vừa chấm dứt thì một thùng nước sôi thứ hai do một bàn tay thành thạo lại giội xuống; thế là đến lượt *chính người anh, người đi cứu, bị luộc chín.* Tôi trông thấy ông ta giãy giụa trong thuyền, da bị lột ra, gào rống lên như một con vật. Thế nhưng cảnh đó lại làm cho chúng tôi cười, chúng tôi cho là rất ngộ nghĩnh. *Quả thật chúng tôi đã có tâm hồn thực dân!"*.

Ở một trang khác, anh lính viết:

– Trong thời kỳ tôi ở đấy (ở Bắc Kỳ), không có tuần nào là tôi không thấy vài cái đầu rụng.

Trong những cảnh ấy, tôi chỉ còn ghi nhớ được một điều là chúng ta còn độc ác, còn dã man hơn cả bọn kẻ cướp nhà nghề. Tại sao lại có những hành vi quái ác đến thế đối với một người tù sắp phải chết? Tại sao lại dùng nhục hình, tại sao phải giải từng đoàn tù đi bêu khắp xóm làng?

*

* *

Ông Đume, cựu toàn quyền Đông Dương, đã trịnh trọng phát biểu tại hạ nghị viện như sau: "Tôi hiểu rõ những cảnh binh ở thuộc địa. Tôi đã từng cho tăng số đội cảnh binh lên, vì tôi đã nhận thấy rằng lực lượng cảnh binh bảo đảm cho người bản xứ tránh được những sự hà lạm có thể do một số tên thực dân gây ra. *Cảnh binh rất được lòng người bản xứ*".

Chúng ta hãy xem các ông cảnh binh đã làm thế nào để "được lòng dân". Phải nói ngay rằng nhìn chung, các ông rất hiền từ đối với bọn côn đồ, đó là điều chắc chắn rồi. Nhưng đối với dân hiền lành thì lại là chuyện khác. Chúng ta chưa cần nói đến chuyện thương tâm xảy ra tại khám lớn Sài Gòn năm 1916, năm mà các ngài cảnh binh, do "nhiệt tình yêu nước", đã bắt người bừa bãi, và những người vô tội bị bắt ấy đã bị kết án và hành hình. Dù máu người An Nam nhuộm đỏ "đồng

Mả ngụy"[1] có phai đi với thời gian chăng nữa, thì vết thương lòng của những bà mẹ già, những người vợ góa, những đứa con côi không bao giờ hàn gắn được. Bọn thủ phạm gây ra vụ đó, mà cảnh binh là công cụ hèn mạt của chúng, không hề bị trừng trị, chúng cũng chưa hề bị truy tố. Bây giờ, chỉ xin nêu một vài trường hợp đặc biệt:

Một viên cẩm ở Bắc Kỳ suốt ngày đi dọc các cống rãnh, bảo là để gìn giữ vệ sinh. Hễ bắt gặp được dù chỉ một cuộng cỏ trên dòng nước, là tức khắc hắn trừng trị và phạt tiền những người dân nghèo khổ ở quanh đấy.

Ở miền Tây Nam Bộ, nhằm tránh tai nạn trong các kênh có thuyền bè đi lại, mỗi con kênh đều có một trạm cảnh binh làm nhiệm vụ kiểm soát không cho thuyền bè đi quá nhanh hoặc làm trở ngại giao thông. Nhưng với sự có mặt của bọn cảnh binh, thì đó là một cái "cửa cống" tuôn ra không biết bao nhiêu vụ phạt tiền, phạt vi cảnh. Hầu hết thuyền bè qua lại trên các kênh lạch có trạm cảnh binh ấy đều bị phạt từ một đến hai đồng. Như thế là ngoài các khoản thuế của nhà nước chồng chất lên ngập đầu, còn thêm thuế sông nước do các ngài cảnh binh "được lòng dân" đặt ra nữa; nên người An Nam thật là sung sướng, sung sướng lắm!

Ngoài việc thăng thưởng dành cho những người đắc lực nhất, nghe đâu các ngài cảnh binh còn được hưởng

---

1 Đồng Mả ngụy: Tên một cánh đồng thuộc tỉnh Gia Định xưa (tiếng Pháp gọi là *Plaine des Tombeaux).* Đây là nơi mà năm 1835, bọn phong kiến triều Nguyễn vùi chôn hơn một nghìn người không phân biệt già trẻ, lớn bé, nam nữ, binh lính hay thường dân trong số nghĩa quân của Lê Văn Khôi để trả thù vì đã chống lại chúng. Sự kiện này xảy ra sau khi thành Gia Định – do nghĩa quân đóng giữ – bị chúng chiếm lại.

món hoa hồng bằng 20% số tiền phạt nữa thì phải! Chế độ tốt đẹp thay!

Một tờ báo bản xứ viết: "Dân bản xứ không muốn có cảnh binh Pháp nữa vì đó thường là mối tai họa cho người lương thiện".

*

* *

Một gã Puốcxinhông nào đó thấy một người An Nam dám tò mò và cả gan nhìn vào nhà hắn trong vài giây, hắn đã nhẩy xổ ra đánh và giết anh ta bằng một phát súng lục vào đầu.

Một nhân viên hỏa xa người Pháp ở Bắc Kỳ, lấy roi mây quất một người lý trưởng, rồi bắt nhốt vào cũi chó.

Ông Bếc đấm vỡ sọ người lái xe cho ông ta.

Ông Bơrét thầu khoán, trói một người An Nam cho chó cắn, rồi đá anh ta cho đến chết.

Ông Đépphi, chủ sự thuế quan, đá vào hông người đày tớ một cái rất mạnh làm anh này chết tươi.

Ông Hăngri, thợ máy, nghe có tiếng ồn ào ngoài phố; cửa nhà ông vừa mở; một chị người An Nam chạy xộc vào, có một người đàn ông bản xứ đuổi theo. Hăngri tưởng người đàn ông kia ghẹo "con gái"[1] của mình, liền vớ ngay khẩu súng săn, bắn một phát, người kia ngã gục.

1 Hồi Pháp thống trị nước ta, người Pháp thường nuôi những người thiếu nữ An Nam vừa làm người hầu hạ, may vá, vừa làm trò chơi; chúng gọi những người ấy là "con gái". Khi một người Pháp nói "ma con gái" (đứa con gái của tôi), cũng như nói "mon boy" (người bồi của tôi) vậy.

Một người Pháp đem ngựa của hắn buộc vào một tàu ngựa trong đó đã có con ngựa cái của một người dân bản xứ. Con ngựa đực lồng lên làm cho người Pháp tức điên đầu. Hắn liền đánh người bản xứ ấy hộc máu mồm máu mũi, rồi trói anh ta lại, treo lên cầu thang.

Một nhà truyền giáo (vâng, một tông đồ hiền lành của Chúa!) nghi cho một học sinh chủng viện bản xứ lấy cắp một nghìn đồng; hắn trói anh ta lại rút lên xà nhà mà đánh. Người học sinh tội nghiệp kia ngất đi. Hắn hạ anh ta xuống. Anh hồi tỉnh, hắn lại rút anh lên, tra khảo. Người bản xứ đó dở sống dở chết. Có lẽ hôm nay thì đã chết thật.

Vân vân và vân vân.

Tòa án có trừng phạt những kẻ ấy, những nhà khai hóa ấy không?

Một số đã được tha bổng, còn một số thì chẳng hề bị động tới lông chân.

*

* *

Một tên thực dân Pháp thấy ba người bản xứ thả cừu vào vườn ôliu của hắn. Hắn bảo vợ đem súng đạn ra nấp vào bụi rậm, hắn bắn ba phát, làm bị thương nặng cả ba người.

Một tên thực dân Pháp khác có hai công nhân người bản xứ giúp việc là Amđuni và Benbenkhia. Hai người này hình như có hái trộm vài chùm nho. Tên thực dân

liền cho gọi họ đến, lấy roi gân bò quất xối xả vào họ cho đến chết ngất. Khi họ tỉnh lại thì quan lớn bảo hộ sai trói giật cánh khuỷu lại và treo lên. Mặc dù hai người khốn khổ kia đã mê man bất tỉnh, cuộc hành hạ ghê tởm đó vẫn cứ kéo dài suốt bốn tiếng đồng hồ cho đến khi có người láng giềng phản đối mới thôi.

Khiêng vào bệnh viện, mỗi người bị cưa mất một bàn tay. Còn bàn tay kia cũng không chắc gì cứu khỏi.

*

* *

Một người An Nam, 50 tuổi, từng làm việc 25 năm ở sở xe lửa Nam Kỳ, đã bị một viên chức da trắng giết chết. Đầu đuôi như sau:

Ông Lê Văn Tài có bốn người giúp việc dưới quyền mình. Phận sự của họ là đóng cầu mỗi khi có xe lửa đi qua và mở cầu cho thuyền bè qua lại. Theo lệ thì phải đóng cầu mười phút trước khi xe lửa đi qua.

Ngày 2 tháng 4, hồi 16 giờ 30 phút, một người trong bọn họ vừa mới đóng cầu và treo tín hiệu xong thì một *xuồng máy công đi đến; trên xuồng có một viên chức người Pháp của xưởng đóng tàu hải quân đi săn về.* Chiếc xuồng kéo còi. Nhân viên bản xứ liền ra giữa cầu phất cờ đỏ báo cho những người trên xuồng biết xe lửa sắp chạy qua. Thế là chiếc xuồng cập vào một trụ cầu. Người viên chức Pháp nhảy lên bờ, hầm hầm đi về phía người An Nam. Anh này khôn ý chạy về phía nhà ông Tài là “xếp” của mình. Người Pháp đuổi bắt,

lấy đá ném theo. Nghe tiếng ồn ào, ông Tài chạy ra, đón viên đại diện của văn minh, thì viên này sừng sộ mắng vào mặt ông: “Đồ súc sinh! Tại sao mày không mở cầu ra?”. Vốn không biết nói tiếng Pháp, ông Tài chỉ còn biết trả lời hắn bằng cách trỏ tay vào cái tín hiệu màu đỏ. Cử chỉ đơn giản ấy làm cho vị cộng sự của ngài toàn quyền Lông phát khùng lên. Không phân phải trái, hắn ta nhảy xổ vào ông Tài và *sau khi đánh ông nhừ tử, hắn xô ông vào một đống than hồng gần đó.*

Người An Nam gác cầu ấy bị bỏng một cách rùng rợn, phải chở đi đến nhà thương, và sau sáu ngày giãy giụa, ông đã chết.

Người viên chức kia vẫn được vô sự, không bị đòi hỏi gì cả. Trong lúc ở Mácxây người ta trưng bày sự phồn vinh giả tạo của xứ Đông Dương, thì ở Trung Kỳ dân đang chết đói. Ở đây người ta ca ngợi lòng trung thành, thì ở bên kia người ta đang giết người!

Trong khi tính mạng một người An Nam bị rẻ rúng không đáng giá một trinh, thì ngài tổng thanh tra Rêna chỉ bị sướt một chút da ở cánh tay lại được lĩnh tiền 120.000 phrăng tiền bồi thường.

*

* *

Công cuộc khai hóa người Marốc bằng đại bác vẫn tiếp diễn.

Một viên chỉ huy bộ binh Zuavo[1] đóng ở Xéttát, đã nói với binh sĩ như thế này: "Chúng ta phải diệt cho xong lũ man rợ này. Đất Marốc giàu khoáng sản và nông sản. Chúng ta, những người Pháp, những người văn minh, chúng ta đến đây với hai mục đích: khai hóa và *làm giàu cho chúng ta*".

Viên chỉ huy ấy nói đúng đấy. Nhất là ông ta đã thành thật thú nhận rằng người ta sang thuộc địa là để cướp bóc người bản xứ. Bởi vì chỉ sau 10 năm đặt dưới chế độ bảo hộ, xứ Marốc đã bị người Âu cướp mất 379.000 hécta đất trồng trọt, trong đó 368.000 hécta đã lọt vào tay những người Pháp khai hóa. Diện tích Marốc có 815.000 kilômét vuông; nếu công cuộc khai hóa cứ tiếp tục với đà ấy thì chẳng mấy năm nữa, người dân Marốc khốn khổ sẽ không còn lấy một tấc đất tự do nào để trồng trọt và sinh sống trên Tổ quốc mình mà không phải chịu cái ách bóc lột và nô dịch của chủ nghĩa thực dân.

1 Zouaves: Danh từ dùng để chỉ những binh lính thuộc những đơn vị quân đội thực dân Pháp lúc mới thành lập chỉ gồm những người bản xứ Angiêri ở vùng *Zouagha*, một địa phương thuộc miền núi nước Angiêri, giáp giới Tuyidi.

CHƯƠNG VI

TỆ THAM NHŨNG TRONG BỘ MÁY CAI TRỊ

Ngân sách Nam Kỳ chẳng hạn, năm 1911 là 5.561.680 đồng (12.791.000 phrăng); năm 1912 là 7.321.817 đồng (16.840.000 phrăng). Năm 1922, ngân sách đó lên tới 12.821.325 đồng (96.169.000 phrăng). Một con tính đơn giản cho chúng ta thấy giữa hai năm 1911 và 1922, trong ngân sách của thuộc địa này có sự chênh lệch là 83.369.000 phrăng. Số tiền đó chạy vào đâu? Tất nhiên là vào các khoản chi về nhân sự, vì các khoản này ngốn gần hết 100% tổng số thu.

Hết hành vi điên rồ này đến hành vi điên rồ khác đã phung phí đồng tiền mà người dân An Nam khốn khổ đã phải đổ mồ hôi nước mắt mới kiếm được. Chúng tôi chưa biết đích xác số tiền chi tiêu cho vua An Nam sang ngao du bên Pháp, chỉ biết rằng, để đợi ngày lành cho

con Rồng tre[1] xuống tàu, người ta đã phải bồi thường cho tàu Poóctốtxơ trong bốn ngày chờ đợi, mỗi ngày 100.000 phrăng (tức là 400.000 phrăng tất cả). Tiền tàu hết 400.000 phrăng. Tiền chiêu đãi hết 240.000 phrăng (chưa kể tiền lương trả cho bọn mật vụ để theo dõi người An Nam ở Pháp), 77.600 phrăng trả tiền ăn ở tại Mácxây cho lính khố xanh dùng để "bồng súng chào" Cụ lớn và Hoàng thượng.

Vì nói đến Mácxây, nên nhân tiện cũng thử xem cuộc triển lãm thuộc địa ở đây đã tổn phí bao nhiêu. Trước hết ngoài bọn có thế lực ở chính quốc ra, người ta còn cho mời ba chục viên chức cao cấp ở các thuộc địa về; bọn này phè phỡn ở đường phố Cannơbie[2] mà vẫn được lĩnh phụ cấp cả ở triển lãm lẫn ở thuộc địa. Riêng Đông Dương phải bỏ ra 12 triệu cho cuộc triển lãm này. Và các bạn có biết người ta đã chi tiêu số tiền đó như thế nào không? Một ví dụ: việc dựng lại cái mô hình nổi tiếng của các cung điện Ăngco đã tốn 3.000 mét khối gỗ, giá 400 hoặc 500 phrăng một mét khối. Tức là: từ 1 triệu 200 nghìn đến 1 triệu 500 nghìn phrăng!

Còn nhiều ví dụ khác về sự phung phí nữa. Trong việc đi lại của quan toàn quyền, xe hơi và xe luých vẫn chưa đủ, còn phải có một toa xe lửa đặc biệt nữa

1 Con rồng tre: Ám chỉ vua Khải Định, xuất phát từ sự việc sau đây: Năm 1922, vua Khải Định sang Pháp dự hội chợ triển lãm thuộc địa tại Mácxây, đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết vở kịch "Con rồng tre" để vạch trần bộ mặt bán nước hại dân của tên vua này. Đại ý: Có những cây tre thân hình còng queo, những người chơi đồ cổ lấy về đẽo gọt thành con rồng. Nó là một đồ chơi, một khúc tre nhưng lại được mang tên và có hình dáng con rồng. Thực ra, nó chỉ là một vật vô dụng.

2 La Cannebière: Tên một đường phố đông đúc ở Mácxây.

kia; việc sửa sang toa xe đó tốn cho ngân khố 125.250 phrăng.

Trong vòng mười một tháng hoạt động, nha kinh tế (?) đã làm hao phí công quỹ Đông Dương một số tiền 464.000 phrăng.

Tại trường thuộc địa, nơi "chế tạo" ra những nhà khai hóa tương lai, 44 giáo sư đủ các loại được đài thọ để dạy từ 30 đến 35 học viên. Lại phải tốn hàng nghìn phrăng nữa.

Công việc thanh tra thường xuyên các công trình phòng thủ thuộc địa hàng năm tốn cho ngân sách 785.168 phrăng. Thế nhưng các ngài thanh tra thì không bao giờ rời khỏi Pari và đối với các thuộc địa thì các ngài cũng không hiểu biết gì hơn là hiểu biết ông trăng già!

Nếu chúng ta đến các thuộc địa khác, thì ở đâu chúng ta cũng thấy một tình trạng tệ lậu như vậy. Để đón tiếp một phái đoàn "kinh tế" không chính thức, ngân khố Máctiních "nhẹ bổng đi" mất 400.000 phrăng. Trong vòng 10 năm, ngân sách Marốc từ 17 triệu tăng lên 290 triệu phrăng, mặc dầu người ta đã giảm 30% khoản chi tiêu cho lợi ích địa phương, tức là những khoản chi tiêu có thể có lợi cho nhân dân bản xứ!

*

* *

Một cựu nghị sĩ đi thăm thuộc địa về, đã phải kêu lên: "So với bọn viên chức thuộc địa thì những tên cướp đường còn là những người lương thiện!". Mặc dù đồng

lương rất hậu (một nhân viên Pháp mới bổ dụng, dù có dốt đặc đi nữa, lương ít nhất cũng 200 đồng = 2.000 phrăng mỗi tháng), nhưng các ngài viên chức ấy vẫn không bao giờ thỏa mãn. Họ muốn kiếm chác nhiều hơn, bằng đủ cách.

Học bổng thì cấp cho các cậu ấm con các quan công sứ, hoặc các quan cai trị tại chức mà lương được coi như quá thấp (từ 4 vạn đến 10 vạn phrăng).

Có thể nói một số phiên họp của hội đồng quản hạt chỉ là để bàn việc cướp giật công quỹ một cách có phương pháp. Riêng một ông chủ tịch nào đó của hội đồng đã được lãnh thầu những công việc trị giá hai triệu phrăng rồi. Ông đổng lý sự vụ nọ, đại diện của chính phủ trong hội đồng, đã xin tăng lương mình lên gấp đôi và đã được chấp thuận. Việc làm một con đường kéo dài năm này qua năm khác chẳng ai kiểm tra đem lại cho một vị thứ ba những món lợi thường xuyên đều đặn. Chức vụ thầy thuốc của các viên chức Đông Dương đem lại cho vị thứ tư một khoản lương khá hậu. Vị thứ năm được bổ làm thầy thuốc các công sở thành phố. Vị thứ sáu nhận cung ứng giấy và in tài liệu cho chính phủ. Cứ thế, vân vân và vân vân.

Kho bạc có vơi đi chút ít thì đã có những quí quan làm cho nó đầy lại một cách nhanh chóng. Với quyền sẵn có, họ sức cho dân bản xứ biết nhà nước cần một khoản tiền bao nhiêu đó, rồi họ phân bổ cho các làng phải đóng góp. Và các làng lo vội vàng tuân lệnh để khỏi bị trừng phạt ngay lập tức.

Khi một viên khâm sứ cần thanh toán một khoản tiền gì đó thì ngài phát hành các bằng sắc để bán. Người ta kể lại ở một tỉnh nọ, một vụ kinh doanh kiểu ấy đã thu được tới 10.620 phrăng. Mà những vụ như thế không phải hiếm.

Một trong những quan khâm sứ của chúng ta, vì tiêu hết trước hạn mấy tháng tất cả kinh phí cho chiếc xàlúp đã bắt công quỹ hoàn lại cho ngài các khoản chi phí về một cuộc lễ tiết nào đó không ai biết rõ, nhưng nói rằng nhà vua đã được mời ngự trên xàlúp.

Các tay chào hàng cho văn minh và dân chủ quả thật thông thạo về cái ngón xoay xở kiểu D.

*

* *

Một cựu toàn quyền Đông Dương, một hôm đã thú nhận rằng thuộc địa này đầy dẫy những viên chức ăn hại ngân sách mà thường chẳng được tích sự gì cả.

Một người thực dân viết: quá nửa số viên chức ấy, từ các quan đầu tỉnh đến các quan chức khác, đều không đủ tư cách cần thiết của những con người được giao phó những quyền hạn rộng rãi và ghê gớm như thế.

Tất cả bọn chúng chỉ có mỗi cái tài là phung phí công quỹ, còn người An Nam khốn khổ thì cứ nai lưng đóng góp, đóng góp mãi. Họ đóng góp không những để trả lương cho những viên chức giữ những chức vụ vô dụng, mà còn để trả lương cho cả những viên chức không có chức vụ gì cả! Năm 19..., 250.000 phrăng đã tan biến đi như thế.

Một chiến hạm đã được dành riêng cho sự đi lại của một cụ lớn. Việc sửa sang chiếc chiến hạm đã tốn 250.000 phrăng, ấy là chưa kể những khoản "chi phí linh tinh" mà Đông Dương phải đài thọ cho mỗi chuyến đi là trên 80.000 phrăng.

Quan toàn quyền chưa vừa ý với những lâu đài tráng lệ mà ngài ở tại Sài Gòn và Hà Nội, còn phải cần thêm cho ngài một biệt thự ở bãi biển nữa. Ngân sách Đông Dương lại phải "è lưng ra gánh".

Năm 19..., một tay nước ngoài[1] tai to mặt lớn nào đó ghé qua Sài Gòn, đã được viên thống đốc đón tiếp một cách đế vương. Bốn ngày liền ăn chơi phè phỡn thả cửa, yến tiệc, rượu chè lu bù, rốt cuộc xứ Nam Kỳ tội nghiệp phải tính số trả 75.000 phrăng.

Các quan cai trị đều là những ông vua con. Họ muốn xung quanh mình cái gì cũng xa hoa tráng lệ, và nói rằng, có thế mới nâng cao được uy tín của họ đối với người bản xứ. Một viên công sứ nọ đã lập cả một đội kì mã cận vệ và không bao giờ hắn đi đâu mà không có đội ấy theo hầu. Ở tất cả các tòa sứ đều có từ 6 đến 11 con ngựa và năm sáu cỗ xe sang trọng đủ kiểu: độc mã, song mã, tứ mã[2], v.v... Ngoài những phương tiện đi lại đã quá thừa ấy, còn thêm những xe hơi mỹ lệ, tốn cho công quỹ hàng vạn đồng. Một viên quan cai trị nọ còn có cả một tàu ngựa đua.

1 Nguyên văn: *Un Tartempion de marque étranger. Tartempion* là một danh từ riêng đặt ra dùng để chỉ một anh chàng cha căng chú kiết nào đó.

2 Trong bản tiếng Pháp, tác giả kể đủ các kiểu xe như: *victorias, muylords, tilburys, malabars.*

Tiền nhà cửa, bàn ghế, điện nước của các vị đó đều do công quỹ đài thọ cả. Ngoài ra, những người đánh xe, lái xe, giữ ngựa, làm vườn, tóm lại, tất cả những kẻ hầu người hạ của họ cũng đều do nhà nước trả tiền công.

Thậm chí những cuộc giải trí về văn chương của những người tốt số ấy cũng lại do nhà nước trang trải. Một viên quan cai trị đã ghi vào ngân sách 900 đồng tiền sưởi ấm, và 1.700 đồng mua báo chí! Một vị khác đã dùng mánh lới kế toán để biến tiền mua sắm áo khoác ngoài, đàn dương cầm, đồ trang sức thành những khoản vật liệu tu bổ tòa sứ, hoặc những khoản tương tự như thế để bắt ngân sách nhà nước phải chịu.

*

* *

Dù trước kia họ là những anh hàng cháo, hoặc giám thị trong các nhà trường, nhưng khi đã đặt chân đến thuộc địa là các nhà khai hóa ấy của chúng ta sống một đời sống đế vương. Một viên quan cai trị dùng năm sáu lính khố xanh để chăn dê cho mình; một viên khác bắt lính có nghề điêu khắc chạm trổ cho mình những tượng Phật xinh xắn hoặc đóng cho mình những rương hòm rất đẹp bằng gỗ dạ hương.

Theo lệ, một viên giám binh chỉ được lấy một lính hầu, thế mà người ta kể, có một ngài đã dùng:

Một viên đội làm quản gia, một đầu bếp, ba bồi, hai phụ bếp, ba người làm vườn, một hầu phòng, một người đánh xe, một người giữ ngựa.

Còn bà lớn thì dùng: một thợ may, hai thợ giặt, một thợ thêu ren, một thợ đan lát.

Và cậu ấm thì có một người bồi riêng không lúc nào rời cậu nửa bước.

Một người mắt thấy kể lại: chỉ trong một bữa ăn thường, không phải yến tiệc gì, ở nhà một viên quan cai trị, cũng thấy đằng sau mỗi người ngồi ăn có một lính đứng hầu chờ thay đĩa và đưa món ăn. Và tất cả lính hầu trong phòng ăn đều do một viên đội duy nhất chỉ huy!



CHƯƠNG VII

BÓC LỘT NGƯỜI BẢN XỨ

"Sau khi cướp hết những ruộng đất màu mỡ, bọn cá mập Pháp đánh vào những ruộng đất cằn cỗi những thứ thuế vô lý gấp trăm lần thuế đất thời phong kiến".

Vinhê Đốctông

Trước khi Pháp chiếm cứ xứ này, trong bộ thuế điền thổ các làng, người ta xếp đất ruộng, công cũng như tư, thành nhiều hạng dựa theo các loại cây trồng. Thuế suất ruộng từ năm hào đến một đồng một mẫu, còn đất từ một hào hai đến một đồng tư một mẫu. Mẫu là đơn vị diện tích hình vuông mỗi cạnh 150 thước. Thước thì dài, ngắn không chừng, tùy từng tỉnh, có thước 42, 47 hoặc 64 xăngtimét. Vì thế, diện tích mẫu rộng hẹp khác nhau, có nơi bằng 3.970 mét vuông, nơi 4.900, nơi 6.200 mét vuông.

Để tăng thu nhập cho nhà nước, người ta đã định một thước thống nhất là 40 xăngtimét, non hơn tất cả các thứ thước thông dụng, do đó mỗi mẫu chỉ bằng

3.600 mét vuông. Với cách này, thuế điền thổ tăng lên theo tỷ lệ khác nhau tùy từng tỉnh: có nơi tăng một phần mười hai, có nơi một phần ba, nơi không may nhất tăng đến hai phần ba.

Từ năm 1890 đến năm 1896, thuế trực thu tăng gấp đôi; từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên gấp rưỡi. Làng nào bị tăng thuế cũng cắn răng mà chịu; hỏi còn biết kêu vào đâu? Được thế các ngài công sứ càng làm già. Nhiều người Pháp coi việc các làng ngoan ngoãn đóng thuế như vậy là một bằng chứng rõ ràng rằng mức thuế không có gì là quá đáng!

*

* *

Thuế thân tăng từ một hào tư lên hai đồng rưỡi. Những thanh niên chưa vào sổ đinh, nghĩa là còn dưới 18 tuổi, trước kia không phải nộp gì cả thì nay phải nộp ba hào mỗi người, tức là hơn gấp đôi một suất đinh trước kia.

Theo nghị định ngày 11 tháng Chạp năm 1919 của thống sứ Bắc Kỳ, thì tất cả người bản xứ, từ 18 đến 60 tuổi đều phải đóng một suất thuế thân đồng loạt là hai đồng rưỡi.

Mỗi người An Nam lúc nào cũng phải mang theo mình thẻ thuế thân, khi hỏi phải xuất trình; ai quên hoặc đánh mất sẽ bị bắt bỏ tù.

Để bù vào chỗ đồng bạc bị sụt giá, toàn quyền Đume chỉ cần làm một việc đơn giản là tăng số đinh lên!

Mỗi năm người ta phân bổ cho mỗi làng một số nhất

định về đinh và điền thuộc các hạng. Nhưng khi cần tăng thêm nguồn thu thì thế nào? Thì cứ việc chữa lại các con số của tài khóa rồi bắt các làng phải đóng thuế cho số đinh và điền cao hơn con số đã phân bổ đầu năm. Vì thế, tỉnh Nam Kỳ (Bắc Kỳ) tổng diện tích chưa đến 120.000 hécta nhưng thống kê đã ghi đến 122.000 hécta ruộng, và người dân An Nam buộc phải nộp thuế cho những ruộng không có trên thực tế! Có kêu cũng chả ai thèm nghe!

Thuế má không những nặng oằn lưng, mà còn luôn luôn thay đổi.

Một số thuế lưu thông hàng hóa cũng giống như thế. Vả lại, đánh thuế như cách sau đây thì làm sao mà công bằng được: người ta cấp giấy phép lưu thông cho 150 kilôgam thuốc lào, sau đó lại bố trí để đánh thuế được nhiều lần cũng món hàng đó mỗi khi nó chuyển sang tay chủ khác, mỗi khi số 150 kilôgam ấy được phân phối cho ba, bốn khách mua? Chẳng còn luật lệ nào khác ngoài sự tùy tiện của bọn nhà đoan. Bởi vậy, người An Nam rất sợ bọn nhà đoan, cứ thoáng thấy chúng là họ vứt ngay giữa đường những thúng muối, thúng cau, hoặc thuốc lào của họ: thà vứt của đi còn hơn là phải đóng thuế hết khoản này đến khoản khác mãi mãi không thôi. Ở một số vùng nhân dân buộc lòng phải nhổ thuốc, chặt cau, để tránh những phiền nhiễu vì thuế mới.

Ở Luông Phabăng, nhiều phụ nữ nghèo khổ thảm thương phải mang xiềng đi quét đường chỉ vì một tội không nộp nổi thuế.

Tỉnh Bắc Ninh (Bắc Kỳ) bị lũ lụt tàn phá, thế mà cũng phải nộp 500.000 đồng tiền thuế.

*

* *

Các bạn đã nghe ông Môrixơ Lông, toàn quyền Đông Dương, ông Anbe Xarô, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, và báo chí của họ – một thứ báo chí vô tư – khua chiêng gõ trống về thành công của công trái Đông Dương. Nhưng họ lại giữ kín không nói là đã dùng biện pháp gì để đi đến thành công đó. Họ sợ lộ bí quyết nhà nghề. Kể cũng phải. Và bí quyết ấy là như thế này: trước hết, họ đem khoản lợi tức công trái ra để câu những kẻ ngây thơ. Nhưng ngón ấy không ăn thua mấy, họ bèn bắt các xã phải bán công sản đi để mua công trái. Cũng vẫn không đủ, họ liền đòi những người có máu mặt đến, ấn cho mỗi người một biên lai trước, thế là những người này chỉ còn có việc chạy vạy nộp cho đủ khoản tiền đã ghi sẵn trong biên lai. Vì ruột két của chính phủ thì rộng thênh thang, mà số những nhà công thương bản xứ thì không nhiều, cho nên số công trái ấn vào cho họ không đủ để nhét đầy cái ruột két không đáy kia. Thế là cái nhà nước quen gõ cứ gõ mãi vào đám đông đã bị gõ nhiều nhất: người ta bắt hai, ba, bốn người dân nghèo hoặc nhiều hơn nữa, phải mua chung một cổ phiếu!

Dưới đây là một ví dụ về cái ngón mà các quan cai trị của chúng ta thường dùng để móc tiền trong túi người bản xứ.

Ở một tỉnh thuộc miền Tây Nam Kỳ, trước ngày mở công trái mấy tuần, viên tỉnh trưởng họp tất cả các chánh tổng trong tỉnh lại để hiểu dụ về thể thức mua công trái. Sau khi những lời hiểu dụ của ông ta được người thông ngôn dịch xong, viên tỉnh trưởng kết luận:

– Thế đấy. Nhiệm vụ của tôi là giải thích cho các ông hiểu. Bây giờ thì mua đi! Rồi "quan lớn" quay lại hỏi viên chánh tổng đứng bên cạnh:

– Thế tổng ông nhận mua bao nhiêu nào?

Viên chánh tổng thảm hại kia bị hỏi đột ngột, ấp úng trả lời rằng, vì chưa gặp được dân để tìm hiểu khả năng của họ, nên chưa thể nói ngay được con số sẽ mua là bao nhiêu.

Quan lớn liền thét:

– Câm cái mõm lại, anh không xứng đáng là chánh tổng! Tôi cách chức anh!

....

Công trái đã mở. Viên thống đốc Nam Kỳ đi kinh lý, ghé lại tỉnh lì hỏi xem từ một tuần nay số công trái bán được là bao nhiêu.

– Nghe báo cáo là bảy vạn ba nghìn đồng, quan lớn tỏ vẻ không hài lòng, vì tỉnh này có tiếng giàu nhất miền Tây Nam Kỳ; vả lại trong những đợt công trái trước, tỉnh này *đã mua được nhiều hơn thế kia mà*.

Viên thống đốc đi rồi, viên chủ tỉnh quyết định đi một vòng để cổ động trong toàn hạt. Ông ta đến thăm tất cả các nhà giàu bản xứ có súng và ấn cho mỗi người một

số công trái. Để họ hiểu rằng đây không phải là chuyện đùa, quan lớn tịch thu súng của họ và bảo:

– Phải biết, nếu cứ ỳ ra thì đừng có hòng được trả lại súng!

Thế là ai nấy đều phải cúi đầu chịu mua cả.

Nhân đây cũng nên nói, chính ông quan lớn này đã chi 30.000 đồng để lấp một con đường dài 9 kilômét hiện nay nó đang sụt lở xuống dòng kênh bên cạnh. Mong rằng con đường sắt xuyên Đông Dương sẽ tốt số hơn.

*

* *

Người ta xây một ngôi chùa. Nhân công làm chùa toàn là người nhà pha, do một thân hào hướng dẫn. Số chấm công thợ hàng ngày ghi rõ ràng đều đặn và thầu khoán cũng trả tiền sòng phẳng. Thế nhưng tiền thì lại chính quan lớn công sứ bỏ túi.

Quan lớn công sứ vừa được thưởng mề đay. Để mừng ngài, người ta mở một cuộc lạc quyên. Mức đóng góp bắt buộc đối với các quan lại, viên chức, hào lý, tối thiểu phải là 6 đồng. Tất cả thu được 10.000 đồng. Chiếc mề đay ấy quý đấy chứ nhỉ!

Việc cho bao thầu vật liệu để bắc mấy chiếc cầu gỗ và dựng mấy trường làng, đã mang lại cho quân công sứ thanh liêm nhà ta một món quà nhỏ gần 2.000 đồng.

Việc đăng ký trâu bò không mất tiền, nhưng quan lớn công sứ cứ cho phép những kẻ thừa hành thu mỗi

con từ 5 hào đến 5 đồng. Để đáp lại, bọn này cứ đóng cho ngài mỗi tháng 200 đồng.

Việc xếp hạng ruộng đất một cách gian dối còn đem thêm 4.000 đồng cho ông quan vừa mới được gắn mề đay ấy.

Việc nhượng trưng bất hợp pháp mấy hécta đất lại cho chui thêm vào túi ngài 2.000 đồng nữa.

Là nhà khai hóa, là nhà ái quốc, và cũng là môn đồ của chủ nghĩa cực đoan, quan lớn công sứ đã biết lợi dụng rất có kết quả những đợt "công trái Chiến thắng" – xin nhớ rằng cứ mỗi lần chiến thắng là một lần mở công trái, và cứ mỗi năm lại có một lần chiến thắng. Trong lần mở công trái năm 1920, có mấy làng đã mua 55.900 phrăng, theo hối suất một đồng ăn 10 phrăng 25, tức là họ đã bỏ ra 5.466 đồng. Năm 1921, đồng bạc sụt giá chỉ còn 6 phrăng, cụ sứ bèn hào hiệp thu về cho cụ các cổ phiếu đó và bỏ ra 5.466 đồng hoàn lại cho các làng. Về sau, do giá đồng bạc Đông Dương lên, cụ đã vớ gọn 9.325 đồng.

*

* *

Tin sau đây chúng tôi trích ở tờ *Công báo*, nói về buổi họp thứ nhất, ngày 22 tháng 12 năm 1922:

"Trong thời kỳ chiến tranh, nhiều lính Phi gửi ngân phiếu cho gia đình, với những số tiền nhiều khi rất lớn. *Nhưng các ngân phiếu ấy không bao giờ đến tay người nhận cả*".

Một bạn đồng nghiệp lại vừa cho chúng tôi biết một "hiện tượng" tương tự như thế. Lần này, thì sự việc xảy ra ở đảo Rêuyniông. Đã nhiều tháng nay, nhân dân trên đảo không hề nhận được một bưu kiện nào gửi đến cho họ cả. Tờ báo viết:

"Hiện tượng ấy làm cho cả người gửi hàng lẫn người không nhận được hàng đều phải lấy làm lạ.

Nhiều người khiếu nại. Cuộc điều tra mới mở đã rọi ngay được ánh sáng vào điều bí mật nói trên, và phát hiện ra một loạt vụ đánh cắp được tiến hành một cách chu đáo và kiên trì lạ thường.

Người ta bắt một nhân viên, rồi một nhân viên nữa, rồi đến lượt ông "xếp", và cuối cùng, khi tất cả nhân viên đã bị còng tay thì đến phiên ông giám đốc ngành bưu điện cũng theo họ vào tù nốt.

Mỗi ngày cuộc điều tra lại đưa ra ánh sáng vài sự việc mới. Số bưu kiện bị đánh cắp trị giá trên 125.000 phrăng. Giấy tờ kế toán đều làm gian cả. Sổ sách gian lận rối beng đến nỗi phải mất hơn 6 tháng mới gỡ ra được.

Ở trong một ngành nào đó đôi khi có thể có một vài viên chức gian tham, song rất ít khi lại có cả một ngành suốt từ trên xuống dưới nhiễm phải bệnh ăn cắp đến như vậy; điều lạ kỳ hơn nữa là *tại sao tất cả bọn ăn cắp ấy lại có thể hoành hành được trong mấy năm ròng mà vẫn được bình yên vô sự*".

*

* *

Trong dịp nghị viện thảo luận dự luật về kinh phí hàng không quân sự, trong đó có khoản kinh phí mà các thuộc địa, nghĩa là người bản xứ, buộc phải nhả tiền ra đóng (Đông Dương 375.000 phrăng, Tây Phi 100.000 phrăng), ông Môrinô, nghị viên Angiêri, có nói:

"Thưa các bạn thân mến, trong dịp này, các bạn hãy cho phép tôi tiếp theo những lời ca tụng những người Pháp dũng cảm đã lập được một chiến công đẹp đẽ như thế, chiến công mà tờ *Thời báo*[1] đánh giá là kỳ diệu, được nói lên tấm lòng cảm phục của tất cả chúng ta đối với họ; sự cảm phục đó *ông Xitorôen, nhà công nghiệp "chí công vô tư"* cũng xứng đáng được dự phần, vì ông đã không ngần ngại giúp đỡ phương tiện tài chính và kỹ thuật cho họ. *(Vỗ tay).*

Việc gì đã xảy ra sau sự kiện vĩ đại ấy? *Ấy là việc các đồn đóng ở miền Nam Angiêri lập tức đặt mua thứ phương tiện vận tải vô song ấy cho sa mạc Xahara mà người ta gọi là ôtô dây xích.*

Đồn Túcguốc và đồn Uácgơla vừa đặt mua hai chiếc – tin này gần đây quan toàn quyền Angiêri vừa cho tôi biết.

Tất cả các đồn bót khác của ta tất nhiên rồi cũng sẽ mau chóng được trang bị bằng những thứ đó.

Trong một thời gian ngắn, chúng ta cần phải thiết lập thêm bốn, năm đồn mới nữa, để cho có một tuyến đồn bốt nối tiếp nhau, cứ khoảng 200 kilômét có một đồn.

Đồn mới sẽ được thiết lập, rồi sẽ đặt mua ôtô dây

1 Times.

xích. Thế là tất cả các đồn bốt ở Xahara sẽ liên lạc được với nhau không khó khăn gì. Việc chuyển vận quân nhu, lương thực từ đồn này sang đồn khác sẽ hết sức dễ dàng. Thư từ sẽ nhận được đều đặn (*Vỗ tay*)".

(Trích *Công báo* ngày 22 tháng 1 năm 1923)

*

* *

Người dân đi tạp dịch không phải chỉ có dọn dẹp, sửa sang những lối đi quanh tòa sứ để cho vui bước chân nhàn hạ của một vài người Âu đâu, mà họ còn phải luôn luôn làm những việc nặng nhọc hơn nhiều tùy theo ý thích của các quan công sứ.

Mới được tin ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa sang thăm Đông Dương, thế là người ta bắt ngay một vạn dân đi làm cho xong con đường V.L.[1], để kịp cho ngài Bộ trưởng làm lễ khánh thành.

Mùa hè năm 18..., một thời gian ngắn trước khi nạn đói tàn phá miền Trung Trung Kỳ, người ta đã bắt một vạn dân, có lý trưởng từng làng áp giải, đi đào sông. Đến nơi, một số lớn trong đoàn nhân công khổng lồ ấy không có việc làm. Thế nhưng người ta vẫn giữ họ lại hàng tháng rỗi ấy. Phải chú ý một điều là chưa bao giờ người ta huy động một lực lượng đông đến như thế, khi cần ngăn ngừa một tai họa chung cho nhân dân. Cuối năm 18..., nếu người ta tổ chức từ Đà Nẵng trở đi một đường dây vận chuyển để tiếp tế cho các địa phương

1 Có lẽ là con đường từ Vinh sang Lào.

bị đói thì đại đa số những người chết đói ở miền Trung đã khỏi bị chết oan; một vạn dân bị bắt đi đào sông nói trên, rất có thể đủ sức phân phối trong vòng một tháng 2.000 tấn gạo cho các nơi bị đói trong các tỉnh của họ.

Công việc làm các con đường đi Đà Nẵng, đi Trấn Ninh và đi Lào còn để lại cho mọi người biết bao kỷ niệm đau đớn. Dân phu phải đi bộ hàng trăm kilômét mới đến công trường. Đến nơi, họ phải chui rúc trong những túp lều tranh thảm hại. Không có mảy may vệ sinh; không có tổ chức y tế. Trên đường không trạm nghỉ chân, không nhà tạm trú. Họ chỉ được một suất cơm ăn không đủ no với một chút cá khô và phải uống nước bẩn, thứ nước khe núi mà họ rất sợ. Bệnh hoạn, cực nhọc, hành hạ tàn tệ đã gây nên chết chóc khủng khiếp.

Nếu không bắt dân đi tạp dịch thì người ta trưng tập họ đi phu, giữa hai cách đó chỉ có một điểm khác nhau là đi tạp dịch thì có thời hạn, còn đi phu thì không. Cả hai cách đều dùng để giải quyết mọi nhu cầu: nhà đoan muốn chở muối chăng? Thì trưng dụng thuyền; muốn làm kho chăng? Thì trưng tập thợ và trưng dụng luôn cả vật liệu xây dựng.

Trưng tập đi phu thì quả là một sự phát lưu trá hình vụng về. Người ta xua cả từng làng đến công trường, bất chấp công việc đồng áng, bất chấp cả những ngày hội tôn giáo. Số người được trở về rất ít. Vả lại, người ta có làm gì để giúp cho người dân phu trở về quê quán đâu!

Trên đường đi lên cao nguyên Lang Biên, đi lên rừng xanh núi đỏ, nơi mà thần chết đang đợi chờ, từng đoàn

người dân đi tạp dịch hoặc đi phu trưng tập, lương thực thiếu thốn, có ngày không có lấy một hột cơm vào bụng, họ đã bỏ trốn từng đoàn, hoặc nổi dậy chống lại, và mỗi khi như thế là bị bọn lính áp giải đàn áp ghê rợn, xác họ rải khắp dọc đường.

Nhà cầm quyền Quảng Châu Loan[1] được lệnh bắt phu. Thế là người ta bắt giữ tất cả những người bản xứ đang làm việc ở bến cảng, trói gô lại ném xuống tàu.

Nhân dân Lào, những thổ dân khốn khổ, sống trong cảnh luôn luôn nơm nớp sợ đi phu. Mỗi khi bọn sĩ quan phụ trách bắt phu đến làng, bản là chỉ thấy nhà hoang cửa trống, vì dân đã trốn biệt.

Ở tỉnh Thủ Dầu Một, một viên quan cai trị cần một chiếc xe lu. Làm thế nào? Hắn thương lượng với một công ty đấu thầu đang cần nhân công rẻ tiền. Công ty bỏ tiền ra mua xe lu với giá 13.500 phrăng. Còn quan thì bắt dân đi tạp dịch cho công ty với giá ngày công 0,50 phrăng. Ba năm liền, dân Thủ Dầu Một phải *đặt* dưới quyền sử dụng của công ty kia, làm xâu để trả tiền chiếc xe lu mà quan lớn cai trị thích mua để dùng trong vườn của ngài.

Ở một tỉnh khác, người dân đi tạp dịch làm hết ngày, còn phải gánh đá không công trên đường dài một kilômét để xây tường quanh dinh của viên quan cai trị của tỉnh.

Như thế là bất cứ lúc nào, người dân An Nam cũng

1 Quảng Châu Loan: Một phần lãnh thổ Trung Quốc ở phía Đông Nam thành phố Quảng Châu, bấy giờ là thuộc địa của Pháp.

có thể bị bắt đi, bị ép làm những công việc cực nhọc, mà cơm ăn không no, tiền công rẻ mạt; bị trưng tập không thời hạn, rồi bị vứt bỏ xa quê hương hàng trăm kilômét.

*

* *

Nói chung, người An Nam đều phải è ra mà chịu công ơn bảo hộ của nước Pháp. Riêng người nông dân An Nam lại càng phải è ra mà chịu sự bảo hộ ấy một cách nhục nhã hơn: là người An Nam, họ bị áp bức, là người nông dân, họ bị tước đoạt. Chính họ là những người lao khổ, làm để nuôi lũ người ăn bám, bọn đi khai hóa và những bọn khác. Chính họ phải sống cùng khổ, trong khi bọn đao phủ của họ lại sống phè phỡn; hễ mất mùa là họ chết đói. Họ bị cướp giật từ mọi phía, bằng mọi cách, bởi nhà nước, bởi bọn phong kiến tân thời, bởi giáo hội thiên chúa. Xưa kia, dưới chế độ phong kiến An Nam, ruộng đất xếp thành đẳng hạng theo tốt xấu. Thuế đánh theo sự phân hạng ấy. Dưới chế độ thuộc địa hiện nay, những điều đó đã thay đổi. Khi cần tiền, nhà nước bảo hộ Pháp chỉ có việc thay đổi hạng ruộng. Chỉ một nét bút thần kỳ là họ biến một đám ruộng xấu thành ruộng tốt.

Như thế vẫn chưa hết. Người ta còn tăng diện tích ruộng đất lên một cách giả tạo bằng thủ đoạn rút bớt đơn vị đo đạc. Bằng cách đó, thuế lập tức tăng lên, nơi thì một phần ba, nơi thì hai phần ba. Thế mà vẫn chưa đủ thỏa lòng tham không đáy của nhà nước bảo hộ và hàng năm thuế cứ tăng lên mãi. Từ năm 1896

đến năm 1898 lại tăng lên gấp rưỡi và cứ như thế mà tiếp tục. Người An Nam cứ chịu để cho người ta róc thịt mãi, thì các quan lớn bảo hộ nhà ta quen ăn bén mùi lại càng tiếp tục bóc lột thêm.

Năm 1895, viên công sứ một tỉnh ở Bắc Kỳ đã tước mất một làng nọ nhiều hécta ruộng đất để cấp cho một làng khác theo đạo Thiên chúa. Những người mất ruộng khiếu nại. Người ta bắt họ bỏ tù. Các bạn đừng tưởng chế độ cai trị vô liêm sỉ ấy chỉ dừng lại ở đó thôi. Người ta còn bắt những kẻ xấu số bị mất ruộng phải tiếp tục nộp cho đến năm 1910, tiền thuê của những ruộng đất đã bị tước đoạt từ năm 1895!

Thêm vào nạn ăn cướp của chính quyền, là nạn ăn cướp của bọn chủ đồn điền. Người ta cấp cho những người Âu chỉ có cái bụng phệ và màu da trắng những đồn điền có khi rộng trên 20.000 hécta.

Phần lớn những đồn điền này đều được lập ra bằng lối cướp giật được hợp pháp hóa. Trong thời kỳ chiến tranh xâm lược, dân cày An Nam – cũng như người Andátxơ[1] năm 1870, – đã bỏ ruộng đất của mình lánh sang những vùng còn tự do. Khi trở về thì ruộng vườn của họ đã "thành đồn điền" mất rồi. Hàng bao nhiêu làng đã bị tước đoạt theo kiểu đó, và người bản xứ lâm vào cảnh phải lao động cho bọn chúa đất tân thời, bọn này chiếm đoạt có khi đến 90% thu hoạch.

Lấy cớ khuyến khích khai thác thuộc địa, người ta miễn thuế điền thổ cho số lớn chủ đồn điền kếch xù.

1 Andátxơ (Alsace): Một tỉnh của nước Pháp giáp với nước Đức. Sau chiến tranh Pháp – Phổ (1870-1871), Pháp buộc phải nhượng vùng này cho Đức.

Sau khi đã được cấp không ruộng đất, bọn chủ đồn điền còn được cấp không hoặc gần như không, cả nhân công nữa. Nhà nước cung cấp cho chúng một số tù khổ sai làm không công, hoặc dùng uy quyền để mộ nhân công cho chúng với một đồng lương chết đói. Nếu dân phu đến không đủ số hoặc tỏ ra bất mãn, thì người ta dùng vũ lực; bọn chủ đồn điền tóm cổ hào lý, đánh đập, tra tấn họ cho đến khi họ chịu ký giao kèo hẹn nộp đủ số nhân công mà chúng đòi hỏi.

Bên cạnh uy lực phần đời ấy, còn có những đấng cứu thế phần hồn nữa. Các đấng này, trong khi thuyết giáo "đức nghèo" cho người An Nam, cũng không quên làm giàu trên mồ hôi và máu của họ. Chỉ riêng ở Nam Kỳ, hội thánh truyền đạo cũng đã độc chiếm đến 1/5 ruộng đất trong vùng. Kinh thánh tuy không dạy, song thủ đoạn chiếm đất rất giản đơn: cho vay nặng lãi và hối lộ. Nhà chung lợi dụng lúc mất mùa để cho nông dân vay và buộc phải có ruộng đất để làm bảo đảm. Vì lãi suất tính cắt cổ, nên người An Nam không thể trả nợ đúng hạn; thế là ruộng đất cầm cố vĩnh viễn rơi vào tay nhà chung (hội thánh).

Các viên toàn quyền lớn, toàn quyền bé được nước mẹ ký thác vận mệnh xứ Đông Dương, nói chung đều là bọn ngu xuẩn, bọn đểu cáng. Nhà chung chỉ cần nắm được một vài giấy tờ bí mật, thuộc đời tư, có tính chất nguy hại đối với thanh danh, địa vị của chúng, là có thể làm cho chúng hoảng sợ và phải thỏa mãn mọi yêu cầu của nhà chung. Chính vì thế mà một viên toàn quyền đã nhường cho nhà chung 7.000 hécta đất bãi bồi của người bản xứ, khiến họ phải đi ăn xin.

Phác qua như thế, cũng đủ thấy dưới chiêu bài dân chủ, đế quốc Pháp đã cắm vào đất An Nam chế độ đáng nguyền rủa của thời trung cổ; người nông dân An Nam bị hành hình vừa bằng lưỡi lê của nền văn minh tư bản chủ nghĩa, vừa bằng cây thánh giá của giáo hội sa đọa làm ô danh chúa.

*

* *

Angiêri đau khổ vì nạn đói. Tuynidi cũng bị tàn phá vì nạn đói. Để giải quyết tình trạng ấy, chính phủ bắt giam một số đông người đói. Để cho bọn "người đói" đừng coi nhà tù là nơi cứu tế, người ta không cho họ ăn gì hết. Cho nên nhiều người đã chết đói trong lúc bị giam cầm. Trong những hang động En Ghiria, nhiều người đói lả phải gặm xác một con lừa chết thối lâu ngày.

Ở Bêgia, người Cammê[1] giành giật xác thú vật với quạ. Ở Xúc – En Ácba, ở Ghiđa, ở Uét Mơlidơ, mỗi ngày hàng chục người chết đói.

Đi đôi với nạn đói, nạn dịch tễ phát sinh ở nhiều nơi và có nguy cơ lan rộng.

*

* *

Để che đậy sự xấu xa của chế độc bóc lột đầy tội ác, chủ nghĩa tư bản thực dân luôn luôn trang điểm cho cái huy chương mục nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng: Bác ái, Bình đẳng, v.v...

---

1 Khammès: Danh từ người Bắc Phi thường dùng để gọi những người lính canh ruộng chỉ được hưởng 1 phần 5 hoa lợi trong các vụ thu hoạch (tiếng Arập là *Khams*, có nghĩa là một phần năm).

Cùng làm một việc trong cùng một xưởng, người thợ da trắng được trả lương cao hơn nhiều so với bạn đồng nghiệp khác màu da.

Trong các công sở, những người bản xứ dù đã làm việc lâu năm và dù rất thành thạo công việc, cũng chỉ được lĩnh một khoản tiền lương chết đói; trái lại một người da trắng mới được đưa vào, làm việc ít hơn, thì lại lĩnh lương cao hơn.

Có những thanh niên bản xứ đã học các trường đại học của chính quốc, đỗ bác sĩ y khoa hay tiến sĩ luật khoa, thế mà vẫn không được làm nghề nghiệp của mình trong nước mình, nếu không vào quốc tịch Pháp. Mà ai cũng đã biết, một người bản xứ muốn được nhập quốc tịch Pháp như vậy thì phải vượt qua bao nhiêu khó khăn và tốn bao nhiêu công chạy vạy nhục nhã.

Còn những người bản xứ bắt buộc phải lìa bỏ ruộng nương, gia đình đi "lính tình nguyện" thì đều sớm được nếm hương vị tuyệt vời của món "bình đẳng".

Cùng một cấp bậc, nhưng người da trắng hầu như bao giờ cũng được coi là cấp trên của người bản xứ. Cái chế độ đẳng cấp có tính chất "nhân chủng – quân sự" ấy lại càng rõ rệt hơn khi những quân nhân da trắng và quân nhân khác màu da cùng đi trên một chuyến xe lửa hoặc tàu thủy.

*

* *

Một người bản xứ làm thế nào để có thể nhập quốc tịch Pháp?

Đạo luật ngày 25 tháng 3 năm 1915 về việc dân thuộc địa Pháp nhập quốc tịch Pháp quy định:

Điều I. – Những người, dân thuộc địa Pháp hoặc dân được Pháp bảo hộ, trên 21 tuổi, không phải là quê hương ở Angiêri, Tuynidi hoặc Marốc, đã cư trú ở Pháp, Angiêri hoặc trên đất bảo hộ của Pháp và có được một trong những điều kiện sau đây thì có thể được thừa nhận cho hưởng quyền lợi công dân Pháp:

1. Đã được thưởng Bắc đẩu bội tinh hoặc đã tốt nghiệp một trong những trường đại học hay là chuyên nghiệp mà danh sách sẽ do sắc lệnh ấn định.
2. Đã có công lớn trong việc khai thác thuộc địa hoặc phục vụ quyền lợi của nước Pháp.
3. Đã phục vụ trong quân đội Pháp và được giữ chức sĩ quan hay hạ sĩ quan, hoặc được thưởng huân chương quân công.
4. Đã lấy vợ Pháp và có chỗ ở tương đối ổn định trên đất Pháp được một năm.
5. Đã cư trú hơn mười năm tại các xứ kể trên, và biết tiếng Pháp đến một trình độ khá.

Tuy đạo luật còn có thiếu sót, song cứ trung thực thi hành thì cũng còn khá; nhưng không, các ngài viên chức có kể gì luật pháp và, như những tên ngu xuẩn tò mò ưa xoi mói, chúng buộc những người xin nhập quốc tịch Pháp phải trả lời trên giấy các câu hỏi sau đây:

A – Vợ con có nói tiếng Pháp không?

B – Họ có mặc Âu phục không?

C – Nhà có đồ đạc như giường, nệm, bàn, tủ, v.v... không?

D – Và ghế dựa nữa?

E – Ăn trên bàn hay trên chiếu?

F – Ăn gì?

G – Ăn cơm hay bánh mì?

H – Anh có tài sản không?

I – Vợ có tài sản không?

J – Thu hoạch đồng niên của anh bao nhiêu?

K – Anh theo tôn giáo gì?

L – Anh vào những hội nào?

M – Trong các hội ấy anh giữ chức vụ gì?

N – Chế độ bản xứ tốt và nhân từ, thế vì cớ gì anh lại xin nhập quốc tịch Pháp? Có phải để làm viên chức không? Hay để có địa vị cao? Hay để đi tìm mỏ vàng, mỏ ngọc?

O – Bạn bè thân thiết nhất là những ai?

Chỉ còn thiếu điều mà các ngài ấy chưa hỏi: Vợ anh có cắm s... lên đầu anh không!



CHƯƠNG VIII

CÔNG LÝ

Có phải vì quá thừa tình nhân đạo, như ông Xarô đã nhiều lần tuyên bố, mà người ta bắt các phạm nhân ở nhà lao Nha Trang (Trung Kỳ) phải ăn khan, nghĩa là ăn cơm mà không được uống nước, không? Có phải người ta đã quệt tanhtuya điốt[1] lên mũi phạm nhân để dễ nhận ra họ khi họ vượt ngục không?

*

* *

Báo *Người độc lập*[2] ở Mađagaxca[3] số ra ngày 13 tháng 7 năm 1921 có đăng một bài tường thuật về cách phòng bệnh "dịch hạch", chúng tôi xin trích đoạn sau đây:

"Vô số nhà bị đốt, trong đó có cái nhà khá đẹp của

1 Teinture d'iode.

2 L'Indépendant.

3 Hiện nay gọi là Cộng hòa Mangát hoặc Malagaxy.

Racôtômanga ở phố Galiêni, cùng bị đốt hôm thứ hai vừa qua. Nhưng nhà của ông Đêrô thì lại thoát khỏi số phận chung ấy, tính ra cái nhà ấy, với tất cả đồ đạc, đắt tiền quá (50.000 phrăng), vì thế nhà chức trách quyết định không đốt mà chỉ tẩy uế và cấm ở một thời gian khá dài, có lẽ là sáu tháng".

Chúng tôi xin nói thêm rằng ông Đêrô là công dân Pháp, còn Racôtômanga chỉ là dân lệ thuộc vì là người bản xứ. Nhân đây xin nhắc để bạn đọc nhớ lại rằng, đạo luật năm 1841 được biểu quyết là để áp dụng cho tất cả công dân Pháp.

*

* *

Cũng ở Mađagaxca, sáu người bản xứ bị bắt trong đồn điền của một thực dân người Pháp về tội trốn thuế. Trước tòa, các bị can khai rằng ông chủ đồn điền Đơla Rôsơ đã cam kết với họ; 1. sẽ đóng thuế cho họ; 2. sẽ xin miễn sai dịch cho họ; 3. trả tiền công cho họ cứ ba mươi ngày công là 10 quan. Cần chú ý là nhà thực dân kia chỉ thuê họ mỗi tuần làm có một ngày thôi. Muốn đủ sống, họ phải đi làm thuê cho người Mangát ở gần đồn điền. Mặt khác, ông Đơla Rôsơ chẳng những không đóng thuế cho họ như đã hứa, mà hình như còn lờ luôn số tiền họ đã gửi ông để đóng thuế nữa.

Quý hóa là sao, lần này chính phủ đã mở một cuộc điều tra. Nhưng rồi các bạn xem...

Khi được biết vụ này, nghiệp đoàn nông nghiệp Mahanôrô, mà chắc hẳn ông Đơla Rôsơ là đoàn viên,

liền điện cho quan toàn quyền phản kháng việc cảnh binh đã đến xét hỏi không đúng lúc tại đồn điền ông Đơla Rôsơ và yêu cầu trừng trị viên trưởng đồn về tội cả gan phát hiện sự nhũng lạm của một người Pháp đối với người bản xứ.

Vì không muốn "mua việc" vào mình, quan toàn quyền đã cho xếp ngay vụ rắc rối ấy lại.

*

* *

Tòa án binh Linnơ vừa kết án 20 năm khổ sai tên Phôn Seven, sĩ quan Đức, về tội dùng roi da đánh đập những người bản xứ ở Rôngcơ[1] trong thời gian quân Đức chiếm đóng.

Thế thì tại sao ở Đông Dương, ông người Pháp nọ bắn vỡ sọ một người Trung Kỳ bằng súng lục; ông viên chức Pháp kia nhốt một người Bắc Kỳ vào cũi chó sau khi đánh đập tàn nhẫn anh ta; ông thầu khoán Pháp này trói tay một người Nam Kỳ cho chó cắn, rồi đem giết đi; ông thợ máy Pháp kia "hạ sát" một người An Nam bằng súng săn; ông nhân viên hàng hải Pháp khác xô người gác cầu bản xứ vào đống than hồng cho chết, v.v... và v.v... lại không bị trừng trị?

Tại sao mấy ông thanh niên Pháp ở Angiê đấm đá một em bé người bản xứ 13 tuổi, rồi xóc em lên đầu

1 Roncq: Tên một làng ở miền Bắc nước Pháp.

một trong những ngọn giáo ở giữa hàng giáo cắm quanh "cây chiến thắng", chỉ bị phạt có 8 ngày tù án treo?

Và tại sao tên hạ sĩ quan đã đánh anh Nahông cũng như tên sĩ quan đã giết chết anh, không bị trừng phạt gì cả?

Phải rồi, An Nam và Angiêri đều là những xứ bị chiếm – cũng như Rôngcơ đã có lúc bị chiếm –, nhưng vì những người Pháp ở các thuộc địa ấy không phải là lũ "bốtsơ", cho nên cũng cùng một hành động, nếu là của lũ "bốtsơ" thì là tội ác, nhưng nếu là của người Pháp thì lại là văn minh! Mà Annamít và Angiêri đâu phải là người! Đó là bọn "nhà quê" hèn hạ, bầy "bicốt"(1) bẩn thỉu. Cần quái gì phải có công lý đối với những giống ấy.

Cái ông Vinhê Đốctông châm biếm kia quả là không lầm khi ông viết: "Pháp luật, công lý đối với người bản xứ ư? Thôi đi! Chỉ có batoong, súng ngắn, súng dài, đấy mới là thứ xứng đáng với lũ dòi bọ ấy!".

*

* *

Trong cái kho đầy ắp những hình phạt để giáng vào đầu người bản xứ, có những khoản phạt tiền từ 200 đến 3.000 đồng.

Không phải ông Đume không biết rằng người An Nam không bao giờ đóng nổi những khoản tiền to đến thế. Nhưng ông ta cứ muốn xoay tiền bất cứ bằng giá

1 Bicot: Nghĩa đen là con dê con, nghĩa bóng dùng để gọi một cách khinh bỉ những người Arập nói chung.

nào; nên con người khôn ngoan ấy đã dự kiến rằng *có thể bắt làng xã phải chịu trách nhiệm.* (Điều 4).

Bạn sẽ bảo, muốn kết án cả một làng thì phải xác định làng ấy là đồng lõa chứ.

Không, với điều 4, việc ấy không cần thiết. Làng nào không biết ngăn ngừa một tội phạm, thì phải chịu trách nhiệm về tội phạm ấy.

Cái điều 4 này quả là một mánh khóe ác nghiệt, bởi vì chỉ cần những tay chân của bọn chủ bao thầu thuế – những tay chân đó được thuê tiền để phát giác càng nhiều vụ vi phạm càng hay – khai rằng làng sở tại chẳng hề làm gì để ngăn chặn vụ vi phạm, là đủ.

Tiết 3 qui định cách thức kiểm chứng những vụ vi phạm mà bọn tay sai của chủ bao thầu thuế có quyền làm.

Ở đây có một trở ngại. Thường thường bọn tay chân ấy đều dốt nát, làm biên bản không hợp thức. Người ta khắc phục trở ngại ấy bằng cách ủy cho viên chức nhà đoan ở tỉnh lì hoặc phủ lì, huyện lì làm biên bản theo báo cáo của bọn tay chân của chủ bao thầu.

*

* *

Đông Dương là cô gái cưng, rất xứng đáng với nước mẹ Pháp. Mẹ có gì, con có nấy: Đông Dương có chính phủ của nó, những bảo đảm của nó, công lý của nó và

cũng có âm mưu phiến loạn nho nhỏ của nó nữa. Dưới đây chúng tôi chỉ nhắc lại hai vấn đề sau thôi.

Công lý được tượng trưng bằng một bà đầm, một tay cầm cân, một tay cầm kiếm. Vì đường từ Pháp đến Đông Dương xa quá, xa đến nỗi sang được tới đó thì cán cân đã mất thăng bằng, đĩa cân đã chảy lỏng ra và biến thành những tẩu thuốc phiện hoặc những chai rượu ty, nên bà đầm công lý tội nghiệp chỉ còn lại độc cái kiếm để chém giết. Bà chém giết đến cả người vô tội, và nhất là người vô tội.

Còn âm mưu phiến loạn thì lại là một chuyện khác.

Chúng tôi sẽ không nhắc lại những vụ phiến loạn nổi tiếng năm 1908 hoặc năm 1916[1], những vụ mà nhờ đó rất nhiều người dân được nước Pháp bảo hộ đã có thể nếm mùi công ơn khai hóa trên máy chém, trong nhà tù hoặc ở nơi đày ải. Những vụ phiến loạn ấy đã cũ rồi, chỉ còn để lại dấu vết trong trí nhớ của người bản xứ nữa thôi.

Chúng tôi chỉ nói đến vụ vừa xảy ra gần đây nhất. Vì ở chính quốc có vụ phiến loạn bônsêvích chấn động dư luận, nên các ngài thực dân ở Đông Dương – y như con

---

1 Những vụ phiến loạn nổi tiếng năm 1908 và năm 1916:

– Phong trào chống thuế ở các tỉnh Trung Kỳ, 1908.
– Vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội, tháng 6 năm 1908.
– Cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân, năm 1916.
– Các cuộc bạo động: biểu tình chống bắt lính ở Trà Vinh 20-1-1916, ở Biên Hòa 21-1-1916, phá khám lớn Sài Gòn 15-2-1916...

nhái trong truyện ngụ ngôn[1] – cũng muốn có một vụ phiến loạn, bèn cố phình bụng lên và cuối cùng cũng đẻ ra được một vụ.

Chúng đã làm như thế này:

Một quan lớn Tây (quan công sứ Đại Pháp kia đấy ạ!), một quan huyện và một ông lý trưởng đã đảm nhiệm việc chế tạo ra vụ đó.

Bộ ba quan lại này phao tin là có một bọn phiến loạn chôn giấu hai trăm rưởi quả bom âm mưu làm nổ tung cả xứ Bắc Kỳ.

Nhưng ngày 16 tháng 2, tòa đại hình Hà Nội công nhận rằng chẳng những không có bằng chứng nào để kết luận có một tổ chức cách mạng có vũ khí phá hoại, mà cả cái vụ mưu phản kia chẳng qua cũng chỉ là một thủ đoạn khiêu khích do một số nhân viên chính phủ muốn được thăng thưởng tạo ra mà thôi.

Chắc các bạn tưởng rằng sau khi tòa đã phán quyết như thế rồi thì những người An Nam bị giam giữ sẽ được thả ra. Không đâu! Bằng bất cứ giá nào, nhất thiết phải giữ uy tín cho kẻ đi chinh phục! Muốn thế, lẽ ra chỉ gắn huân chương cho bọn đã khéo phịa ra vụ án là đủ rồi; đằng này người ta lại còn phạt tù 12 người An Nam từ 2 đến 5 năm, mà phần lớn là nhà nho. Và trên cửa nhà lao giam giữ họ, nổi lên mấy chữ: Tự do, Bình đẳng, Bác ái – dĩ nhiên là bằng tiếng Pháp hẳn hoi.

1 Truyện ngụ ngôn của La Phôngten (La Fontaine), một nhà thơ Pháp thế kỷ 17, kể rằng: có một con nhái thấy một con bò to hơn mình, liền cố phình bụng ra cho rằng con bò, cuối cùng vỡ bụng chết.

Thế rồi những tờ báo gọi là thân người bản xứ vội vã ca tụng tính công bằng, không thiên vị của cái trò hề công lý ấy!

Nhưng hãy đọc tờ *Tin nhanh thuộc địa*[1], tờ báo giữ giải vô địch về chủ nghĩa bài An Nam:

"Tòa án Pháp vừa tuyên án xong. Một nửa can phạm được tha bổng, còn một nửa được kết *án nhẹ*. Những ngời bị án là những nhà nho can tội làm thơ cảm hứng lăng nhăng để *ca tụng ân huệ của tự do*".

Các bạn thấy không, đối với người An Nam, ca tụng tự do là một tội nặng, chỉ vì thế thôi, người ta cũng phết cho họ 5 năm tù!

Tờ báo viết tiếp: "Chúng ta phải nhiệt liệt hoan nghênh bản phán quyết *hết sức công bằng* ấy của các quan tòa và các vị bồi thẩm của chúng ta, v.v...".

Và cũng lại tờ *Tin nhanh thuộc địa* ấy đã *vui mừng* ghi nhận bản phán quyết rất mực vô tư của tòa án Pháp về vụ mưu loạn nổi tiếng ở Vĩnh Yên. Tờ báo ấy viết: "*Những người An Nam ở Pari,* cũng như đồng bào của họ ở bên quê nhà xa xôi, đều tỏ lòng tin tưởng ở các quan tòa của chúng ta và tuyên bố rằng tòa án đã xử đúng, vụ án kết thúc như thế làm cho họ *hoàn toàn thỏa mãn*". Không đâu! Ông Puvuốcvin ạ, ông bịp đười vừa chứ!

1 La Dépêche coloniale.

*

* *

Tờ nhật báo *Pháp – Đông Dương*[1] có đăng việc sau đây:

“Cách đây mấy hôm, hãng Xôvagiơ báo với sở mật thám là xưởng họ bị mất trộm một số sắt khá nhiều, độ một tấn. Nhận được đơn khiếu nại, sở mật thám lập tức mở cuộc điều tra để tìm cho ra bọn trộm và chúng tôi vui mừng được tin rằng một viên thanh tra mật thám người Âu cùng với mấy nhân viên người An Nam giúp sức đã tóm được bọn trộm và cả tên đồng lõa của chúng nữa.

Ông S..., quản lý hãng Xôvagiơ cùng với những tên Trần Văn Lộc, thợ máy học việc và Trần Văn Xa đã bị bắt và đưa ra tòa về tội ăn trộm và đồng lõa...”.

Các bạn có để ý thấy bạn đồng nghiệp của chúng tôi hết sức tế nhị không nào? Khi nói về ông ăn trộm người Pháp, quản lý hãng Xôvagiơ, thì người ta không nói tên, mà thay vào bằng mấy dấu chấm. Chả là dù sao thì trước hết cũng phải bảo vệ uy tín của chủng tộc thượng đẳng. Nhưng khi nói đến bọn kẻ trộm thông thường người An Nam thì lại kê cả tên lẫn họ, và không gọi là ông mà gọi là những “tên”.

*

* *

1 Le Journal France – Indochine.

Ngày 10 tháng 10 năm 1922, chính phủ vừa ra sắc lệnh quyết định một cuộc thuyên chuyển quan trọng trong ngạch quan tòa thuộc địa. Trên danh sách, đáng chú ý có tên hai ông Luyca và Oaborăng.

Cần nhắc lại sơ lược lai lịch của hai vị quan tòa này.

Ông Luyca lúc làm phó chưởng lý ở Tây Phi thuộc Pháp, đã từng dính dáng vào các vụ làm xôn xao dư luận xứ Tôgô. Trong một bản thông báo cho báo chí, ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa đã bắt buộc phải thừa nhận rằng, "cuộc điều tra cũng đã phát giác ra là sự tham gia của ông Luyca vào các vụ phạm pháp có thể làm cho ông ta phải gánh PHẦN TRÁCH NHIỆM NẶNG NỀ NHẤT".

Chắc là để thưởng cho phần trách nhiệm nặng nề ấy mà ngày nay người ta cất nhắc ông lên chức chánh án tòa thượng thẩm xứ Phi châu xích đạo thuộc Pháp.

Còn về Oaborăng thì câu chuyện của hắn đơn giản hơn và ít người biết đến. Năm 1920, một người Pháp tên là Đuyếcgơri, nhân viên hãng buôn Pêrítxắc ở Căngcăng (Ghinê), đi săn. Hắn bắn một con chim rơi xuống sông. Lúc ấy có một em bé người bản xứ đi ngang qua. Đuyếcgơri tóm cổ em bé ném xuống sông, bắt phải tìm vớt con chim. Nước sâu, sóng lớn, lại không biết bơi, em chết đuối. Cha mẹ em đi kiện. Đuyếcgơri được lệnh viên quan tư chỉ huy quận đòi đến, và nhận bồi thường cho gia đình đau xót kia một trăm phrăng.

Cha mẹ em bé không nhận cách dàn xếp bỉ ổi như

vậy. Viên quan tư nổi giận, đứng về phía người đồng bào của ông, tức là tên sát nhân, dọa bỏ tù cha mẹ em bé nếu tiếp tục kháng cáo, rồi ông ta "xếp" vụ án lại.

Nhưng, một bức thư nặc danh đã phát giác việc này với ông chưởng lý ở Đaca. Ông chưởng lý liền phái ông biện lý Oabơrăng đi điều tra. Ông Oabơrăng đến Căngcăng, ngủ lại nhà viên xếp ga, rồi ngày hôm sau đến nhà ông Cudanh đờ Lavalie là phó của viên quan tư quận, ở lại cả ngày. Rồi sáng hôm sau, chưa hề bắt tay vào công việc điều tra gì cả, ông đã lên đường trở về. Tuy thế ông Oabơrăng vẫn cứ kết luận rằng lá thư nặc danh kia là vu khống. Hội Liên hiệp thuộc địa[1] đã báo cáo vụ này với Hội Nhân quyền (ngày 22 tháng 12 năm 1921). Nhưng có lẽ Hội Nhân quyền cho sự việc không lấy gì làm giật gân lắm nên chẳng thèm quan tâm đến.

Từ khi đi chơi Căngcăng về, ông Oabơrăng vẫn ngồi yên ở địa vị cũ để thỉnh thoảng nhận gà và những túi khoai tây do ông bạn Cudanh đờ Lavilie gửi đến biếu,

---

1 Hội Liên hiệp thuộc địa: Một tổ chức cách mạng của những người thuộc địa, do Nguyễn Ái Quốc cùng một số người yêu nước của các nước thuộc địa Pháp sáng lập tháng 7-1921 tại nhà số 9 phố Valét, Pari. Cuộc họp đầu tiên của hội vào ngày 9-10-1921. Lúc đầu hội có 200 hội viên và hai tổ chức người thuộc địa xin gia nhập là *Hội những người Việt Nam yêu nước và Hội đấu tranh cho quyền công dân* của người Mađagátxca. Ban Thường vụ của hội gồm 7 người, đứng đầu là Nguyễn Ái Quốc. Cơ quan tuyên truyền của hội là tờ báo Le Paria. Ngoài ra, Hội những người Việt Nam yêu nước còn ra riêng tờ báo *Việt Nam hồn*. Đến năm 1926, hội ngừng hoạt động.

Tuyên ngôn của hội do Nguyễn Ái Quốc thảo ra đã nêu rõ mục đích của hội là tập hợp mọi người dân thuộc địa cư trú trên đất Pháp nhằm tố cáo trước dư luận những tội ác của chủ nghĩa thực dân, tuyên truyền giác ngộ nhân dân các thuộc địa đứng lên tự giải phóng. Hội đoàn kết nhân dân các nước thuộc địa trong mặt trận chung chống chủ nghĩa đế quốc và xây dựng quan hệ đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân các nước thuộc địa với giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp.

Sự ra đời của Hội Liên hiệp thuộc địa với Tuyên ngôn của nó là một sự kiện chính trị rất quan trọng đối với các dân tộc bị áp bức.

và chờ được thăng quan. Các bạn thấy chưa, ông Oaborăng quả thật xứng đáng với... phần thưởng công minh mà chính phủ vừa tặng ông bằng cách bổ nhiệm làm biện lý Đaca (?)

Nền văn minh thượng đẳng mà được giao phó vào tay những bọn Đáclơ, bọn Bôđoăng, bọn Oaborăng và bọn Luyca thì thật là tuyệt, và số phận dân bản xứ cũng tuyệt!

*

* *

Tòa tiểu hình vừa xử phạt Phécnăng Étxơlanh và mụ góa Giero, mỗi người 13 tháng tù; Gioócgiơ Coócđiê 10 tháng, về tội tàng trữ, chuyên chở và bán một kilôgam thuốc phiện.

Tốt lắm! Tính sơ qua cũng thấy một kilôgam thuốc phiện đáng ba mươi sáu tháng tù!

Giá mà mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, như người ta thường nói, thì tuổi thọ của ông Xarô, toàn quyền Đông Dương, phải dài ghê lắm mới đủ để cho ông ngồi hết hạn tù. Vì rằng *mỗi năm* ông sẽ bị phạt ít ra là *một triệu ba mươi lăm vạn* (1.350.000) tháng tù về tội mỗi năm bán cho người An Nam trên *mười lăm vạn* kilôgam thuốc phiện.

*

* *

Bất lực trog việc trừ khử ông Đề Thám[1] trứ danh,

vì mọi âm mưu bắn giết ông, thủ tiêu ông bằng thuốc độc hoặc bằng mìn, đều thất bại, người ta bèn đào mả cha mẹ ông lên, đem hài cốt đổ xuống sông.

Sau những vụ biểu tình ở miền Nam Trung Kỳ, nhiều văn thân bị xử tử hoặc bị đày biệt xứ. Trong số ấy có ông nghè Trần Quý Cáp[1], một nhà nho thanh cao ai cũng kính phục. Ông bị bắt trong lúc đang giữ chức giáo thụ và chỉ hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau, là bị đem chém, không được xét hỏi gì cả. Chính phủ cũng không chịu giao trả thi hài ông cho gia đình ông.

Ở Hải Dương, một vụ nổi dậy chưa làm chết một ai, thế mà người ta đã làm rụng hết sáu mươi tư cái đầu, không cần xét xử gì cả.

Khi hành hình những người lính khố đỏ ở Hà Nội[2], chính phủ đã cho áp giải cha mẹ, vợ con họ đến pháp trường để bắt họ phải mục kích cảnh tàn sát long trọng những người thân yêu của mình. Để gây một ấn tượng khủng khiếp lâu dài, và để "dạy cho dân chúng một bài học", người ta làm lại cái việc đã làm ở nước Anh hồi thế

1 Trần Quý Cáp: quê ở Quảng Nam, đỗ tiến sĩ, ham thích tìm hiểu những tư tưởng tiến bộ của Tây Âu. Ông thường đi vào quần chúng diễn thuyết, vận động cải cách xã hội, tuyên truyền tinh thần yêu nước trong nhân dân. Năm 1908, bọn giặc Pháp đưa ông vào Khánh Hòa làm giáo thụ để cắt đứt quan hệ của ông với phong trào chống thuế ở Quảng Nam. Do những tư tưởng và hoạt động tiến bộ của ông, bọn giặc Pháp ghép ông vào tội "phản nghịch", đem ông ra xử tự ngày 5-5-1908.

2 Những người lính khố đỏ ở Hà Nội: Đây là sự kiện đầu độc bọn lính Pháp ở Hà Nội. Tháng 6 năm 1908, một số sĩ phu yêu nước cùng với nghĩa quân Hoàng Hoa Thám liên lạc với những lính khố đỏ yêu nước trong quân đội Pháp chủ trương đánh úp Hà Nội. Theo kế hoạch, những người đầu bếp bỏ thuốc độc vào thức ăn để giết bọn quan quân Pháp, sau đó nghĩa binh cướp kho vũ khí, đánh chiếm các công sở, phối hợp với nghĩa quân Hoàng Hoa Thám từ ngoài đánh vào Hà Nội.

Hơn 100 lính Pháp đã bị trúng độc; nhưng kế hoạch bị lộ, những binh sĩ làm nội ứng đã bị địch đàn áp dã man.

kỷ thứ 18, tức là xóc đầu lâu những người Giacôbít[1] bại trận lên mũi giáo đem bêu ở các đường phố khu Xiti và dọc theo cầu Luân Đôn. Hàng tuần lễ, dọc các đường lớn ở Hà Nội, người ta nhìn thấy nhiều đầu lâu của những nạn nhân bị người Pháp hạ sát, đang cau mày, nhăn mặt trên những chiếc cọc tre.

Năm 1908, nhân dân miền Trung không chịu nổi sưu cao thuế nặng và bao nhiêu sự hà lạm áp bức, đã phải biểu tình. Các cuộc biểu tình ấy mặc dù diễn ra hết sức ôn hòa, nhưng đều bị đàn áp thẳng tay. Hàng trăm đầu rơi, vô số người bị đi đày.

Người ta làm đủ mọi cách để vũ trang cho người An Nam chống lại đồng bào họ và gây nên những vụ phản bội.

Người ta tuyên bố các làng phải chịu trách nhiệm về những hỗn loạn xảy ra trên địa phận mình. Làng nào cho một người yêu nước trú ngụ thì bị kết án. Để khai thác tin tức, người ta dùng một phương pháp đơn giản – bao giờ cũng vậy – là tra khảo lý hào, ai không nói thì bị xử tử tức khắc. Cứ như thế, TRONG VÒNG HAI TUẦN LỄ, MỘT VIÊN GIÁM BINH ĐÃ XỬ TỬ BẢY MƯƠI LĂM LÝ HÀO!

Không bao giờ người ta nghĩ đến chuyện phân biệt những người yêu nước đang chiến đấu tuyệt vọng với bọn côn đồ ở các thành thị. Muốn dập tắt sự kháng cự,

1 Jacobites: Tên gọi những đồ đảng của vua Anh Giáccơ II bị dòng Orănggiơ đánh bại sau cuộc chiến tranh năm 1688.

người ta không thấy có cách nào khác hơn là phó thác việc “bình định” cho lũ phản bội bán nước. Và người ta duy trì ở vùng đồng bằng Bắc Kỳ, ở Bình Thuận, ở Nghệ Tĩnh những đội quân càn quét hung hãn mà hình ảnh ghê tởm sẽ không bao giờ phai mờ trong trí nhớ.



CHƯƠNG IX

CHÍNH SÁCH NGU DÂN

Để có thể đánh lừa dư luận bên Pháp, và bóc lột dân bản xứ một cách êm thấm, bọn cá mập của nền văn minh không những đầu độc nhân dân An Nam bằng rượu và thuốc phiện, mà còn thi hành một chính sách ngu dân triệt để.

Cho nên, theo sắc lệnh năm 1898, báo chí bản xứ phải chịu kiểm duyệt trước khi in.

Sắc lệnh đó viết: "Việc lưu hành báo chí bất cứ bằng thứ tiếng gì, đều có thể bị cấm do nghị định của quan toàn quyền.

Báo tiếng Việt không được xuất bản, nếu không được phép của quan toàn quyền. Giấy phép chỉ cấp với điều kiện là các bài báo phải được quan thống đốc duyệt trước. Giấy phép ấy có thể rút lúc nào cũng được.

Mọi cuộc trưng bày hoặc phổ biến những bài hát, biếm họa hoặc tranh ảnh làm thương tổn đến sự tôn kính đối với các nhà cầm quyền đều bị trừng trị".

Đấy, bạn thấy bà kiểm duyệt ở thuộc địa cầm kéo khéo đến mức nào!

Với biện pháp đó, chính quyền Đông Dương có thể ỉm được tất cả mọi vụ nhơ nhớp và tha hồ mà lạm quyền.

Trong một cuộc bầu cử hội đồng thành phố Sài Gòn, viên thống đốc cấm ba ông chủ nhiệm báo tiếng Việt không được đăng lên báo của họ bản sắc lệnh quy định thể lệ bầu cử hội đồng thành phố ở Nam Kỳ. Họ là ứng cử viên, thế mà báo của họ bị cấm tuyệt không được đăng một cái gì dính dáng, dù xa hay gần, đến chương trình của họ! Vì người An Nam không có quyền hội họp quá số 20 người nên ứng cử viên phải gặp 3000 cử tri lần lượt từng người một. Cũng trong lúc ấy, ông thống đốc còn thông tri cho các tờ báo tiếng Việt khác biết là sở kiểm duyệt sẽ thẳng tay cắt những bài báo, cột báo, đầu đề hoặc bất cứ một lời bóng gió nào nói đến các cuộc bầu cử thuộc địa hoặc thành phố. Một tờ báo tiếng Việt dịch đăng đạo luật nói về việc trừng trị những hành động hối lộ trong bầu cử, bài ấy đã bị cắt. Trong lúc đó thì quan thống đốc trắng trợn cho đòi những người đứng đầu các tập đoàn cử tri đến văn phòng và truyền cho họ phải bỏ phiếu và cổ động bỏ phiếu cho danh sách được ngài có cảm tình nhất.

Bàn tay bỉ ổi của kiểm duyệt không dừng lại ở các xuất bản phẩm tiếng Việt mà còn rờ mó cả vào thư từ riêng và các tờ báo tiếng Pháp không chịu ca tụng đức độ của các "Cụ lớn:" thuộc địa: Sở bưu điện và sở mật thám Nam Kỳ (giám đốc sở này là con rể ông Anbe Xarô) đã nhận được lệnh không để lọt – bất cứ với lý

do gì – những thư từ, bài vở, v.v..., gửi cho báo *Người cùng khổ*[1] xuất bản ở Pari hoặc của tờ báo ấy gửi về.

Một người Mangát nguyên là lính tình nguyện tham gia đại chiến trong quân đội Pháp và có vợ người Pháp, đã bị trục xuất khỏi tổ quốc anh, và bị kết án 5 năm đày biệt xứ, chỉ vì đã viết bài cho báo *Người cùng khổ* và vài tờ báo khác ở Pháp, để tố cáo những sự nhũng lạm của bọn quan cai trị Pháp ở xứ sở anh.

*

* *

Nhân dân Đông Dương khẩn khoản đòi mở trường học vì trường học thiếu một cách nghiêm trọng. Mỗi năm, vào kỳ khai giảng, nhiều phụ huynh phải đi gõ cửa, chạy chọt mọi nơi thần thế, có khi chịu trả gấp đôi tiền nội trú, nhưng vẫn không tìm được chỗ cho con học. Và hàng ngàn trẻ em đành chịu ngu dốt vì nạn thiếu trường.

Tôi còn nhớ một người anh em họ tôi muốn được vào một trong những "thiên đàng trường học" kia, đã phải chạy chọt đủ kiểu, gửi hết đơn này đến đơn khác cho quan khâm sứ, cho quan công sứ, cho quan đốc trường quốc học và quan đốc trường tiểu học. Tất nhiên, chẳng ai thèm trả lời anh. Một hôm, anh đánh bạo mang đơn đến xin quan đốc, một người Pháp, phụ trách cái trường

1 Báo Người cùng khổ (Le Paria): Tờ báo do đồng chí Nguyễn Ái Quốc và một số nhà cách mạng trong Hội Liên hiệp thuộc địa sáng lập tại Pari, năm 1922, để tuyên truyền cách mạng ở các nước thuộc địa Pháp. Tờ Người cùng khổ chỉ hoạt động được 4 năm và ra được 38 số, nhưng nó đã được phổ biến ở khắp các thuộc địa. Nó góp gần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin và khích lệ phong trào cách mạng ở Đông Dương và các nước thuộc địa khác. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc là chủ nhiệm kiêm chủ bút và quản lý của tờ báo này.

mà tôi đã được đặc ân vào học trước đó ít lâu. "Quan đốc" thấy anh cả gan như thế, nổi khùng quát tháo: "Ai cho phép mày đến đây?", rồi xé vụn lá đơn trước những cặp mắt ngơ ngác của cả lớp học.

Người ta bảo ngân sách không cho phép chính phủ mở trường mới. Không hẳn thế đâu. Trong số 12 triệu đồng của ngân sách Nam Kỳ, thì 10 triệu đã tìm đường chui sâu vào túi các ngài viên chức rồi.

Ngoài ra, chính phủ thuộc địa lại tìm đủ mọi cách để ngăn cản không cho thanh niên An Nam sang du học bên Pháp, vì sợ nhiễm phải chủ nghĩa cộng sản. Điều 500 (bis) trong nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 về học chính ở Đông Dương quy định:

"Người bản xứ nào, vô luận là dân thuộc địa Pháp hoặc dân do Pháp bảo hộ muốn sang chính quốc du học đều *phải được quan toàn quyền cho phép.* Quan toàn quyền sẽ quyết định, sau khi hỏi ý kiến quan thủ hiến kỳ và quan giám đốc nha học chính.

Trước khi lên đường, người đó phải đến nha học chính xin một quyển học bạ có dán ảnh và ghi rõ căn cước lý lịch của mình, địa chỉ cha mẹ, những trường đã học, những học bổng hoặc trợ cấp đã hưởng, những bằng cấp đã có, và địa chỉ của người bảo lãnh tại Pháp. Học bạ ấy phải được quan toàn quyền chứng thực.

Hồ sơ của người bản xứ theo học bên Pháp phải lưu trữ tại nha học chính".

"Làm cho dân ngu để dễ trị", đó là chính sách mà các nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất.

*

* *

Báo *Nhân đạo*(1) đã thuật lại việc kiểm duyệt thư tín vẫn còn tiến hành nghiêm ngặt như thế nào ở Mađagaxca khi cuộc chiến tranh vì công lý đã kết thúc bốn năm rồi.

Đông Dương cũng vậy, chẳng có gì đáng phân bì với Mađagaxca cả.

Chúng tôi đã nêu lên trường hợp tờ báo *Người cùng khổ*.

Như là tình cờ xui nên, việc lạm quyền ấy xảy ra đúng lúc ông thống đốc gian lận Bôđoăng đến Sài Gòn, cùng với người phụ tá xuất sắc của ông là con rể ông Anbe Xarô đồng thời là trùm mật thám.

Mặt khác, nhà cầm quyền vẫn tiếp tục chặn lại và lục soát thư tín của tư nhân.

Trong khi người ta tàn sát người bản xứ, cướp đoạt tài sản của họ một cách ngang nhiên, không hề bị trừng trị, thì ngay đến cả cái quyền sơ đẳng là viết thư cho nhau, họ cũng không được hưởng! Sự vi phạm quyền tự do cá nhân ấy lại ghi thêm một thành tích cho cái chế độ lạm quyền, cái chế độ mật thám bỉ ổi đương hoành hành ở các thuộc địa.

*

* *

---

1 Báo Nhân đạo (L' Humanité): Tờ báo của Đảng Xã hội Pháp do Giăng Giôrét sáng lập năm 1904. Từ sau khi có sự phân liệt của Đảng Xã hội Pháp ở Đại hội Tua (tháng 12-1920) và Đảng Cộng sản Pháp thành lập, tờ Nhân đạo trở thành cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Pháp.

Chính phủ Đông Dương tổ chức phá hoại tờ báo *Người cùng khổ;* chính phủ Tây Phi thuộc Pháp cấm nhập các báo của người da đen châu Mỹ; chính phủ Tuynidi trục xuất chủ nhiệm tờ *Tương lai xã hội*[1]; ông Lyôtây đuổi chủ nhiệm tờ *Ong vò vẽ Marốc*[2] ra khỏi Marốc. (Người ta chỉ cho nhà báo *một giờ* để thu xếp hành lý).

*

* *

Giữa lúc khai mạc hội chợ Hà Nội, và trong khi ông Bôđoăng, quyền toàn quyền Đông Dương đang đi thăm các gian hàng, thì bọn cảnh binh xông vào một gian nọ tịch thu các tập tranh biếm họa do báo *Con trĩ Đông Dương*[3] trưng bày, vì tờ báo này có những lối phê bình và châm biếm không hợp khẩu vị của những nhà đương quyền.

Ông Cơlêmăngti, chủ nhiệm tờ báo đã bị bắt và tống giam.

1 L'Avenir social.

2 La Guêpe Marocaine.

3 L'Argus Indochinois.

CHƯƠNG X

CHỦ NGHĨA GIÁO HỘI

Trong thời kỳ bình định, các sứ giả của Chúa cũng hoạt động chẳng kém. Hệt như bọn gian phi rình lúc mọi người đang hốt hoảng để nhảy vào hôi của sau khi nhà cháy, các nhà truyền giáo chúng ta cũng thừa lúc đất nước rối loạn sau cuộc xâm lăng để ... phục vụ Chúa. Kẻ thì tiết lộ những bí mật mà con chiên đã nói ra khi xưng tội và nộp những người An Nam yêu nước cho bọn chiến thắng đem lên máy chém hay giá treo cổ. Kẻ thì tỏa đi khắp nơi để vơ vét những tín đồ bị bắt buộc phải theo đạo. Có linh mục nọ "chân đi đất, quần xắn đến mông, lưng thắt bao đạn, vai khoác súng dài, hông đeo súng ngắn, dẫn đầu một đoàn con chiên vác giáo mác và súng kíp; đó là lối vũ trang phát triển tín đồ của một linh mục với sự yểm hộ của quân đội chúng ta do ông ta hướng dẫn, xông vào các làng bên lương mà ông đã báo trước với các nhà cầm quyền là làng phản nghịch".

Sau cuộc hành quân đánh chiếm Bắc Kinh, chỉ riêng một mình giám mục Phavie, sứ đồ của giáo hoàng, ngũ hạng bắc đẩu bội tinh, đã bỏ túi 600.000 phrăng của ăn cướp được. Một người thấy tận mắt kể lại: "Dưới sự chỉ huy của giám mục Phavie, một đoàn dài xe bò và xe ngựa có ba bốn trăm giáo dân cùng lính bộ và lính thủy Pháp hộ tống đã kéo đến trước phủ đệ của hoàng thân Lý. *Họ đóng vai những kẻ dọn nhà vì lợi ích của Chúa!...* Xong việc, lính tráng mỗi người nhận được một ngân phiếu 200 quan, do dòng tu thánh Vanhxăng đờ Pôn trả". Trong một bản báo cáo chính thức, chúng tôi đọc thấy lời buộc tội đanh thép này: "Việc cướp bóc tập thể do giám mục Phavie điều khiển là gương xấu làm cho kỷ luật ngấm ngầm bị đổ vỡ".

Tất nhiên không phải chỉ có một mình giám mục Phavie truyền giáo theo lối ấy. Đức cha còn có nhiều đối thủ nữa. Người ta kể: "Khi lệnh giới nghiêm vừa bãi bỏ, thì các giáo sĩ liền dẫn lính xông vào nhà các chủ ngân hàng quen thuộc mà họ biết có cất giấu vàng thoi. Họ mang theo học sinh chủng viện hoặc những người Hoa mới theo đạo, để những người này làm việc thiện bằng cách giúp họ cướp giật đồng bào của mình và kiếm tiền cho các cha cố từ thiện làm công việc Chúa".

Nếu kể hết ra đây tất cả những hành vi ác quỷ của bọn tông đồ xứng đáng của đạo từ thiện này thì sẽ quá dài. Nhân đây chỉ kể sơ một vài việc: Một cha xứ nọ đã nhốt một em bé bản xứ, đánh đập em, trói em vào cột; khi người chủ của em, một người Âu, đến xin em về, thì cha xô đẩy, đánh đấm, rút súng lục dọa bắn ông.

Một cha xứ khác đã bán một em gái An Nam đi đạo cho một người Âu lấy 300 phrăng. Một cha khác đánh gần chết một học sinh chủng viện người bản xứ. Dân làng người bị nạn rất căm phẫn, trong khi chờ công lý của Chúa, đã làm đơn kiện tên súc sinh – xin lỗi, tôi muốn nói vị cha đáng kính –, thì công lý thế tục đã dọa những người đi kiện ngây thơ ấy rằng: “Dè chừng! Các con ạ! Chớ có kiếm chuyện, nếu không thì…”. Đức cha M… chẳng đã tuyên bố rằng nền học vấn Pháp là nguy hiểm cho người An Nam đó sao? Còn đức cha P… thì chả đã nói rằng Chúa cho cây mây mọc cạnh m… ông người An Nam là Chúa đã có dụng tâm sáng suốt đó sao?

Nếu thiên đường có thật, thì sẽ quá chật không đủ chỗ để chứa chấp tất cả bọn tông đồ thuộc địa can đảm đó. Và nếu Chúa bất hạnh đã chịu đóng đanh trên cây thánh giá trở về cõi thế này, thì chắc Ngài sẽ vô cùng ngao ngán khi thấy “các môn đồ trung thành” của mình thực hiện đức khổ hạnh như thế nào: giáo hội Xiêm chiếm đoạt một phần ba diện tích ruộng đất canh tác trong xứ; giáo hội Nam Kỳ chiếm một phần năm; giáo hội Bắc Kỳ, chỉ riêng ở Hà Nội đã chiếm một phần tư đất đai, cộng thêm một cái vốn bé xíu 10 triệu phrăng. Không cần nói cũng biết là phần rất lớn tài sản ấy, giáo hội giành được bằng những thủ đoạn mà họ không thể và cũng không bao giờ thú nhận.

Đại tá B… viết: “Điều mà người thực dân phải dựa vào nhà nước để làm – thì người truyền giáo cứ làm, bất chấp nhà nước. Bên cạnh lãnh thổ của người chủ đồn điền, mọc lên lãnh thổ của nhà chung. Chẳng bao lâu

nữa, sẽ không còn rẻo đất nào cho người An Nam có thể sinh cơ lập nghiệp nếu khôg cam chịu kiếp nông nô!".

Amen! Lạy Chúa tôi.

*

* *

Chúa đầy lòng nhân ái và toàn năng. Là đấng sáng thế tối cao. Người đã nặn ra một chủng tộc gọi là thượng đẳng để đặt lên lưng một chủng tộc gọi là hạ đẳng cũng do Người nặn ra. Bởi vậy, mọi đoàn đi khai hóa – dù đến Ăngti, Mađagaxca, Tahiti hay là Đông Dương – cũng đều có móc theo một đoàn gọi là đoàn truyền giáo. Chẳng hạn, chúng ta biết rằng chính phủ Pháp quyết định việc chinh phục Bắc Kỳ là do sự xúi giục của các ngài giáo phẩm thực dân được mụ vợ Napôlêông đệ tam đỡ đầu. Và các vị đó đã làm những gì? Họ đã lợi dụng lòng hiếu khách của người An Nam để đánh cắp những bí mật quân sự, vẽ những bản đồ nộp cho quân đội viễn chinh. Chúng tôi không hiểu tiếng latinh gọi cái công việc ấy là gì, chứ tiếng Pháp thông dụng thì gọi là làm gián điệp.

Bọn Gácniê[1], bọn Rivie[2] và bè lũ không am hiểu địa phương và không biết tiếng bản xứ thì đã có bọn truyền giáo làm thông ngôn và chỉ điểm cho chúng. Trong vai trò này, các vị mang chức thánh không bỏ lỡ dịp nào để thực hiện đức nhân của đạo Chúa. Có linh mục

1 Gácniê (Françis Garnier): Sĩ quan hải quân Pháp tham gia đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất, bị quân ta giết chết ở gần Cầu Giấy (Hà Nội) năm 1873.

2 Rivie (Henri Rivière): Sĩ quan hải quân Pháp tham gia đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai, bị quân ta giết chết ở gần Cầu Giấy (Hà Nội) năm 1883.

đã bảo lính: “Đốt làng này đi, nó đã không nộp thuế cho chúng ta”, hay là: “Tha cho làng này, nó đã quy thuận chúng ta” (GI.B). Chúng ta đây tức là giáo hội.

Hàng giáo sĩ thuộc địa không những phải chịu trách nhiệm gây ra chiến tranh thuộc địa, mà còn là bọn kéo dài chiến tranh, bọn chủ trương đánh đến cùng. Không chịu điều đình “non”. Đô đốc R. đờ Giơnuiy[1] trong một bản báo cáo với bộ hải quân đã viết rằng: “Tôi muốn tìm cách giao thiệp với nhà cầm quyền An Nam để ký kết một hòa ước, nhưng đã gặp những trở ngại rất lớn do các nhà truyền giáo gây ra… Một hòa ước với người An Nam, dù có lợi bao nhiêu, cũng chẳng thỏa mãn được lòng ham muốn của các ông ấy. Họ muốn đánh chiếm hết cả nước và lật đổ triều đại đang trị vì. Giám mục Penlơranh đã nhiều lần nói như thế và đó cũng là ý kiến của giám mục Lơphevơrơ”.

Phải chăng đó là vì yêu nước? Không, bởi vì ở đoạn sau của bản báo cáo, đô đốc đã nói rằng, “những giáo sĩ hoạt động ở Nam Kỳ hy sinh quyền lợi của nước Pháp cho những mục đích riêng tư”.

Mẩu chuyện sau đây chứng minh cho ý kiến đó:

Vua Hàm Nghi[2] rời bỏ kinh thành của mình bị quân Pháp chiếm. Ông đem nghĩa quân vây một làng do

1 Giơnuiy (Rigault de Genouilly): Thủy quân đô đốc Pháp đã đem chiến thuyền đầu tiên đến bắn phá cảng Đà Nẵng, năm 1858, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở nước ta.

2 Hàm Nghi: Vua thứ 8 nhà Nguyễn, tên húy là Nguyễn Phúc Ưng Lịch, còn có tên là Nguyễn Phúc Minh, người đứng đầu phe chủ chiến chống thực dân Pháp trong triều đình Huế. Khi kinh đô Huế thất thủ, ông cùng với Tôn Thất Thuyết ra Quảng Trị tổ chức kháng chiến. Bị giặc Pháp lùng bắt, ông phải lánh ở vùng rừng núi Quảng Bình, ra chiếu Cần Vương, kêu gọi văn thân chống Pháp. Tháng 10 năm 1888, ông bị bọn giặc Pháp bắt đem đày sang Angiêri.

người theo đạo chống giữ, trong đó có sáu nhà truyền giáo. Một tướng Pháp được tin báo, liền điều đình với một cố đạo cho mượn thuyền chở quân đi giải vây. Cố đạo khước từ, bảo rằng thuyền đi đánh cá ngoài khơi hết, ba bốn ngày nữa mới về. Sau khi điều tra, viên tướng biết là tên cố đạo đã cố ý phân tán thuyền bè để quân tiếp viện không thể đi được. Viên tướng bèn đòi cố đạo đến bảo: "Nếu không có thuyền cho tôi trong sáu giờ nữa thì tôi sẽ cho bắn ông". Thuyền đến, viên tướng hỏi vị cha đáng kính: "Tại sao lại nói dối? – Thưa tướng quân, nếu để các giáo sĩ bị chết rồi tướng quân mới đến, thì chúng tôi sẽ có thêm sáu người tử vì đạo để phong thánh".

Đấy là những hành động phúc âm mà các "Cha nhà ta" nỗ lực làm hằng ngày và bao giờ cũng là nhân danh Chúa cả.

CHƯƠNG XI

NỖI KHỔ NHỤC CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ BẢN XỨ

Đọc những trang trên đây cũng đã thấy người phụ nữ An Nam được các nhà khai hóa của chúng ta “bảo hộ” như thế nào. Không một chỗ nào người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược. Ngoài phố, trong nhà, giữa chợ hay ở thôn quê, đâu đâu họ cũng vấp phải những hành động tàn nhẫn của bọn quan cai trị, sĩ quan, cảnh binh, nhân viên nhà đoan, nhà ga. Một người Âu mắng một phụ nữ An Nam là *con đĩ, con bú dù* là một việc thông thường. Ngay giữa chợ Bến Thành ở Sài Gòn – mà người ta bảo là một thành phố Pháp –, bọn gác chợ người Âu cũng không ngần ngại dùng roi gân bò, dùi cui đánh phụ nữ bản xứ để bắt họ tránh khỏi làm nghẽn lối!

Những chuyện đáng buồn như thế, có thể kể mãi không hết, song chúng tôi hy vọng rằng mấy việc kể

trên cũng đủ làm cho chị em ở chính quốc biết rõ phụ nữ An Nam sống quằn quại trong cảnh lầm than và bị áp bức như thế nào. Bây giờ hãy xem người phụ nữ bản xứ ở các thuộc địa khác – cũng ở dưới sự bảo hộ của nước mẹ – có được tôn trọng hơn không.

Ở Phết Mơdala (Angiêri), một người bản xứ bị kết án một năm tù vì tội ăn trộm. Anh ta trốn khỏi nhà lao. Người ta phái một toán quân, do một quan hai chỉ huy, đến bao vây làng anh ta. Toán quân sục sạo rất kỹ nhưng không tìm thấy. Chúng bèn tập trung 35 phụ nữ họ hàng thân thuộc của anh ta lại. Trong số người này có những em gái 12 tuổi, những cụ bà 70 tuổi, những phụ nữ có thai, những bà mẹ đang cho con bú. Dưới con mắt bao dung của viên quan hai và của viên quan cai trị vừa đến, mỗi tên lính vồ lấy một phụ nữ. Các hào mục, các người cầm đầu các tổ chức từ thiện trong làng cũng bắt buộc phải đứng xem cảnh ấy. Người ta bảo làm thế để cho họ sợ. Xong rồi, người ta phá nhà cửa, bắt súc vật, nhốt những người đàn bà đã bị hãm hiếp vào một căn nhà để cho chính bọn đao phủ kia canh gác và tiếp tục mọi hành động ô nhục như thế đến hơn một tháng.

Người ta thường nói: "Chế độ thực dân là ăn cướp". Chúng tôi xin thêm: là hiếp dâm và giết người.

*

* *

Dưới đầu đề: "Bọn thực dân kẻ cướp", Víchto Mêríc đã kể lại một hành vi bạo ngược không thể tưởng tượng được của một viên quan cai trị thuộc địa nọ: hắn đổ

nhựa cao su vào âm hộ của một phụ nữ da đen. Sau đó, hắn bắt chị ta đội một tảng đá to tướng đứng phơi nắng cho đến chết.

Tên viên chức dâm bạo ấy hiện đang tiếp tục lập công ở một địa phương khác.

Khốn thay, những hành vi bỉ ổi như thế lại không hiếm gì ở cái nơi mà làng báo bồi bút thường gọi là "nước Pháp hải ngoại".

Tháng 3 năm 1922, một nhân viên nhà đoan ở Bà Rịa (Nam Kỳ) đã đánh gần chết một phụ nữ An Nam, làm phu đội muối, lấy cớ chị đã làm ồn ào dưới hiên nhà hắn mất giấc ngủ trưa.

Tuyệt hơn nữa là người phụ nữ ấy còn bị đe dọa đuổi khỏi công trường muối nếu chị kêu kiện.

Tháng 4, một nhân viên nhà đoan khác đến thay, cũng tỏ ra xứng đáng với tên trước bởi những hành vi tàn ác của hắn.

Một bà cụ An Nam, cũng là phu gánh muối, vì bị khấu lương nên cãi nhau với mụ cai. Mụ cai thưa với viên đoan. Viên này không cần xét hỏi gì cả, tát luôn bà cụ hai cái tát nên thân, và khi bà cụ cúi xuống nhặt nón, thì nhà khai hóa đó lại đá luôn một cái rất ác vào bụng dưới làm cho máu ộc ra lênh láng.

Bà cụ ngã xuống bất tỉnh. Đáng lẽ phải đỡ bà cụ dậy, thì người cộng sự của ông Xarô lại đòi lý trưởng sở tại đến và lệnh đem người bị thương đi. Lý trưởng từ chối không làm. Viên đoan liền cho đòi chồng bà già đến, – *ông này mù*, – ra lệnh đem vợ về.

Các bạn có muốn đánh cuộc rằng cũng như bạn đồng sự của họ là viên quan cai trị nọ ở châu Phi, hai viên chức nhà đoan Nam Kỳ này đã được hoàn toàn vô sự không? Thậm chí có thể chúng đã được thăng thưởng nữa là khác!

*

* *

Các em bé Angiê đói. Nhiều em mới lên sáu, lên bảy đã phải đi đánh giầy hay xách giỏ thuê ở chợ để kiếm ăn.

Chính phủ thuộc địa và khai hóa cho rằng các em cùng khổ kia kiếm được quá nhiều tiền, nên bắt mỗi em phải có một sổ đăng ký và trả môn bài hàng tháng từ 1 phrăng rưỡi đến 2 phrăng.

Các bạn công nhân chính quốc! Các bạn đang phản đối món thuế vô lý đánh vào tiền lương, các bạn nghĩ thế nào về món thuế bỉ ổi đánh vào các em bé kia?

*

* *

Trước chiến tranh, ở Máctiních, giá đường là 280 phrăng một tấn, rượu rom 35 phrăng một trăm lít.

Nay giá đường 3.000 phrăng, rượu rom 400 phrăng.

Như thế bọn chủ được lời 1.000%.

Giá sinh hoạt thì lại tăng lên ít nhất 300%. Nếu cộng thêm sự giảm sút sức mua của đồng phrăng vào sự chênh lệch ghê gớm nói trên thì các bạn sẽ thấy đời sống của người công nhân bản xứ cùng cực đến thế nào.

Tháng 2 năm 1923, vì chủ không chịu tăng lương, công nhân bãi công.

Cũng như bất cứ ở đâu, mà ở thuộc địa lại còn hơn ở nơi khác, bọn chủ không bao giờ ngần ngại làm cho công nhân đổ máu. Cho nên trong cuộc bãi công ấy, hai công nhân trẻ người Máctiních, một anh 18, một anh 19 tuổi, đã bị giết một cách hèn nhát.

Bọn chủ hung ác không từ trẻ con, không trừ phụ nữ. Tờ *Người cùng khổ*, số ra tháng 5 năm 1923, đã đăng tin dưới đây:

"Nhà chức trách đối xử rất bất công với nhân dân lao động. Những người không nhận làm việc theo mức tiền công do bọn chủ ấn định đều bị tố giác, bị cảnh binh bắt giữ và khám xét. Ở đâu, bọn cảnh binh cũng tỏ ra đầy ác ý đối với dân nghèo khổ.

Chẳng hạn hôm kia, hai cảnh binh đã đến viện cứu tế Torinitê bắt một phụ nữ tên là Luybanh, chị này hai đùi bị trúng nhiều vết đạn trong vụ nổ súng ở Rátxinhắc ngày 9 tháng 2. Người ta đã bỏ tù chị, lấy cớ rằng "chị đã vi phạm quyền tự do lao động bằng bạo hành hoặc bằng lời dọa dẫm".

Nhưng một điều chắc chắn là người phụ nữ đáng thương đó đi không được, thế mà bọn cảnh binh vẫn cứ *muốn giải chị đi bộ 32 kilômét đến chỗ ông dự thẩm.*

Lúc chị bị bắt thì đã năm, sáu ngày chị không được thầy thuốc ở mãi Pho đờ Phrăngxơ[1], cách đấy 32 kilômét, đến khám.

1 Fort de France: Thủ phủ Máctiních.

Thế thì ai đã cấp giấy cho chị ra viện, khi mà người mẹ có ba con nhỏ và bị bắt giam kia vẫn bảo rằng mình chưa lành, mình còn thương tích và không đi lại được?

Tôi nêu sự việc này trong số bao nhiêu sự việc đáng căm phẫn thường tái diễn hầu như ở khắp nơi trong thuộc địa.

Trong cuộc bãi công, ở một số doanh nghiệp, những người "được tuyển dụng" bị bắt buộc làm việc dưới sự giám sát của cảnh binh và lính thủy, y như dưới thời đại nô lệ".

*

* *

Chúng tôi đọc trong một tờ báo, thấy như sau:

"Ở Côngxtăngtin[1], từng đoàn phụ nữ lũ lượt kéo đi ăn xin. Một người trong đám người cùng khổ đó đã chết bên cầu En Căngtara, tay còn ẵm đứa con nhỏ.

Từ Bôgari đến Gienpha[2], vô số ông già, trẻ em và phụ nữ bế con bao vây đoàn xe lửa để xin bố thí.

Họ chỉ còn là những bộ xương, áo quần tơi tả. Người ta cấm họ lảng vảng đến các ga".

*

* *

Thật là một sự mỉa mai đau đớn khi thấy rằng nền văn minh – dưới nhiều hình thức khác nhau như tự

1 Constantine: Tên một quận của Angiêri, đồng thời cũng là tên quận lî của quận ấy.

2 Boghari, Djelfa: Tên những địa phương ở Angiêri.

do, công lý, v.v..., được tượng trưng bằng hình ảnh dịu hiền của một người phụ nữ và được một hạng người tự cho là phong nhã ra sức điểm tô – lại đối xử một cách hết sức bỉ ổi với người phụ nữ bằng xương, bằng thịt và xúc phạm tới phong hóa, trinh tiết và đời sống của họ một cách cực kỳ vô liêm sỉ.

Thói dâm bạo thực dân là hiện tượng phổ biến và tàn ác không thể tưởng tượng được. Ở đây chúng tôi chỉ nêu ra một vài việc mà những nhân chứng không thiên vị đã trông thấy và kể lại, để các chị em phương Tây hiểu rõ giá trị của cái gọi là "sứ mạng khai hóa" và nỗi đau khổ của chị em mình ở thuộc địa.

Một người ở thuộc địa kể lại rằng: "Khi bọn lính kéo đến, tất cả dân chúng đều chạy trốn, chỉ còn lại hai cụ già, một thiếu nữ, một thiếu phụ đang cho đứa con mới đẻ bú và tay dắt một em gái lên tám. Bọn lính đòi tiền, rượu và thuốc phiện. Vì không ai hiểu tiếng Pháp nên chúng nổi giận, lấy báng súng đánh chết một cụ già. Còn cụ già kia thì bị hai tên lính, khi đến đã say mềm, đem thiêu sống trong một đống lửa hàng mấy giờ liền để làm trò vui với nhau. Trong khi đó thì những tên khác thay phiên nhau hiếp cô thiếu nữ, người mẹ và đứa con gái nhỏ của bà. Xong, chúng vật ngửa cô thiếu nữ ra, trói lại, nhét giẻ vào miệng, rồi một tên cầm lưỡi lê đâm vào bụng cô, chặt ngón tay cô để lấy chiếc nhẫn và cắt đầu cô để lột cái vòng cổ.

Trên đám đất bằng phẳng trước kia là ruộng muối, ba cái xác chết nằm đó: một em bé bị lột trần truồng, một thiếu nữ ruột gan lòi ra, cánh tay trái cứng đờ giơ

nắm tay lên chĩa vào ông trời vô tình, một xác cụ già ghê rợn khủng khiếp, thân thể trần truồng, mặt mũi cháy không nhận ra được nữa, mỡ chảy lênh láng đã đông lại, da bụng phồng lên, láng xẩy, vàng óng như da lợn quay".

Buổi tối hôm đánh chiếm Chợ Mới (Bắc Kỳ), một sĩ quan của tiểu đoàn châu Phi còn thấy một người tù khỏe mạnh, không thương tích. Sáng hôm sau, viên sĩ quan ấy đã thấy anh ta bị thiêu chết, mỡ chảy nhầy nhụa, da bụng phồng lên và vàng ánh. Đó là vì một bọn lính đã suốt đêm thui con người tay không ấy, trong khi bọn khác hành hạ một phụ nữ.

Một tên lính buộc một người phụ nữ An Nam phải hiến thân cho con chó của hắn. Chị không chịu. Hắn liền đâm một nhát lưỡi lê vào bụng chị, chết tươi.

Cũng vẫn người chứng ấy kể lại: "Một ngày lễ nọ một tên lính trong cơn vui, tự nhiên vô cớ nhảy bổ vào một bà già người An Nam, lấy lưỡi lê đâm bà một nhát chết ngay.

Một tên lính làm vườn nhìn thấy một toán người, nam có, nữ có, đi vào vườn hắn lúc mười giờ sáng. Đó là những người trồng rau hiền lành, tò mò muốn xem vườn. Nhưng tên lính đã lấy súng săn bắn xả vào họ, làm chết hai thiếu nữ.

Một nhân viên nhà đoan đòi vào nhà một người bản xứ, chủ nhà không chịu, hắn bèn đốt nhà, và đánh gãy chân chị vợ chủ nhà giữa lúc chị bị khói xông mờ mắt, dắt con chạy ra để khỏi chết cháy".

Thói dâm bạo vô độ của bọn xâm lược thật không có giới hạn nào cả. Cái tinh vi của một nền văn minh khát máu cho phép chúng tưởng tượng được đến đâu thì chúng cứ thực hiện tính tàn ác lạnh lùng của chúng đến đó.

Thuế má nặng nề không phải chỉ đánh vào ruộng đất, vào súc vật và vào nam giới mà thôi, mà cái ơn mưa móc (!) ấy còn tưới rộng ra cho cả nữ giới nữa:

"Nhiều phụ nữ bản xứ khốn khổ, phải mang nặng gông xiềng đi quét đường chỉ vì một tội là không nộp nổi thuế".

Trong tất cả những cố gắng của các nhà khai hóa nhằm làm cho nòi giống An Nam lành mạnh hơn và đưa họ lên con đường tiến bộ (?), phải kể đến việc *cưỡng bức mua rượu ty*. Không sao kể xiết tất cả sự nhũng lạm chung quanh việc bán rượu, một thứ thuốc độc dùng để pha chế thế nào cho người ta nuốt trôi được cái món "dân chủ".

Trên kia chúng tôi đã nói rõ rằng để nuôi béo bọn cá mập ở chính quốc, cái chính phủ đầy tội ác ở Đông Dương đã cho phép bọn tôi tớ của nó bắt đàn bà, trẻ con không uống rượu cũng phải mua rượu. Muốn làm vừa ý bọn độc quyền, người ta đặt ra những luật lệ để trừng trị việc nấu và buôn rượu lậu; người ta đặt lên đầu người dân bản xứ cả một lô đủ thứ hình phạt; người ta cấp vũ khí cho nhân viên nhà đoan. Bọn này có quyền xông xáo vào nhà cửa, ruộng vườn của tư nhân.

Chúng ta hơi lấy làm ngạc nhiên – mà kể cũng đúng ngạc nhiên thật – khi thấy cảnh binh giải về Hà Nội hay Hải Phòng từng đoàn *ông già, phụ nữ có mang, trẻ con, cứ hai người trói chung một dây,* để trả lời về tội vi phạm luật lệ thương chính.

"Nhưng thế cũng chưa thấm gì so với những việc xảy ra ở các tỉnh, nhất là ở Trung Kỳ; ở đấy viên công sứ kết án và bỏ tù hàng loạt, già trẻ, đàn ông, đàn bà".

Tác giả đoạn văn trên tả đám thân quyến của họ ở cổng nhà lao như sau: "Ông già, đàn bà, trẻ con, tất cả đám người ấy đều bẩn thỉu, rách rưới, mặt mũi hốc hác, mắt đỏ ngầu lên vì sốt; trẻ con bị lôi theo vì ngắn chân bước không kịp. Tất cả cái đám người đã kiệt sức ấy mang theo đủ mọi thứ: nón, quần áo rách, cơm nắm, đủ thứ thức ăn, để lén trao cho người bị can, là cha, là chồng, là trụ cột của gia đình, và hầu như luôn luôn là chủ gia đình".

Tất cả những điều mà người ta đã có thể nói ra vẫn còn ở dưới mức sự thật. Chưa có bao giờ, ở một nước nào mà người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách dã man, độc ác trắng trợn đến thế.

Không phải chỉ có những cuộc khám nhà hàng loạt, liên tục, mà còn có *những cuộc khám xét thân thể người bản xứ bất kể ở chỗ nào, bất kể là nam hay nữ!* Nhân viên nhà đoan vào nhà người bản xứ, *bắt đàn bà, con gái cởi hết áo quần trước mặt chúng, và khi họ đã trần truồng như nhộng thì chúng giở trò dâm đãng kỳ quặc đến mức đem cả con dấu nhà đoan đóng lên người họ.*

Ôi! Hỡi những người mẹ, những người vợ, những người phụ nữ Pháp, chị em nghĩ gì về tình trạng đó? Và các bạn, những người con, những người chồng, những anh em người Pháp nữa? Có phải đó là phép lịch sự của người Pháp đã bị "thực dân hóa" đi không nhỉ?

Nhiệt tình của người An Nam đối với nền giáo dục hiện đại làm cho chính phủ bảo hộ lo sợ. Bởi thế, chính phủ đóng cửa các trường làng, biến trường học thành chuồng ngựa cho các quan nhà binh, đuổi học trò và bỏ tù thầy giáo. Một cô giáo bản xứ đã bị bắt giải về tỉnh lî, cổ đeo gông, đầu phơi trần dưới ánh nắng như thiêu đốt.

Một viên chánh quản pháo binh, đã đốt nhà một phụ nữ An Nam, vì người ấy không chịu tiếp hắn vào lúc nửa đêm.

Một viên quan hai có nhiều vợ đã quật ngã một thiếu phụ An Nam và dùng gậy song đánh chị đến chết chỉ vì chị không chịu làm vợ lẽ hắn.

Một sĩ quan khác hiếp một em bé gái bằng những cách dâm bạo vô cùng ghê tởm. Bị truy tố trước tòa đại hình, hắn được trắng án, chỉ vì nạn nhân là người An Nam.

Trong tất cả các bài diễn văn, tất cả các bản báo cáo ở khắp những nơi mà các nhà cầm quyền của chúng ta có dịp mở miệng, và có bọn ngốc ngồi nghe, họ luôn luôn khẳng định rằng, chỉ có nước Đức dã man mới là đế quốc, là quân phiệt, còn nước Pháp, cái nước Pháp yêu hòa bình, nhân đạo, cộng hòa và dân chủ, cái nước Pháp mà họ đại diện thì không phải là đế quốc, cũng

không phải là quân phiệt. Ồ! Hoàn toàn không phải! Nếu chính các nhà cầm quyền ấy đưa binh lính – là con em công nhân hay chính là công nhân – đi giết hại những công nhân ở các nước khác, thì đó chẳng qua là để dạy cho những người này biết sống cho tốt mà thôi!

CHƯƠNG XII

NÔ LỆ THỨC TỈNH

I – Ở ĐÔNG DƯƠNG

Tháng 11 năm 1922, sáu trăm thợ nhuộm ở Chợ Lớn (Nam Kỳ) vì bị bớt lương nên đã quyết định bãi công.

Cuộc phản công của bọn chủ liền diễn ra ở khắp nơi, và khắp nơi giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình.

Nếu những công nhân bản xứ khốn khổ kia, thường là rất ngoan ngoãn, dễ sai dễ bảo, không được giáo dục và tổ chức, đã đi đến chỗ phải tập hợp nhau lại – do bản năng tự vệ, nếu có thể nói như thế – và đấu tranh chống những đòi hỏi tàn bạo của chủ, thì đó là vì tình cảnh của họ quá ư khốn khổ, khốn khổ đến mức mà ở châu Âu người ta không tưởng tượng được. Đây là lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc

địa. Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại và chúng ta đừng quên rằng bổn phận của chúng ta – những người lao động ở chính quốc – không phải chỉ tỏ tình đoàn kết với những anh em cùng giai cấp ở đấy bằng lời nói, mà còn phải giác ngộ họ, giáo dục họ về ý thức tổ chức và về phương pháp tổ chức.

II – Ở ĐA HÔ MÂY

Lo sợ về giai cấp công nhân ở chính quốc đã thức tỉnh, chủ nghĩa tư bản Pháp tìm cách di chuyển nền thống trị của nó qua các thuộc địa. Tại đó, nó vơ vét nguyên liệu cho các nhà máy và sử dụng những lực lượng phản động và lạc hậu[1] để chống lại cách mạng. Báo chí tư sản ở Pari và các tỉnh thường xuyên dành hàng trang cho mục thuộc địa. Các tướng tá và nghị sĩ tổ chức những cuộc diễn thuyết về thuộc địa. Những cây bút quan liêu và những người nói khoác ấy không tìm đâu ra đủ lời để ca ngợi công ơn khai hóa "của họ" và lòng trung thành của người bản xứ.

Đôi khi các ngài ấy trơ tráo đến mức đem lòng... nhân từ của họ đối lập với sự cướp bóc của thực dân Anh; họ cho chính sách của người Anh là "phương pháp tàn nhẫn" hoặc "thái độ thô bạo" và quả quyết rằng cách làm của người Pháp là đầy công bằng và từ thiện!

1 Bản tiếng Pháp xuất bản năm 1946: "... et du matériel humain pour sa contre révolution" (sử dụng nhân lực để chống lại cách mạng)

Chỉ cần nhìn qua các thuộc địa Pháp một chút cũng đủ thấy công cuộc khai hóa đó là “đẹp đẽ và nhân từ” biết chừng nào!

Ở Đahômây, người ta tăng thêm thuế vốn đã quá nặng đối với người bản xứ. Người ta bắt thanh niên phải bỏ nhà cửa, ruộng nương để đi làm “những người bảo vệ văn minh”. Người ta cấm người bản xứ mua sắm và sử dụng vũ khí để chống thú dữ thường phá hoại sạch trơn hàng loạt làng xóm. Giáo dục, vệ sinh đều thiếu. Trái lại, người ta không từ một thủ đoạn nào để bắt người Đahômây “được bảo hộ” phải chịu cái chế độ “dân bản xứ” đáng phỉ nhổ, một chế độ đã hạ con người xuống hàng con vật và làm ô nhục cho cái thế giới gọi là văn minh. Dân bản xứ không cam chịu nhục được mãi, phải vùng lên. Thế là đàn áp đẫm máu. Người ta dùng những biện pháp cứng rắn. Người ta điều quân đội, súng liên thanh, súng cối và tàu chiến đến, người ta ra lệnh giới nghiêm. Người ta bắt bớ và bỏ tù hàng loạt. Đấy! Công cuộc khai hóa nhân từ tà như thế đấy!

III – Ở XIRI

Dân Xiri lấy làm hài lòng, rất hài lòng về chính sách cai trị của tướng Guarô[1], các nhà đương cục đều nói như thế. Nhưng các sự việc sau đây đã chứng minh trái ngược lại:

1 Gouraud: Tướng Pháp (1867-1946) đã từng chỉ huy quân đội Pháp ở Xiri trong chiến tranh thế giới thứ nhất.

Tháng 3 năm 1922, ông Muyxtapha Kêman[1] đến Métxin. Để đón tiếp ông, người Hồi giáo Xiri dựng một khải hoàn môn có cắm cờ đen mang các khẩu hiệu: "Thổ và Ảrập là anh em!", "Xin chớ quên những người anh em Xiri", "Hãy giải phóng cho chúng tôi", v.v...

Việc ông Muyxtapha Kêman đến thăm Ađana đã gây nên những cuộc biểu tình sôi nổi. Trong hai ngày liền, những người trong phong trào phục quốc ở Ăngchiôsơ và Alếchxăngđơrét[2] đã giương cờ đen kéo qua các phố và hô lớn những khẩu hiệu chống chế độ ủy trị Pháp.

Đáp lời kêu gọi của phái đoàn phục quốc Xiri, nghe đâu ông Muyxtapha Kêman đã nói: "Một trung tâm văn minh đã tồn tại từ bao thế kỷ như Xiri không thể nằm trong tay người ngoại quốc được".

Chủ nghĩa thực dân Pháp không hề thay đổi cái châm ngôn "chia để trị" của nó. Chính vì thế mà nước An Nam, một nước có chung một dân tộc, chung một dòng máu, chung một phong tục, chung một lịch sử, chung một truyền thống, chung một tiếng nói, đã bị chia năm xẻ bảy. Lợi dụng một cách xảo trá sự chia cắt ấy, người ta hy vọng làm nguội được tình đoàn kết, nghĩa đồng bào trong lòng người An Nam và tạo ra

1 Mustapha Kémal (1881-1938): Lãnh tụ đảng Quốc dân ở Thổ Nhĩ Kỳ, cầm đầu cuộc cách mạng tư sản và được bầu làm tổng thống Thổ Nhĩ Kỳ năm 1923.

2 Những người trong phong trào phục quốc ở Ăngchiôsơ và Alếchxăngđơrét: Ăngchiôsơ và Alếchxăngđơrét là hai thành phố cổ nổi tiếng của nước Xiri, năm 1516 bị Thổ Nhĩ Kỳ xâm chiếm.

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), Thổ Nhĩ Kỳ thua trận, theo hiệp ước Xevơrơ ngày 10-8-1920, Xiri bị giao cho Pháp "ủy trị". Những người trong phong trào phục quốc (năm 1922) ở hai thành phố này là những nhân dân đấu tranh chống chế độ "ủy trị" (thực chất là ách thực dân) của Pháp, giành độc lập.

những mối xung khắc giữa anh em ruột thịt với nhau. Sau khi đẩy họ chống lại nhau, người ta lại ghép một cách giả tạo các thành phần ấy lại, lập nên một "liên bang" gọi là Liên bang Đông Dương.

Trong các thuộc địa mới người ta cũng lại thấy cái sách lược ấy. Sau khi chia cắt đất nước Xiri thành "một số quốc gia", cao ủy Pháp ở Bâyrút lại lập một "Liên bang" Xiri, gồm các "nước" Alép, Đamát, và Alauít[1]. Một lá quốc kỳ đã được bày đặt ra nhằm mục đích đó. Cũng như đối với lá cờ An Nam, người ta không quên vá vào lá cờ liên bang đó một miếng "cờ bảo hộ", ở góc trên, gần cán. Ngày 11 tháng 12 năm 1922 là ngày lễ "long trọng", lần đầu tiên lá cờ ấy được kéo lên nóc phủ liên bang ở Alép.

Trong dịp ấy, nhiều nhà cầm quyền đã đọc diễn từ. Ông Xubi Baraca Bây, chủ tịch liên bang, đã nói nào là "nước bảo hộ rộng lượng", nào là "người hướng đạo chân thành", nào là "những vị tướng lĩnh chiến thắng", và hàng tràng những điều khác nữa. Ông Rôbe đờ Ke, quyền cao ủy, cũng đọc đítcua rất dài. Ngoài những điều khác ra, vị quan cao cấp ấy đã nhắc lại rằng, "nước Xiri độc lập không phải là dân tộc đầu tiên được nước Pháp săn sóc từ trong nôi", v.v... Nhưng, tất cả những lời lẽ huênh hoang rỗng tuếch ấy chẳng đánh lừa được ai. Phái đoàn Xiri – Palextin lãnh nhiệm vụ đấu tranh cho độc lập và thống nhất – chân chính –

1 Alep, Damas, Alaouites: Alep là một thành phố của Xiri; Damas là thủ đô của Xiri; Alaouites là lãnh thổ của Xiri bị thực dân Pháp cắt ra thành một khu vực tự trị từ năm 1924 đến năm 1930.

của nước Xiri ở Hội nghị Lôdannơ[1] đã gửi một bức thư phản kháng. Bức thư này đã được đăng trên tờ *Diễn đàn phương Đông*[2], và chúng tôi rất sung sướng được sao lại dưới đây:

"Thưa ngài,

Giữa lúc người ta đương cố hàn gắn những lỗ hổng mà Hiệp ước Xevơrơ[3] đã khoét ra trong vấn đề Cận Đông và giữa lúc dân tộc Ảrập đang phải chịu đựng, so với mức hy sinh tự nguyện của mình, những điều tai hại trực tiếp nhất do hiệp ước đó gây ra, thì ở hội nghị của các ngài, hội nghị tổ chức ra với mục đích thiết lập một nền hòa bình vững chắc và lâu dài, tiếng nói của các đại biểu dân tộc Ảrập ở các khu vực khác nhau vẫn chưa được lắng nghe.

Thế mà chính lúc này lại là lúc các nhà cầm quyền Pháp chọn để khánh thành một cách long trọng công cuộc thực dân hóa mà họ đã tiến hành từ bốn năm nay bằng cách gắn cái tượng trưng cho chế độ nô lệ vĩnh viễn là những miếng cờ tam tài lên lá cờ mà người ta vừa mới gán cho cái gọi là "Liên bang Xiri". Thế là một

---

1 Hội nghị Lôdannơ (Conférence de Lausanne): Hội nghị giữa các nước đồng minh và Thổ Nhĩ Kỳ họp tại Lôdannơ thuộc Thụy Sĩ (1922-1923). Hội nghị này đi đến ký hòa ước Lôdannơ về chế độ các eo biển Đácđanen, chế độ quyền lợi của những người theo đạo Thiên chúa trên đất Hồi giáo và xét lại hiệp ước Xevơrơ.

2 La Tribune d'Orient.

3 Hiệp ước Xevơrơ (Traité de Sèvres): Hiệp ước ký kết giữa Thổ Nhĩ Kỳ và các nước đồng minh ngày 10-8-1920 tại Xevơrơ (Pháp), chia cắt đất Thổ Nhĩ Kỳ ra làm nhiều nước và lập chế độ nửa thuộc địa ở đó. Nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ nổi dậy đấu tranh chống lại hiệp ước này để bảo vệ độc lập dân tộc. Thổ Nhĩ Kỳ chiến thắng, buộc các nước đế quốc phải triệu tập Hội nghị Lôdannơ để xóa bỏ hiệp ước Xevơrơ.

lần nữa, người ta lại phủ nhận những lời tuyên bố của Đồng minh, những điều mà nước Anh đã nhân danh Đồng minh cam kết với các dân tộc Ảrập, và ngay cả những lời của các chính khách Pháp hứa bảo đảm nền độc lập cho xứ Xiri bất hạnh. Nước Xiri hiển nhiên có đủ tư cách để được độc lập nhanh chóng, hoàn toàn, và xứng đáng với nền độc lập ấy không kém bất cứ một nước nào khác ở phương Đông hay ở phương Tây. Thế mà Xiri lại không được phép có một quốc kỳ riêng của mình. Người ta đã buộc Xiri phải đính vào quốc kỳ của mình cái mảnh tam tài làm dấu hiệu cho chế độ ủy trị, là một sự thôn tính trá hình.

Thưa ông chủ tịch, từ trước tới nay chúng tôi luôn luôn phản đối chế độ ủy trị, không bao giờ chúng tôi công nhận chế độ ấy cả, ngày nay chúng tôi lại cực lực phản đối việc gắn cái dấu hiệu tượng trưng của chế độ ấy vào lá cờ của chúng tôi.

Hầu hết các cường quốc, kể cả những nước lớn mạnh không kém gì nước Pháp, đều không bao giờ dùng phương pháp làm nhục ấy đối với những thuộc địa lạc hậu nhất của họ.

Hiến chương Hội Quốc liên[1] quy định rõ tính chất tạm thời của chế độ ủy trị (điều 22, đoạn 4). Vậy thì nhà chức trách Pháp dựa trên cơ sở nào để gán ghép

1 Hội Quốc liên (Société des Nation): Một tổ chức do các nước thắng trận trong chiến tranh thế giới thứ nhất thành lập ngày 10 tháng 1 năm 1920, theo hiệp ước Vécxây, với mục đích là phát triển sự hợp tác giữa các dân tộc, giữ gìn hòa bình thế giới. Thực tế tổ chức này không thực hiện mục đích đó, vì bị các nước đế quốc thắng trận khống chế.

màu cờ của họ cho một nước mà họ đòi dìu dắt đến độc lập, một nền độc lập đã được Hiến chương Hội Quốc liên công nhận?

Thưa ngài, chúng tôi trân trọng yêu cầu ngài xét lời phản kháng của chúng tôi về vấn đề ấy, và một lần nữa, chúng tôi nhắc lại nguyện vọng tha thiết nhất của chúng tôi là những yêu sách chính đáng của chúng tôi sẽ được bênh vực tại hội nghị.

Kính mong, v.v...

Thay mặt trưởng đoàn đại biểu
Xiri – Palextin
Tổng thư ký
EMIA SEKIP ACXLAN"

Ngoài ra, những người ở Hama, phần nhiều là công chức, luật sư, giáo sư, nhà báo, nhà buôn, đã gửi cho thủ tướng Pháp một bức thư mà sau đây là những đoạn chính:

"Thưa ngài thủ tướng, chúng tôi được hân hạnh trình bày với ngài các yêu sách của chúng tôi, đồng thời chúng tôi phản đối sự phản ứng của cái hội đồng đó, sự phản ứng mà chúng tôi cho là đã đi ngược lại lợi ích của chúng tôi và lợi ích của cả nước Xiri nói chung.

1. Cái hội đồng liên bang ấy không phải là do quốc dân bầu ra. Vì thế, các ủy viên của hội đồng đó hoàn toàn không có tư cách là đại biểu của quốc dân, cũng không thể phản ánh ý chí của quốc dân.

2. Hội đồng áy không có quyền hành gì cả; nó bị bắt buộc chỉ được thảo luận những vấn đề nào mà người ta muốn đưa ra trước nó, nên ngay cả những vấn đề sống còn của đất nước, nó cũng không thể đề cập đến được. Sau hết, các nghị quyết của hội đồng lại hoàn toàn phụ thuộc vào quyền hành của cao ủy, cao ủy có thể tùy tiện thi hành hay bác bỏ.

3. Chính ngay cơ sở của hội đồng ấy cũng không vững, bởi vì mỗi bang chỉ có một đại biểu, mặc dầu dân số các bang không bằng nhau. Lại còn điều kỳ quặc phi lý này nữa là hội đồng không theo nguyên tắc đa số, có một ý kiến bất đồng là cuộc biểu quyết coi như không có giá trị và vấn đề phải đưa lên cao ủy quyết định.

4. Người ta giới thiệu hội đồng này như là một bước tiến trên con đường đi đến thống nhất, thật ra nó là sự phủ nhận thống nhất, phủ nhận ngay đến cả tư cách của đất nước nữa, vì đã là một hội đồng chỉ định ra thì nó hoàn toàn không phản ánh được ý chí của quốc dân; thậm chí nó còn có thể đi ngược lại ý chí đó, trong khi trước con mắt của toàn thế giới, nó lại có thể được coi như là cơ quan để đạt nguyện vọng của nhân dân Xiri, và do đó sẽ cung cấp cho người ta những lý do để khước từ những yêu sách chính đáng của quốc dân chúng tôi.

....

Còn về nguyện vọng của chúng tôi, thì có thể nêu lên như sau:

a. Công nhận nền độc lập thật sự và sự thống nhất của Xiri.

b. Sau khi làm xong cuộc điều tra dân số đang tiến hành thì sẽ tổ chức phổ thông đầu phiếu để bầu ra quốc hội. Quốc hội sẽ ban hành hiến pháp và quyết định chính thể. Quốc hội có thể được triệu tập vào cuối năm 1922, tức là lúc hội đồng liên bang sẽ được triệu tập.

c. Thành lập một chính phủ chịu trách nhiệm trước quốc hội, và quốc hội, trong những quyền hạn của nó, phải có toàn quyền lập pháp.

Đó mới là những nguyện vọng thật sự của nhân dân Hama, mà cũng là nguyện vọng của tuyệt đại đa số nhân dân Xiri.

*

* *

Từ khi tập sách nhỏ này viết xong, thì nhiều biến cố nghiêm trọng đã xảy ra ở nhiều thuộc địa. Đó là quả bom ở Quảng Châu(1) do một người An Nam ném, là những quả bom ở Ăngti, những vụ bãi công đẫm máu ở Guyađơlúp, những cuộc biểu tình không kém đổ máu ở Đamát, những vụ bãi công ở Bidécto(2), ở Hammănglíp(3) và tình hình sôi sục ở Tuynidi.

1 Quả bom ở Quảng Châu: Ngày 16-9-1924, Phạm Hồng Thái dùng bom mưu giết tên Méclanh, toàn quyền Đông Dương, tại Sa Diện (thuộc TP. Quảng Châu, Trung Quốc).

2 Bizerte: Quân cảng của nước Tuynidi.

3 Hammanlif: Một thành phố của nước Angiêri.

IV – CÁCH MẠNG NGA VỚI CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra.

Cách mạng Nga hiểu rất rõ điều đó. Cho nên nó không dừng lại ở việc đọc những bài diễn văn lý tưởng đẹp đẽ và thông qua những kiến nghị nhân đạo để ủng hộ các dân tộc bị áp bức, mà Cách mạng Nga dạy cho họ đấu tranh. Cách mạng Nga giúp đỡ họ về tinh thần và vật chất như Lênin đã viết trong luận cương của Người về vấn đề thuộc địa[1]. Cách mạng Nga đã triệu tập họ đến Đại hội Bacu[2]: hai mươi mốt dân tộc phương Đông đã phái đại biểu tới dự. Những đại biểu của các đảng công nhân phương Tây cũng tham gia Đại hội. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp vô sản ở các nước xâm lược và giai cấp vô sản ở các nước bị xâm lược đã nắm tay nhau trong tình anh em và cùng

1 Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa: Bản đề cương này do Lênin viết ngày 5-6-1920 và trình bày tại Đại hội lần thứ II của Quốc tế cộng sản (năm 1920). Trong bản luận cương này, Lênin đã nêu lên những vấn đề đường lối cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

2 Đại hội Bacu (Congrès de Bakou): Tháng 9 năm 1920 tại Bacu (thủ đô nước Cộng hòa Adécbaidăng, Liên Xô), 21 dân tộc phương Đông đã mở một cuộc đại hội, nhằm biểu dương và tăng cường tình đoàn kết giữa các dân tộc phương Đông, và giữa các dân tộc phương Đông với giai cấp vô sản Nga cùng giai cấp vô sản thế giới, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

nhau tìm cách đấu tranh cho có hiệu quả chống chủ nghĩa tư bản là kẻ thù chung của họ.

Sau cuộc Đại hội lịch sử ấy, mặc dầu đang phải đương đầu với những khó khăn dồn dập trong nước và ngoài nước, nước Nga cách mạng vẫn không hề một phút do dự trong việc giúp đỡ các dân tộc ấy, những dân tộc mà nó đã thức tỉnh bằng tấm gương cách mạng anh dũng và thắng lợi của nó. Việc làm đầu tiên của nó là thành lập Trường đại học phương Đông.

Hiện nay, Trường đại học phương Đông có 1.025 sinh viên mà 151 là nữ sinh. Trong số sinh viên đó, có 895 người là đảng viên cộng sản. Thành phần xã hội của sinh viên như sau: 547 nông dân, 265 công nhân, 210 trí thức. Ngoài ra còn có 75 học sinh thiếu niên từ 10 đến 16 tuổi.

Có 150 giáo sư phụ trách giảng dạy về khoa học xã hội, về toán học, về chủ nghĩa duy vật lịch sử, về lịch sử phong trào công nhân, về khoa học tự nhiên, về lịch sử các cuộc cách mạng, về khoa kinh tế – chính trị, v.v..., v.v... Trong lớp học, thanh niên của sáu mươi hai dân tộc sát cánh nhau như anh em ruột thịt.

Trường có 10 ngôi nhà lớn dành cho sinh viên. Lại có một rạp chiếu bóng, thứ năm và chủ nhật chiếu cho sinh viên xem không lấy tiền, các ngày khác thì cho một người thầu thuê. Có hai thư viện với 47.000 quyển sách giúp cho các nhà cách mạng trẻ tuổi bồi dưỡng tư tưởng và đi sâu vào việc nghiên cứu. Mỗi dân tộc hoặc "nhóm" lại có một tủ sách riêng gồm sách báo bằng

tiếng mẹ đẻ của mình. Phòng đọc sách được sinh viên trang trí rất có mỹ thuật, và có đầy đủ các báo hàng ngày và tạp chí.

Sinh viên tự mình cũng ra một tờ báo có "một bản duy nhất" dán vào một cái bảng to đặt trước cửa phòng đọc sách. Những người đau ốm được điều trị trong bệnh viện của nhà trường. Một trại điều dưỡng ở Cơrimê được dành riêng cho những sinh viên mới ốm dậy. Chính phủ Xôviết tặng nhà trường hai trại nghỉ gồm có chín ngôi nhà. Mỗi trại có một nhà chăn nuôi để nghiên cứu việc chăn nuôi. Đồng chí bí thư nông nghiệp của trường không giấu nổi niềm tự hào khi nói với tôi: "Chúng tôi đã có 30 con bò cái và 50 con lợn". Trại còn có 100 hécta đất để cho sinh viên trồng trọt. Trong các kỳ nghỉ, sau giờ làm việc và tập luyện, sinh viên đi giúp đỡ nông dân.

Nhân đây cũng nói thêm rằng, một trong hai trại nghỉ ấy trước kia là tài sản của một đại công tước Nga[1]. Thật là ngộ nghĩnh khi trông thấy lá cờ đỏ kiêu hãnh phấp phới trên đỉnh ngọn tháp được trang điểm bằng chiếc mũ miện đại công tước và thấy những người nông dân trẻ tuổi Triều Tiên hay Ácmêni chuyện trò và vui đùa không chút kiêng nể trong phòng lễ của "hoàng tử điện hạ".

Sinh viên ăn, mặc, ở đều không mất tiền. Mỗi tháng, mỗi người còn được lĩnh năm rúp vàng để tiêu vặt.

Để sinh viên có những kiến thức cơ bản về khoa

1 Tước của thái tử thời Nga hoàng.

nuôi trẻ, nhà trường nhận đỡ đầu một nhà nuôi trẻ và một nhà gửi trẻ kiểu mẫu gồm 60 em nhỏ xinh xắn.

Mỗi năm Trường đại học phương Đông chi tiêu đến 516.000 rúp vàng.

Các đại biểu của 62 dân tộc trong Trường đại học lập thành một "Công xã". Chủ tịch và các cán sự của Công xã đều do đầu phiếu phổ thông bầu ra, ba tháng một lần. Một đại biểu sinh viên tham gia việc quản lý kinh tế và hành chính. Tất cả các sinh viên đều lần lượt thay phiên nhau làm bếp, làm công tác thư viện, câu lạc bộ, v.v... Tất cả những vụ tranh chấp và "phạm pháp" đều do một tòa án được bầu ra xét xử trước mặt toàn thể các đồng chí. Mỗi tuần, Công xã họp một lần để thảo luận tình hìnhh chính trị và kinh tế thế giới. Thỉnh thoảng lại tổ chức những cuộc míttinh và những buổi tối giải trí, trong đó có những nghệ sĩ tài tử đột xuất làm cho anh em được thưởng thức nghệ thuật và văn học muôn màu muôn vẻ của những đất nước xa xôi.

Một điểm đặc biệt làm nổi bật sự "dã man" của những người bônsêvích là không những họ coi những người dân thuộc địa "thấp kém" ấy như anh em, mà còn mời họ tham gia đời sống chính trị của nước Nga nữa. Những sinh viên khi ở quê hương mình chỉ là những "dân thuộc địa", "dân bị bảo hộ", nghĩa là những người không có quyền gì khác ngoài quyền nộp thuế, những người không được góp ý kiến vào công việc của nước mình, không được phép bàn bạc chính trị, thì nay được tham gia tổng tuyển cử của nhân dân để bầu những

đại biểu của mình vào các Xôviết. Mong rằng những anh em của tôi ở các thuộc địa đang hoài công tốn của cầu cạnh xin xỏ thay đổi quốc tịch mãi mà không được, hãy thử so sánh nền dân chủ tư sản với nền dân chủ vô sản xem![1]

Tất cả những sinh viên ấy đều đã từng chịu đau khổ và trông thấy cảnh đau khổ. Tất cả đều đã sống dưới "nền văn minh cao đẳng" và dưới sự áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản nước ngoài. Cho nên, tất cả đều phấn khởi và thiết tha học hỏi. Họ rất hăng hái và nghiêm túc. Họ hoàn toàn không có vẻ công tử ăn chơi nhàn nhã[2] như những thanh niên phương Đông du học ở Pari, Ôxơpho, hoặc Béclin. Người ta có thể nói không ngoa rằng, Trường đại học phương Đông ấp ủ dưới mái của mình tương lai của các dân tộc thuộc địa.

Miền Cận Đông và Viễn Đông, kể từ Xiri đến Triều Tiên – chỉ tính những nước thuộc địa và nửa thuộc địa thôi – có một diện tích rộng hơn 15 triệu kilômét vuông, với số dân hơn 1.200 triệu người. Tất cả những nước rộng lớn ấy hiện đang ở dưới ách của chủ nghĩa đế quốc tư bản. Và mặc dầu dân số của họ đáng lẽ phải làm cho họ có sức mạnh, các dân tộc bị áp bức đó vẫn chưa bao giờ ra sức tìm tòi thật đến nơi đến chốn con đường tự giải phóng, cho nên họ chưa hiểu được giá trị của sự đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Họ chưa

1 Bản tiếng Pháp xuất bản năm 1946: "... la démocratie bourgeoise et la démocratie ouvrière!" (nền dân chủ tư sản và nền dân chủ của công nhân).

2 Nguyên văn: *Ils n'ont pas du tout l'air boulevardier et quartier-latiniste…*, có nghĩa là: họ không có vẻ hạng người rong chơi trên các đại lộ hoặc ở khu phố latinh.

có những mối liên hệ giữa các lục địa như các dân tộc châu Âu và châu Mỹ. Họ có sẵn trong bản thân một sức mạnh vô cùng to lớn mà họ chưa biết! Việc thành lập Trường đại học phương Đông đánh dấu một kỷ nguyên mới; trong khi tập hợp những người trẻ trung, hoạt bát, thông minh của các nước thuộc địa lại, nhà trường đang tiến hành một sự nghiệp vĩ đại là:

a. Giáo dục cho các chiến sĩ tương lai ấy nắm được nguyên lý đấu tranh giai cấp là nguyên lý mà một mặt, những cuộc đấu tranh chủng tộc, mặt khác, những tập tục gia trưởng đã làm cho mơ hồ, lẫn lộn trong đầu óc họ.

b. Làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này; chỉ có sự hợp tác này mới đảm bảo cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng.

c. Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh cửa cách mạng vô sản.

d. Nêu lên cho giai cấp vô sản ở những nước mà giai cấp tư sản có thuộc địa, một tấm gương về những điều họ có thể làm và phải làm cho những anh em của họ đang bị nô dịch.

V – HỠI ANH EM VÔ SẢN VÀ NÔNG DÂN CÁC THUỘC ĐỊA!

Cuộc chém giết đẫm máu thế giới đã mở mắt cho hàng triệu vô sản và nông dân các thuộc địa thấy rõ hoàn cảnh sinh sống không sao chịu nổi của mình. Một loạt những cuộc bùng nổ cách mạng mãnh liệt, nhưng chưa được tổ chức, đã đánh dấu sự kết thúc của cuộc chiến tranh thế giới. Lực lượng tự phát không gì ngăn nổi và khát khao chiến đấu cho một tương lai tốt đẹp hơn ấy, là do giai cấp tư sản dân tộc bản xứ tổ chức và lãnh đạo. Lớn mạnh lên trong thời kỳ chiến tranh, giai cấp tư sản dân tộc đó không muốn nằm mãi trong nanh vuốt của chủ nghĩa đế quốc và để cho chúng nắm phần to lớn nhất trong việc bóc lột "công nhân và nông dân của mình" nữa. Khẩu hiệu đấu tranh giải phóng dân tộc của giai cấp tư sản trẻ tuổi ở thuộc địa đề ra, được quần chúng lao động ở Ấn Độ, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ, v.v... hoan nghênh nhiệt liệt và ủng hộ mạnh mẽ.

Quốc tế cộng sản[1] đấu tranh không ngừng chống bọn cá mập tư bản ở tất cả các nước trên thế giới. Có thể nào nó lại giả vờ quay lưng lại với phong trào giải

---

1 Quốc tế cộng sản *(Internationale communiste):* Một tổ chức cách mạng quốc tế, trung tâm lãnh đạo của phong trào công nhân thế giới từ năm 1919 đến năm 1943. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, những người cầm đầu Quốc tế thứ hai phản bội chủ nghĩa Mác, đầu hàng chủ nghĩa đế quốc. Lênin và những người cộng sản chân chính đã thành lập một tổ chức cộng sản quốc tế mới, triệt để cách mạng: Quốc tế cộng sản (Quốc tế thứ ba). Tổ chức này được thành lập tại một cuộc Đại hội do Lênin triệu tập vào tháng 3 năm 1919 ở Mátxcơva. Tuyên ngôn của Đại hội đã nêu bật lập trường cách mạng triệt để đấu tranh giành chuyên chính vô sản, kiên quyết đấu tranh tiêu diệt chủ nghĩa tư bản, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa và lên án những hành vị phản bội của Quốc tế thứ hai. Trải qua 24 năm đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phát xít, xây dựng các đảng cộng sản ở các nước, căn cứ vào hoàn cảnh mới, năm 1943 Quốc tế cộng sản đã tự giải tán.

phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa được không?

Không! *Quốc tế cộng sản đã công khai tuyên bố ủng hộ và giúp đỡ cuộc đấu tranh ấy, và trung thành với mục tiêu của mình, Quốc tế cộng sản vẫn tiếp tục ủng hộ cuộc đấu tranh ấy.*

(Trích Tuyên ngôn của
Ban chấp hành Quốc tế thứ ba)

VI – MỘT BẢN HIỆU TRIỆU CỦA QUỐC TẾ NÔNG DÂN[1] GỬI NÔNG DÂN LAO ĐỘNG CÁC THUỘC ĐỊA

Quốc tế nông dân mới đây họp Đại hội lần đầu tiên ở Mátxcơva đã ra lời kêu gọi dưới đây để tỏ rõ sự quan tâm của mình đối với nông dân lao động các thuộc địa:

Hỡi anh chị em nông dân lao động các thuộc địa!

Hỡi anh chị em nông dân thuộc địa, anh chị em là những người nô lệ hiện đại: hàng triệu anh chị em ở ngoài đồng ruộng, trên thảo nguyên và trong núi rừng của hai lục địa, đang rên siết dưới hai tầng áp bức của chủ nghĩa tư bản nước ngoài và bọn chủ bản xứ.

Họp lần đầu tiên ở Mátxcơva để thành lập một tổ chức đấu tranh mà cho đến nay nông dân chưa có,

1 Quốc tế nông dân *(Internationale Paysanne)*: Một tổ chức do Quốc tế cộng sản thành lập nhằm tập hợp, vận động nông dân các thuộc địa làm cách mạng dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, với tư cách là đại biểu nông dân các nước thuộc địa đã dự Hội nghị quốc tế nông dân (họp từ ngày 12 đến ngày 15 tháng 10 năm 1923) và được bầu vào Ban chấp hành Quốc tế nông dân.

Đại hội nông dân quốc tế kêu gọi ý thức giai cấp của anh chị em và yêu cầu anh chị em hãy gia nhập hàng ngũ tổ chức đó.

Anh chị em còn khốn khổ hơn các bạn nông dân ở chính quốc, vì ngày công quá dài, vì đói khổ, vì ngày mai bấp bênh.

Anh chị em thường bị cưỡng bách lao động như khổ sai, bị bắt đi khuân vác đến chết người và đi lao dịch không thời hạn.

Anh chị em bị đè bẹp dưới thuế khóa.

Chủ nghĩa tư bản bóc lột dìm anh chị em trong cảnh tối tăm ngu dốt, áp bức anh chị em về mặt tư tưởng và tiêu diệt nòi giống của anh chị em bằng rượu và thuốc phiện.

Chế độ bản xứ bỉ ổi do bọn đế quốc tư bản đặt ra, tước mất của anh chị em mọi quyền tự do cá nhân, mọi quyền lợi chính trị và xã hội, do đó, đã hạ anh chị em xuống thân phận trâu ngựa.

Đẩy anh chị em vào cảnh cùng khổ và phá sản như vậy chưa đủ, chủ nghĩa tư bản còn bắt anh chị em lìa bỏ gia đình, đồng ruộng, đưa anh chị em ra làm bia đỡ đạn, ném anh chị em vào những cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn đánh lại nhân dân bản xứ khác hoặc chống lại nông dân, công nhân ở chính quốc.

Hỡi anh chị em cùng khổ ở các thuộc địa!

Hãy đoàn kết lại!

Hãy tổ chức lại!

Hãy phối hợp hành động của anh chị em với hành động của chúng tôi, chúng ta cùng nhau đấu tranh cho công cuộc giải phóng chung!

Công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa thành công muôn năm!

Quốc tế lao động muôn năm!

Quốc tế nông dân muôn năm!

VII – TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN Ở THUỘC ĐỊA

Trích biên bản phiên họp ngày 27 tháng 6 năm 1923, kỳ họp thứ ba của Ban chấp hành trung ương Quốc tế Công hội đỏ[1].

Đấu tranh công đoàn ở thuộc địa

Chủ nghĩa đế quốc hiện đại đặt nền móng trên sự bóc lột hàng triệu người lao động ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Bởi thế, nó chỉ tan rã hoàn toàn và vĩnh viễn khi nào chúng ta phá bỏ được nền móng đó của lâu đài đế quốc chủ nghĩa. Theo quan điểm đó, việc tổ chức công đoàn ở các nước thuộc địa có một tầm quan trọng đặc biệt. Thế mà đoàn viên của Quốc

1 Quốc tế Công hội đỏ *(Internationale Syndicale Rouge):* Một tổ chức quốc tế của những người công nhân cách mạng, thành lập ngày 3 tháng 7 năm 1921. Quốc tế Công hội đỏ chủ trương đấu tranh cách mạng theo đường lối của Quốc tế cộng sản. Năm 1925, tổ chức này đã phát triển trong giai cấp công nhân của gần 50 nước, trong đó có nhiều nước châu Á, có vai trò lớn trong việc giúp đỡ phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.

tế Công hội đỏ hầu như chưa hề làm được gì ở Ai Cập, ở Tuynidi và ở tất cả các nước đương nằm dưới gót sắt của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Mối liên hệ hiện có giữa các nhóm công nhân ở các thuộc địa Pháp và các công đoàn Pháp chỉ là do ngẫu nhiên. Không có một hoạt động có hệ thống nào cả, mà rõ ràng là nếu chưa tranh thủ được quần chúng ở thuộc địa thì chúng ta không đủ sức phá hủy bộ máy đế quốc chủ nghĩa. Việc cần thiết hiện nay là phải phát động một cuộc tuyên truyền rộng lớn để thành lập các tổ chức công đoàn ở các nước thuộc địa và phát triển các công đoàn hiện có dưới hình thức phôi thai. Ngoài ra, chúng ta cần phải tỏ rõ tình hữu ái giai cấp thực sự giữa những người lao động thuộc mọi dân tộc, mọi chủng tộc để khắc phục sự nghi kì của những người lao động thuộc địa đối với những đại diện của những người lao động thuộc địa đối với những đại diện của những chủng tộc thống trị. Mối liên hệ hữu cơ giữa công đoàn thuộc địa và công đoàn chính quốc chỉ có thể là kết quả của một quá trình công tác lâu dài trong các thuộc địa.

Không được quên những người lao động thuộc địa, phải giúp đỡ các tổ chức của họ, đấu tranh bền bỉ chống những chính phủ của chính quốc đang áp bức các thuộc địa, đó là một trong những nhiệm vụ cấp thiết nhất của tất cả các công đoàn cách mạng, nhất là ở các nước có giai cấp tư sản đi nô dịch và bóc lột các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

*

* *

TUYÊN NGÔN CỦA "HỘI LIÊN HIỆP THUỘC ĐỊA", TỔ CHỨC CỦA NHỮNG NGƯỜI DÂN BẢN XỨ Ở TẤT CẢ CÁC THUỘC ĐỊA

"*Hỡi anh em ở các thuộc địa!* Năm 1914, vì phải đương đầu với một tai họa ghê gớm, những người cầm quyền nhà nước đã quay về phía anh em và yêu cầu anh em đồng tình góp phần hy sinh của mình để cứu vãn một tổ quốc mà người ta nói là của anh em, nhưng thật ra cho đến khi đó, anh em chỉ biết có cái đầu óc thống trị của nó mà thôi.

Để làm cho anh em không ngần ngại, họ không quên làm lóe lên trước mắt anh em những quyền lợi mà sự hợp tác với họ sẽ đưa lại cho anh em. Nhưng qua cơn bão táp rồi, thì đâu lại hoàn đó, anh em vẫn phải sống trong chế độ bản xứ, với những tòa án đặc biệt, thiếu hẳn các quyền lợi gắn liền với phẩm giá con người như quyền tự do lập hội, tự do hội họp, tự do báo chí, tự do đi lại ngay cả trên đất nước của anh em. Đó là về mặt chính trị.

Về mặt kinh tế, anh em vẫn phải chịu nạn sưu dịch nặng nề mà nhân dân oán ghét, vẫn phải đóng thuế muối, vẫn bị đầu độc và cưỡng bách tiêu thụ rượu và thuốc phiện như ở Đông Dương, vẫn bị đi gác đêm để canh giữ tài sản cho bọn cá mập thực dân, như ở Angiêri.

Lao động như nhau, nhưng công sức của anh em lại bị trả tiền ít hơn các bạn người Âu của anh em.

Cuối cùng, người ta hứa hẹn với anh em đủ mọi thứ trên trời dưới biển, nhưng giờ đây anh em thấy toàn là những lời lừa dối cả.

Anh em phải làm thế nào để được giải phóng?

Vận dụng công thức của Các Mác[1], chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em.

Hội Liên hiệp thuộc địa thành lập chính là để giúp đỡ anh em trong công cuộc ấy.

Với sự giúp đỡ của các đồng chí ở chính quốc đồng tình với sự nghiệp của chúng ta, Hội tập hợp tất cả những người quê ở thuộc địa hiện sống trên đất Pháp.

Biện pháp hoạt động: Để thực hiện sự nghiệp chính nghĩa ấy, Hội quyết định đưa vấn đề ra trước dư luận bằng báo chí và ngôn luận (tổ chức nói chuyện, mít-tinh, thông qua các bạn dân biểu mà đặt vấn đề ra trên diễn đàn các nghị viện) và bằng tất cả mọi biện pháp mà chúng ta có thể làm.

Hỡi các bạn bị áp bức ở chính quốc! Giai cấp tư sản trong nước các bạn đã lừa dối các bạn, dùng các bạn làm công cụ đi xâm lược đất nước chúng tôi. Ngày nay,

---

1 Nguyên bản: Formule de Karl Marx. Công thức này Mác nêu trong Điều lệ của Hội Liên hiệp lao động quốc tế: “Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân”.

vẫn dùng cái chính sách quỷ quyệt ấy, *giai cấp tư sản nước các bạn lại định dùng chúng tôi để đàn áp mọi cố gắng tự giải phóng của các bạn.*

Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác:

"Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!"".

"Hội Liên hiệp thuộc địa"



PHỤ LỤC

GỬI THANH NIÊN AN NAM

Ông Đume, nguyên toàn quyền Đông Dương đã viết: “Khi nước Pháp đến Đông Dương, thì dân tộc An Nam đã chín muồi để làm nô lệ”. Từ đó đến nay hơn một nửa thế kỷ đã trôi qua. Nhiều biến cố phi thường đã làm đảo lộn thế giới. Nhật Bản đã đứng vào hàng đầu các cường quốc trên thế giới. Trung Hoa đã làm cách mạng. Nga đã tống cổ lũ bạo chúa đi để trở thành một nước cộng hòa vô sản. Một luồng gió giải phóng mạnh mẽ đã làm cho các dân tộc bị áp bức vùng lên. Người Airơlan, Ai Cập, Triều Tiên, Ấn Độ, tất cả những người chiến bại hôm qua và nô lệ hôm nay đó, đương đấu tranh dũng cảm cho nền độc lập ngày mai của họ. Riêng người An Nam, thì vẫn cứ thế: sẵn sàng làm nô lệ.

Hãy nghe đoạn văn khốn nạn này của một tên khách An Nam trong một bữa tiệc hai trăm người ăn, tổ chức ra để chiêu đãi bọn Utơrây, Valuydơ và bè lũ và để được ngửi mùi bít tất thối của bọn “liên minh dân tộc” này.

Anh chàng An Nam ấy đã không ngại bỏ ra 85 quan cho một bữa chè chén. Hắn đọc diễn văn tại bữa tiệc:

"Tôi lấy làm tự hào được thay mặt cho toàn thể cử tọa nói lên tấm lòng tôn kính sâu sắc, niềm vui mừng và lòng biết ơn của chúng tôi đối với các vị. Đối với con mắt khâm phục của chúng tôi, các vị thật là những người tiêu biểu cho chính phủ của dân tộc Pháp vinh quang.

Tôi không tìm ra được danh từ nào đủ đẹp để nói lên cho thật đúng ý nghĩa của tư tưởng sâu kín trong chúng tôi, nhưng thưa các vị, các vị hãy tin ở tình gắn bó thủy chung, ở lòng trung thành, ở sự sùng bái của chúng tôi đối với nước Đại Pháp, là người đỡ đầu và bảo hộ, đã coi chúng tôi như con, không phân biệt màu da và chủng tộc.

Mỗi người chúng tôi đều đã tự mình nhận thấy tất cả những ân huệ mà Nhà nước chí tôn và những vị đại diện cho nước Đại Pháp đã ban cho chúng tôi bằng cách áp dụng đúng đắn và sáng suốt những luật pháp rộng rãi và khoan hồng".

Trong đám tang viên toàn quyền Lông, ông N.K.V, tiến sĩ luật, tiến sĩ khoa chính trị và kinh tế, làm việc tại tòa biện lý Sài Gòn, đã quả quyết rằng, nếu có thể phát biểu thay toàn thể nhân dân Đông Dương, thì ông sẽ đau đớn nói lên lời cảm tạ thiết tha đối với quan toàn quyền về tất cả những gì mà Ngài đã làm cho dân tộc An Nam. Rồi ông V. kêu to lên rằng:

"Những người mà nhờ những biện pháp bao dung của Ngài, ngày nay đang được cùng các vị đại diện của Nhà nước bảo hộ góp phần vào sự phồn vinh không

ngừng tăng lên của xứ Đông Dương, những người ấy cảm tạ Ngài tự đáy lòng và sùng bái hình ảnh của Ngài. Kinh tế là vấn đề mà Ngài lo nghĩ đến nhiều nhất. Ngài đã muốn cho Đông Dương có đủ trang bị kinh tế để trở thành một nước Pháp thứ hai, một nước Pháp hùng cường ở Viễn Đông, một chi nhánh của nước Pháp Cộng hòa!

Ngài đã đem hết tâm hồn, trí não vào sứ mệnh của Ngài là khai hóa cho một dân tộc bị ngăn cản trên con đường tiến bộ vì nhiều điều kiện lịch sử và khí hậu. Ngài là người chiến sĩ vô song của tiến bộ và là sứ giả của văn minh...".

Còn ông Cao Văn Sen, kỹ sư, hội trưởng hội những người Đông Dương tại Pháp, thì nói rằng việc ông Lông chết quá sớm là một cái tang cho Đông Dương. Rồi ông kết thúc bài điếu văn bằng những lời sau đây:

"Thưa quan toàn quyền, chúng tôi chân thành thương tiếc Ngài vì đối với tất cả chúng tôi, Ngài là một ông chủ bao dung, khoan thứ như một người cha".

Từ những việc trên, tôi xin kết luận rằng, nếu quả thật tất cả mọi người An Nam đều rạp mình sát đất như bè lũ tay sai ấy của chính quyền thì người An Nam có phải chịu số kiếp nô lệ cũng là đáng đời!

*

* *

Thanh niên ta cũng cần biết là hiện nay có hơn hai nghìn thanh niên Trung Hoa trên đất Pháp và độ năm vạn ở châu Âu và châu Mỹ. Hầu hết những thanh niên

ấy đều đã tốt nghiệp Hán văn và tất cả đang là sinh viên – công nhân. Còn chúng ta, thì chúng ta có những sinh viên được học bổng và những sinh viên thường, nhờ ơn nhà nước hay tiền của cha mẹ (hại thay, hai cái nguồn ấy lại không bao giờ cạn cả), mà đang dành một nửa thì giờ vào các việc... chơi bi-a, một nửa của nửa thì giờ còn lại để đến các chốn ăn chơi; số thì giờ còn lại, mà ít khi còn lắm, thì để vào trường đại học hoặc trường trung học. Nhưng sinh viên – công nhân Trung Quốc thì lại không có mục đích nào khác hơn là nhằm *thực sự* chấn hưng nền kinh tế nước nhà và họ theo châm ngôn: "Sinh sống bằng lao động của bản thân và vừa học hỏi vừa lao động".

Họ đã làm như thế này: vừa đặt chân lên đất nước người là tất cả những người có năng khiếu giống nhau và cùng muốn học một nghề thì tập hợp lại thành nhóm để vận động xin việc với bọn chủ. Khi được nhận vào xưởng thợ hay nhà máy, thì cố nhiên là họ bắt đầu bằng cách học việc, rồi sau trở thành thợ. Đối với nhiều người đã được nuôi dưỡng trong cảnh giàu sang và được gia đình chiều chuộng, thì làm những việc nặng nhọc là một điều gian khổ. Nếu họ không có một quyết tâm vững chắc, không được một sức mạnh tinh thần phi thường thúc đẩy thì phần lớn đã phải chùn bước. Nhưng cho tới nay, tất cả vẫn tiếp tục làm việc. Một trở lực thứ hai là ngôn ngữ bất đồng, họ đã khắc phục được trở lực ấy nhờ biết lợi dụng khiếu quan sát, cái khiếu gần như là một bản năng đặc biệt của những

người Viễn Đông chúng ta. Nếu họ không hiểu được hay hiểu một cách khó khăn những lời chủ họ nói, thì họ chăm chú quan sát những cái mà chủ chỉ cho họ.

Họ kiếm không được bao nhiêu tiền. Với số tiền công ít ỏi, trước hết họ phải tính sao cho đủ sống. Và, họ coi việc không xin tiền chính phủ, không xin tiền gia đình là một vấn đề danh dự. Sau nữa, tùy theo số tiền kiếm được họ trích một phần để đóng vào quỹ tương tế do họ lập ra. Quỹ này nhằm hai mục đích: 1. giúp đỡ những sinh viên đau ốm có giấy chứng nhận của thầy thuốc và những sinh viên thất nghiệp có giấy chứng nhận của chủ; 2. trợ cấp một số tiền trong một năm cho tất cả những người mới học nghề xong để giúp họ bổ túc nghiệp vụ.

Lao động ở nước nào, họ cũng xuất bản ở đấy một tờ tạp chí (luôn luôn là do sinh viên – công nhân đóng góp). Tạp chí ấy viết bằng chữ Hán, cung cấp tin tức của Tổ quốc và đăng những vấn đề thời sự lớn trên thế giới, v.v... Tạp chí dành một mục cho độc giả trao đổi những điều bổ ích cho việc học nghề của họ, báo cho nhau biết sự tiến bộ của từng người, khuyên nhủ và động viên nhau. Ban ngày họ làm việc, ban đêm họ học tập.

Kiên trì, quyết tâm và đoàn kết như thế, các "ông chú trẻ tuổi"[1] của chúng ta chắc chắn sẽ đạt mục đích. Với một đạo quân 50.000 công nhân dũng cảm đáng khâm phục, lại được đào tạo trong kỷ luật và kỹ thuật hiện đại, thì không bao lâu nữa. Trung Quốc sẽ

1 Từ "chú" thường dùng để chỉ Hoa Kiều ở Việt Nam ("chú khách" hay "khách trú")

có một địa vị trong hàng các cường quốc công nghiệp và thương nghiệp thế giới.

Ở Đông Dương, chúng ta có đủ tất cả những cái mà một dân tộc có thể mong muốn như: hải cảng, hầm mỏ, đồng ruộng mênh mông, rừng rú bao la; chúng ta có những người lao động khéo léo và cần cù.

Nhưng chúng ta thiếu tổ chức và thiếu người tổ chức! Bởi thế công nghiệp và thương nghiệp của chúng ta là một con số không. Thế thì thanh niên của ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: họ không làm gì cả. Những thanh niên không có phương tiện thì không dám rời quê nhà; những người có phương tiện thì lại chìm ngập trong sự biếng nhác; còn những kẻ đã xuất dương thì chỉ nghĩ đến việc thỏa mãn tính tò mò của tuổi trẻ mà thôi!

Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám Thanh niên già cõi của Người không sớm hồi sinh.



MỤC LỤC

BẢN ÁN
CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP

NGUYỄN ÁI QUỐC

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. QUÁCH THU NGUYỆT

Biên tập:
KIẾN HUY

Bìa:
BÙI NAM

Sửa bản in:
KIẾN HUY

Kỹ thuật vi tính:
NGUYÊN VÂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 39316289 – 39350973 – 39316211 – 38465595 – 38465596

Fax: 84.8.38437450 – E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: http://www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Số 20 ngõ 91 Nguyễn Chí Thanh, Q. Đống Đa, Hà Nội

ĐT: (04) 37734544 – Fax: (04) 37734544

E-mail: vanphongnxbtre@hn.vnn.vn

Nhà Xuất Bản Trẻ trân trọng giới thiệu
Tủ sách **DI SẢN HỒ CHÍ MINH**

1 Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh
2 Thực hành tiết kiệm & chống tham ô lãng phí, chống bệnh quan liêu - Hồ Chí Minh
3 Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân - Hồ Chí Minh
4 Sửa đổi lối làm việc - X.Y.Z
5 Đời sống mới - Tân Sinh
6 Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch - Trần Dân Tiên
7 Lời non nước - Đào Thản sưu tầm, giới thiệu
8 Hồ Chí Minh - Sự hình thành một nhân cách lớn - Trần Thái Bình
9 Tuyển tập thơ nhạc về Bác Hồ - Nhiều tác giả
10 Bác Hồ thời niên thiếu ở Huế - Nguyễn Đắc Xuân
11 Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ - Thy Ngọc
12 Bác Hồ với văn hoá Trung Quốc - Lương Duy Thứ
13 Chúng tôi học làm ngoại giao với Bác Hồ - Mai Văn Bộ
14 Bác Hồ kể chuyện Tây Du Ký - Trần Văn Giang
15 Bác Hồ giữa trái tim trẻ thơ - Nhiều tác giả
16 Bác Hồ với sự nghiệp trồng người - Phan Hiền
17 Bác Hồ viết Di chúc - Hồi ký của Vũ Kỳ (Thế Kỷ ghi)
18 Bác Hồ - Con người và phong cách - Nguyễn Văn Khoan
19 Hỏi & đáp về cuộc đời & sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Bảo tàng Hồ Chí Minh, chi nhánh TP.HCM
20 Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh - Vũ Đình Hoè
21 Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh - Mai Văn Bộ
22 Những tháng năm tham gia giữ gìn lâu dài & bảo vệ thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh - Trần Kinh Chi
v.v..